BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

VĂN HỌC 10

TẬP HAI

PHẦN VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI VÀ LÍ LUẬN VĂN HỌC

thuongmaitruongxua.vn

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

thuongmaitr

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

NGUYỄN HẢI HÀ - LƯƠNG DUY TRUNG
(chủ biên)
TRẦN XUÂN ĐỀ - LA KHẮC HÒA - NGUYỄN KHẮC PHI
LƯU ĐỨC TRUNG - NGUYỄN HOÀNG TUYÊN

VĂN HỌC

10

TẬP HAI
PHẦN VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI
VÀ LÍ LUẬN VĂN HỌC

Sách chỉnh lí hợp nhất năm 2000
(Tái bản lần thứ hai)

truongxua.vn

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

SÁCH CHỈNH LÍ HỢP NHẤT TRÊN CƠ SỞ CÁC SÁCH GIÁO KHOA SAU ĐÂY :

1. *Văn 10 - Phần VHNN và LLVH* do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội chủ trì biên soạn. Tác giả :

   NGUYỄN ĐĂNG MẠNH (chủ biên), LA KHẮC HÒA, NGUYỄN KHẮC PHI, LƯƠNG DUY THỨ, LƯU ĐỨC TRUNG, NGUYỄN HOÀNG TUYÊN

2. *Văn học 10 - Tập hai* do Hội Nghiên cứu và Giảng dạy Văn học Thành phố Hồ Chí Minh chủ trì biên soạn. Tác giả :

   NGUYỄN LỘC (chủ biên), PHAN NHẬT CHIÊU, TRẦN XUÂN ĐỀ, LÊ NGỌC TRÀ, LƯƠNG DUY TRUNG

thuongmaitr

8(N)(075) / GD – 02   1302/313– 01   Mã số : 3H002T2

Mở đầu

Những tinh hoa văn học thế giới là di sản tinh thần quý giá chung của cả nhân loại và là bộ phận không thể thiếu trong hành trang văn hóa của con người hiện đại.

Văn học là lịch sử tâm hồn mỗi dân tộc, vì thế nó là nhịp cầu hữu nghị giúp cho giao lưu văn hóa giữa các dân tộc vốn diễn ra từ ngàn xưa. Dù vô cùng đa dạng, văn học các dân tộc đều có nét chung là hướng tới Chân, Thiện, Mĩ, giúp con người sống tốt hơn, nhân ái hơn.

Trong ba năm học ở bậc trung học phổ thông, chúng ta sẽ học tác phẩm của một số nhà văn lỗi lạc tiêu biểu cho các trung tâm văn học rực rỡ, các trường phái văn học tiêu biểu của loài người trong khoảng ba ngàn năm.

truongxua.vn

Sắp xếp theo tiến trình lịch sử, chương trình văn học nước ngoài sẽ tạo điều kiện để chúng ta có thể đối sánh văn học nước ngoài với văn học Việt Nam, dùng hai mảng kiến thức này bổ sung, soi sáng cho nhau. Chương trình học đặc biệt chú ý tới văn học các nước có quan hệ ảnh hưởng sâu rộng với văn học Việt Nam.

Nhân dân các nước tiếp xúc với văn học của các dân tộc khác chủ yếu qua bản dịch. Học sinh học văn học nước ngoài cũng qua bản dịch. Nếu đạt đến độ điêu luyện, văn học dịch sẽ trở thành một bộ phận không thể thiếu trong kho tàng văn học của mỗi dân tộc. Văn bản dịch luôn cố gắng đóng vai trò văn bản tương đương với nguyên tác.

Qua bản dịch tốt chúng ta vẫn có thể cảm nhận được cái hay, cái đẹp của nguyên tác.

Chúng ta sẽ tìm hiểu về từng nhà văn qua một tác phẩm trọn vẹn hoặc qua đoạn trích trong tác phẩm tiêu biểu của nhà văn đó. Dựa trên hiểu biết chung về các nhà văn, chúng ta sẽ tìm đọc đầy đủ tác phẩm của họ.

Mong rằng, như giọt sương long lanh ánh mặt trời, các đoạn trích, các tác phẩm văn học trong chương trình sẽ phản ánh nét đặc sắc nghệ thuật trong cá tính sáng tạo của mỗi tác giả và nuôi dưỡng lòng yêu mến văn học trong chúng ta.

Phần lí luận văn học sẽ cung cấp kiến thức về ba vấn đề lớn : Văn học là gì, Tác phẩm văn học và Tiếp nhận văn học. Chắc chắn rằng những kiến thức này sẽ giúp chúng ta hiểu biết kĩ hơn văn học Việt Nam và văn học nước ngoài.

Những áng văn hay và lí luận văn học còn giúp ta trau dồi thêm kĩ năng diễn đạt, để nói và viết tốt hơn.

Cách học tốt nhất là đọc kĩ tác phẩm văn học. Phải cùng một lúc tìm hiểu xem nhà văn muốn nói điều gì và nói điều đó như thế nào. Nói khác đi, chúng ta khám phá và thưởng thức các giá trị thẩm mĩ trong tác phẩm văn học. Văn học giúp ta tìm tòi lẽ sống, làm phong phú tình cảm và đem đến cho ta niềm vui.

Chúng ta hãy cùng nhau đi vào thế giới nghệ thuật vô cùng phong phú và đa dạng của các nhà văn !

thuongmaitr

VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

BÀI 1

SỬ THI "ÔĐIXÊ"

TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM

I – VÀI NÉT VỀ VĂN HỌC HI LẠP CỔ ĐẠI

Nền văn học Hi Lạp cổ đại hình thành và phát triển trong bảy, tám thế kỉ (khoảng từ thế kỉ IX đến thế kỉ I trước Công nguyên) và đã đạt được những thành tựu vô cùng rực rỡ. Nó đã thể hiện được đầy đủ bản chất chân thật của loài người trong buổi ấu thơ và tạo nên "một sự hấp dẫn vĩnh viễn như một giai đoạn không bao giờ tái diễn nữa" (Mác).

ruongxua.vn

Trước khi có văn học viết, người Hi Lạp đã có một kho tàng thần thoại và truyền thuyết vô cùng phong phú, có hệ thống và hoàn chỉnh, kết hợp nhuần nhị chất hiện thực với chất lãng mạn, thấm đượm màu sắc triết lí và yếu tố thẩm mĩ; nó đã trở thành một "kho nguyên liệu" và là "mảnh đất nuôi dưỡng" (Mác) nghệ thuật Hi Lạp sau này.

Từ những nguyên liệu thần thoại và truyền thuyết ấy, Hômerơ đã xây dựng nên những thiên sử thi bất hủ. Cũng từ nguồn đó, các nhà thơ sau Hômerơ đã cho ra đời các loại thơ tự sự, thơ trữ tình, các bi kịch và hài kịch mà đỉnh cao là những sáng tác của Etsilơ[1], Xôphôclơ[2], Ơripit[3], Arixtôphan[4]... Ra đời vào thời kì đang lên của Nhà nước dân chủ chủ nô Aten, nền văn học Hi Lạp cổ đại đã đề cập đến những vấn đề lớn lao của con người và thời đại như tự do, dân chủ, công lí, nhân đạo, vấn đề lí tưởng anh hùng, đề cao lí trí, đấu tranh chống lại số mệnh, v.v... Các nội dung phong phú đó được thể hiện trong những hình thức nghệ thuật hùng tráng và đồ sộ,

Đền thờ Pactênông ở thủ đô Hi Lạp, nơi thờ các vị thần trong thần thoại Hi Lạp.

thuongmaitr

huyền diệu và trữ tình, cân đối và đẹp đẽ, mực thước và hài hòa, tạo nên cái gọi là "sự mầu nhiệm Hi Lạp" làm cho nhân loại đời sau mãi mãi kinh ngạc.

II – SỬ THI VÀ HÔMERƠ

1. Sử thi (còn gọi là anh hùng ca) là loại hình văn học thường ra đời vào buổi bình minh của thời kì hình thành các bộ tộc và dân tộc ở nhiều nước, để kể lại những sự kiện vẻ vang nhất, trọng đại nhất và hào hùng nhất trong lịch sử của dân tộc mình.

Về mặt nghệ thuật, sử thi thường mang những đặc điểm như ngôn ngữ trang trọng, tràn đầy những định ngữ, những ẩn dụ, những so sánh, với lối miêu tả tỉ mỉ, cụ thể, với âm điệu chậm rãi theo lối kể "trì hoãn sử thi".

2. Hômerơ, theo truyền thuyết, là nhà thơ Hi Lạp sống vào khoảng thế kỉ IX, thế kỉ VIII trước CN, và là tác giả của hai thiên sử thi *Iliat*

và *Ôđixê*. Trong kí ức của nhân dân Hi Lạp, Hômerơ là một nghệ sĩ mù và thông thái, thường đi lang thang từ thành bang[5] này sang thành bang khác để kể truyện thơ của mình. Vì không xác định được nơi sinh của Hômerơ, nên ngay trong thời cổ đại đã có từ bảy đến mười một thành bang ở Hi Lạp tranh nhau cái vinh dự là quê hương của nhà thơ (đa số các tài liệu sau này cho rằng Hômerơ sinh ở đất Iôni[6], ven bờ biển Tiểu Á).

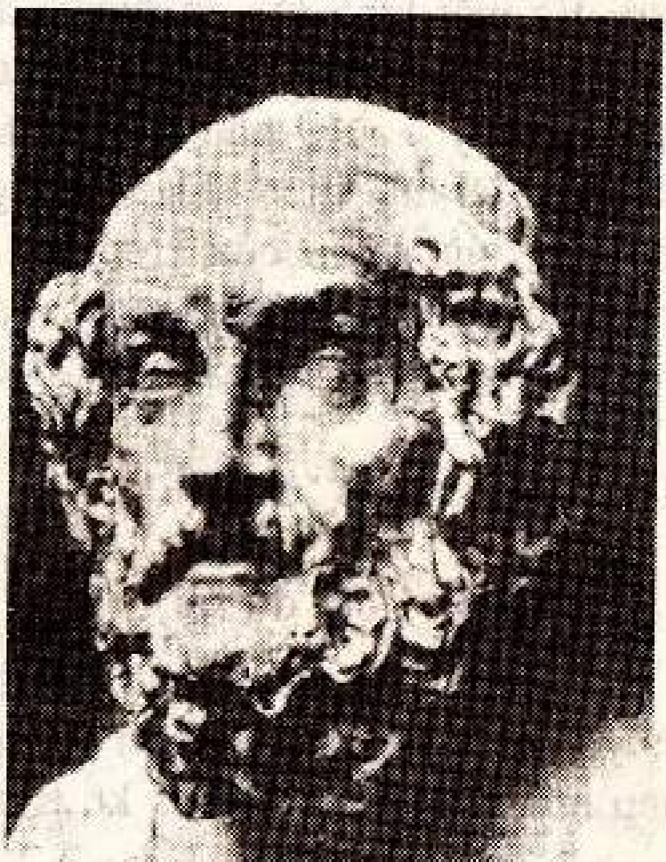

Hai thiên sử thi *Iliat* và *Ôđixê* là những tác phẩm văn học đầu tiên của nền văn học Hi Lạp cổ đại và cũng là bút tích xưa nhất trong nền văn học châu Âu. Hômerơ đã dựa vào đề tài và cốt truyện từ "Truyền thuyết về cuộc chiến tranh thành Tơroa"[7] mà sáng tác. Là một nghệ sĩ dân gian, ông đã có nhiều công phu sưu tầm, chỉnh lí những sáng tác truyền miệng của tập thể, nhân dân, và như nhà phê bình Nga Biêlinxki đã đánh giá : "Thiên tài nghệ thuật của Hômerơ là lò nung mà qua đó, những lớp quặng còn thô của truyền thuyết dân gian, của những câu hát được nấu chảy thành những thỏi vàng nguyên chất".

uongxua.vn

Tác phẩm của Hômerơ phản ánh giai đoạn quá độ từ chế độ công xã thị tộc sang chế độ chiếm hữu nô lệ : nó bộc lộ cái khát vọng lớn lao của người Hi Lạp muốn thoát khỏi thời đại dã man để bước vào thời đại văn minh. Nhờ hai thiên sử thi này mà người đời sau hiểu biết được "thời kì thịnh vượng nhất của giai đoạn cao trong thời đại dã man" (Ăngghen), thời kì nước Hi Lạp bước vào lịch sử với sự phân chia thành đẳng cấp. Về mặt tổ chức xã hội : đã hình thành các tổ chức có quyền lực như Hội đồng các bô lão, gắn bó chặt chẽ với các thủ lĩnh quân sự, và Đại hội nhân dân, cơ quan có quyền lực tối

cao. Về mặt kinh tế - kĩ thuật : đã biết chế tạo các công cụ tinh xảo bằng sắt, đồ gốm, dầu ôliu, rượu vang, đồ mĩ nghệ trang sức, chiến xa, tàu thủy... cũng như đã biết xây thành quách, lâu đài. Về đời sống xã hội : đã xuất hiện nhiều phong tục tập quán, tôn giáo, lễ nghi. Nói tóm lại, tác phẩm của Hômerơ đã phản ánh đầy đủ về con người, trình độ xã hội và văn minh của người Hi Lạp thời bấy giờ, nó trở thành cuốn từ điển bách khoa hoàn thiện nhất của thời cổ đại Hi Lạp.

III – TÁC PHẨM "ÔĐIXÊ"

1. Nguồn gốc, đề tài

Sử thi *Ôđixê* cũng như sử thi *Iliat* đều khai thác những truyền thuyết về cuộc chiến tranh thành Tơroa, song nội dung *Ôđixê* là sự tiếp nối câu chuyện được kể trong *Iliat*.

Iliat là bài ca về thành Iliông (một tên khác của thành Tơroa) gồm 15693 câu thơ, được chia thành 24 khúc ca. Trong sử thi này, Hômerơ không kể lại toàn bộ cuộc chiến tranh mười năm ở thành Tơroa, một sự kiện xảy ra trước Hômerơ ba thế kỉ, mà chỉ khai thác cơn giận của Asin vào giai đoạn gần cuối cuộc chiến và lấy đó làm đòn bẩy để triển khai tác phẩm của mình. Asin, người anh hùng trong chiến trận, nhân vật chính của tác phẩm đã được tác giả miêu tả thành một biểu tượng về sức mạnh thể chất của người Hi Lạp và cũng là hình ảnh lí tưởng của người anh hùng bộ tộc trong chiến tranh thời đại Hômerơ.

Ôđixê là bài ca về chàng Ôđixêux (người La Mã gọi là Uylixơ) nối tiếp câu chuyện về cuộc chiến tranh được kể trong *Iliat*. Sau khi hạ được thành Tơroa, người Hi Lạp tiến hành những cuộc "hồi quân" trở về quê hương, xứ sở. Song số phận của hầu hết các tướng lĩnh Hi Lạp đều rất gian truân. Trong số các tướng lĩnh đó không có ai long đong bằng chàng Uylixơ. Chàng còn phải lênh đênh góc biển chân trời mười năm đằng đẵng, phải trải qua trăm ngàn khổ ải, mới được trở về đoàn tụ với gia đình.

Ôđixê kể lại cuộc hành trình trở về quê hương xứ sở của Uylixơ. Không theo trình tự thời gian như trong *Iliat*, nghệ thuật kể chuyện trong *Ôđixê* đã tiến lên một bước : mở đầu tác phẩm là câu chuyện kể về những tháng gần cuối của cuộc hành trình, giữa tác phẩm là

hồi ức của Uylixơ về những cuộc phiêu lưu trong gần mười năm trước đó, và phần cuối tác phẩm là cuộc chiến đấu hiện tại của chàng để giành lại tình yêu, hạnh phúc ở quê nhà.

2. Tóm tắt truyện

Tác phẩm *Ôđixê* gồm 12110 câu thơ được chia thành 24 khúc ca.

– *Từ khúc ca I đến khúc ca VIII :* Đã mười năm kể từ khi rời Tơroa, Uylixơ vẫn còn lênh đênh, phiêu bạt, chưa về tới quê nhà. Bảy năm qua, chàng sống trên đảo của nữ thần Calipxô. Nữ thần yêu chàng, dâng thần đơn, linh dược cho chàng trở thành bất tử, sống mãi với mình, song chàng đã khước từ hết thảy chỉ vì muốn được trở về với Pênêlôp, người vợ ở quê hương Itac[8] của chàng. Cảm thương số phận của Uylixơ, các thần quyết định cho chàng được trở về quê hương. Theo lệnh Dớt, thần Hecmex đến truyền cho Calipxô không được cầm giữ Uylixơ nữa, và nữ thần Atêna đến báo mộng cho Têlêmac, con trai Uylixơ, là cha còn sống và hãy đi tìm cha. Từ nhiều năm nay, nàng Pênêlôp bị 108 vương tôn công tử đến cầu hôn, quấy phá và thúc bách nàng phải chọn một người trong bọn họ, nàng đang lâm vào một tình thế vô cùng khó xử. Calipxô mặc dù yêu thương Uylixơ, phải vâng lệnh Dớt, để chàng ra đi. Lênh đênh trên biển đến ngày thứ mười tám thì bè của Uylixơ bị thần Pôdêiđông gây bão, đánh chìm để trả thù cho con trai là gã khổng lồ Pôliphem trước đây bị chàng chọc mù con mắt độc nhất. Chàng trôi dạt vào xứ Phêaxi, được công chúa Nôdica cứu giúp và nhà vua Anxinôôx tiếp đãi ân cần, cấp thuyền cho chàng về quê hương. Trong bữa tiệc tiễn đưa, nghe nghệ nhân hát ngợi ca chiến công con ngựa gỗ thành Tơroa của chàng, Uylixơ xúc động không cầm được nước mắt. Vua Anxinôôx gạn hỏi mới biết tên tuổi thật của chàng. Vua ngỏ ý muốn chàng thuật lại hành trình từ khi rời khỏi Tơroa.

– *Từ khúc ca IX đến khúc ca XII :* Uylixơ đã kể lại vô vàn những chuyện li kì, mạo hiểm trên bước đường gian truân phiêu bạt của mình và đồng đội. Ví như chuyện chàng đến xứ sở những tên khổng lồ một mắt Xiclôp, bị gã khổng lồ Pôliphem ăn thịt mất sáu bạn đồng hành. Nhờ có mưu trí và lòng dũng cảm, chàng đã chọc mù con mắt độc nhất của hắn, cùng đồng đội thoát khỏi hang hắn ở... Chuyện

truongxua.vn

thuyền của Uylixơ đi ngang qua đảo của các nàng tiên cá Xiren có tiếng hát du dương mê hồn nhưng vô cùng nguy hiểm. Uylixơ tò mò muốn được nghe tiếng hát nên đề nghị các bạn đồng hành nút tất cả tai lại, riêng chàng không nút tai mà nhờ bạn trói chặt mình vào cột buồm để khỏi bị các nàng Xiren quyến rũ. Chuyện đoàn người lên đảo của thần Mặt trời Hêliôx, giết bò của thần Dơt ăn thịt, bị thần trừng phạt giết chết hết, trừ Uylixơ không ăn nên sống sót, rồi trôi dạt vào đảo của Calipxô, v.v... Nghe chàng kể, ai nấy vô cùng cảm phục. Nhà vua cấp cho chàng đầy đủ phương tiện để về quê hương Itac.

– *Từ khúc ca XIII đến khúc ca XXIV :* Uylixơ giả dạng người hành khất đến nhà người chăn lợn cũ Ơmê, và ở đây chàng đã gặp lại con trai là Têlêmac. Hai cha con bàn mưu diệt bọn cầu hôn. Uylixơ về cung điện của mình dưới dạng người hành khất. Bà nhũ mẫu Ơriclê theo phong tục mến khách, rửa chân cho chàng và nhận ra Uylixơ qua vết sẹo ở chân xưa kia bị lợn lòi húc. Chàng yêu cầu Ơriclê giữ điều bí mật. Để trả lời sự thúc ép của bọn cầu hôn, Pênêlôp thách ai giương được chiếc cung của Uylixơ và bắn một phát xuyên qua mười hai cái vòng của mười hai cái rìu thì nàng sẽ lấy người đó. Bọn cầu hôn thay nhau tỉ thí nhưng thảy đều thất bại. Uylixơ xin được bắn và chàng đã thắng. Liền đó, là cuộc trừng trị bọn cầu hôn cùng những gia nhân phản bội cha con chàng. Uylixơ còn phải trải qua thử thách của vợ chàng vì Pênêlôp chưa tin hẳn đây là chồng mình. Chàng đã trả lời cho Pênêlôp biết việc nàng sai nhũ mẫu khiêng chiếc giường từ phòng ngủ ra là điều không thể làm được, bởi vì chính Uylixơ xưa kia đã đóng chiếc giường đó. Nó có đặc điểm bí mật là một trong bốn chân giường là một gốc cây. Hai vợ chồng nhận ra nhau, mừng tủi sau hai mươi năm trời xa cách. Kết thúc thiên sử thi là sự hòa giải giữa gia đình Uylixơ với những người thân thích của bọn cầu hôn.

3. Giá trị của tác phẩm

Ôđixê của Hômerơ là thiên sử thi tráng lệ ca ngợi sức mạnh của trí tuệ, ý chí, nghị lực của con người với khát vọng tìm hiểu, chinh phục thế giới xung quanh và niềm ước mơ một cuộc sống hòa bình, văn minh, hạnh phúc. Hình tượng Uylixơ còn là một biểu hiện đẹp đẽ của lòng yêu quê hương, đất nước, gia đình, của chí quyết tâm,

thuongmaitr

kiên định vượt qua mọi gian lao, nguy hiểm để trở về với quê hương, đoàn tụ với gia đình sau bao năm trời xa cách.

Chịu sự chi phối của thế giới quan thần linh chủ nghĩa, song với trí tưởng tượng kì diệu và phóng khoáng, với năng khiếu quan sát tinh tế và sắc sảo, Hômerơ đã sáng tạo nên thiên sử thi đồ sộ mang một không khí huyền ảo, có cốt truyện thống nhất hoàn chỉnh, có nhân vật chính với tính cách nhất quán. Tác phẩm được thể hiện bằng thứ ngôn ngữ trang trọng, tràn đầy những định ngữ, ẩn dụ và những so sánh liên tưởng mang vẻ đẹp riêng của phong cách sử thi và tạo nên một sức hấp dẫn mạnh mẽ kì lạ.

Chú thích

(1) *Etsilơ* (525 - 456 trước CN) : nhà thơ bi kịch Hi Lạp, được coi là người đặt nền móng cho bi kịch Hi Lạp cổ đại. Các vở bi kịch của ông là những bài ca hùng tráng ca ngợi lí tưởng của thời đại : tinh thần dân tộc, tinh thần yêu nước chống xâm lăng... Các nhân vật của ông là những kiểu người mang tính cách đồ sộ, siêu phàm. Những tác phẩm chính : *Quân Ba Tư, Prômêtê bị xiềng, Agamemnông...* (2) *Xôphôclơ* (496 - 405 trước CN) : nhà thơ bi kịch Hi Lạp, là người đã nâng nghệ thuật bi kịch lên thành một thể loại hoàn chỉnh. Kịch của ông bộc lộ khát vọng vươn lên một cuộc sống thanh cao, với nghị lực cứng rắn, với ý chí anh hùng, đồng thời thấm đẫm một tinh thần nhân văn sâu sắc. Những tác phẩm chính : *Ăngtigôn, Ơđip làm vua, Êlêctơrơ* ... (3) *Ơripit* (480 - 406 trước CN) : nhà thơ bi kịch Hi Lạp, là người đã tạo được những đột biến và cách tân trong nghệ thuật bi kịch. Kịch của ông giàu tính hiện thực, thậm chí rất đời thường, nó thống thiết hơn kịch của Xôphôclơ, nhưng lại ít anh hùng, ít cao cả hơn. Những tác phẩm chính : *Mêđê, Iphigiêni ở Tôriđơ*... (4) *Arixtôphan* (445 - 386 trước CN) : nhà thơ hài kịch của thành Aten, Hi Lạp, đã vẽ ra những trò đùa, hài hước để miêu tả các vấn đề xã hội hoặc để đả kích những kẻ thù chính trị và văn học của ông. Phần nhiều hài kịch của Arixtôphan mang đậm tính thời sự. Những tác phẩm chính : *Đám mây, Con ếch, Hội đồng phụ nữ* ... (5) *Thành bang* : hình thái quốc gia - thành thị của người Hi Lạp ra đời từ trong lòng xã hội thị tộc. Các thành bang phát triển với những thể chế chính trị, hành chính, quân sự riêng; các hoạt động kinh tế, xã hội, phong tục tập quán, nghệ thuật, tôn giáo và thần bảo hộ riêng... (6) *Iôni* : miền đất thuộc bờ biển Tiểu Á, nằm giữa các vịnh của Xmiecnơ và Menđêlia. Vào thế kỉ VI trước CN, Iôni là trung tâm lớn đầu tiên tỏa ánh sáng văn minh Hi Lạp. (7) *Thành Tơroa* (còn gọi là thành Iliông) : thành bang ở Tiểu Á (nay thuộc đất Thổ Nhĩ Kì), theo truyền thuyết là một thành bang nổi

tiếng giàu có, đã trụ vững trong cuộc chiến tranh mười năm chống người Hi Lạp, nhưng sau bị thất thủ bởi mưu "con ngựa gỗ thành Toroa" của Uylixơ. (8) *Itac* : một trong những đảo ở vùng Iôniêng thuộc đất Acai nằm ở tây nam Hi Lạp. Theo sử thi của Hômerơ, Uylixơ đã làm vua đảo này trước khi tham chiến cùng quân Hi Lạp lên đánh thành Toroa.

GIẢNG VĂN

UYLIXƠ TRỞ VỀ

(Trích *Ôđixê* – Khúc ca XXIII)

(Nhũ mẫu Ơriclê lên gác gọi Pênêlôp dậy, báo cho nàng biết Uylixơ, chồng nàng đã trở về, đã trừng trị bọn cầu hôn. Nhưng Pênêlôp không tin...)

Pênêlôp thận trọng nói :

– Già ơi, già hãy khoan hí hửng, reo cười. Già cũng biết, nếu chàng trở về thì mọi người trong nhà, nhất là tôi và con trai chúng tôi sinh ra kia sẽ vui sướng biết bao ! Nhưng câu chuyện già kể không hoàn toàn đúng sự thực. Đây là một vị thần đã giết bọn cầu hôn danh tiếng, một vị thần bất bình vì sự láo xược bất kham và những hành động nhuốc nhơ của chúng. Vì chúng chẳng kiêng nể một ai trên cõi đời này, dù là dân đen hay người quyền quý, hễ gặp chúng là bất cứ ai cũng bị chúng khinh miệt. Vì sự bất công điên rồ của chúng, nên chúng phải đền tội đấy thôi. Còn về phần Uylixơ thì ở nơi đất khách quê người, chàng đã hết hi vọng trở lại đất Acai[1], chính chàng cũng đã chết rồi.

Nhũ mẫu Ơriclê hiền thảo đáp :

– Con ơi ! Sao con dám hé răng nói vậy ? Chồng con đang ở đây, ngay tại nhà này, mà con lại không tin, nói rằng người không bao giờ về nữa ! Vậy để già nói cho con biết một dấu hiệu khác nhé, một dấu hiệu không sao cãi được : đó là cái sẹo do răng nanh trắng của một con lợn lòi húc người ngày xưa để lại. Khi già rửa chân cho người[2], già chợt nhận ra cái sẹo đó. Già đã toan mách bảo con, nhưng người đưa tay bịt miệng già lại, cấm nói, vì người đang có

trong đầu óc một ý nghĩ rất khôn. Vậy con cứ đi với già. Già đem tính mệnh ra đánh cuộc với con : nếu già lừa dối con thì con cứ đem giết già đi bằng cách nào tàn ác nhất.

Pênêlôp thận trọng đáp :

– Già ơi ! Dù già sáng suốt đến đâu, già cũng không sao hiểu thấu những ý định huyền bí của thần linh bất tử. Nhưng thôi, gác chuyện đó lại. Bây giờ ta hãy xuống nhà với Têlêmac để xem xác chết của bọn cầu hôn và người giết chúng.

Nói xong, nàng bước xuống lầu. Lòng nàng rất đỗi phân vân : nàng không biết nên đứng xa xa, hỏi chuyện người chồng yêu quý của mình hay nên lại gần, ôm lấy đầu, cầm lấy tay người mà hôn ? Khi vào đến nhà, bước qua ngưỡng cửa bằng đá, nàng đến ngồi trước mặt Uylixơ, dưới ánh lửa hồng, dựa vào bức tường đối diện, còn Uylixơ thì ngồi tựa vào một cái cột cao, mắt nhìn xuống đất, đợi xem bây giờ tận mắt trông thấy mình rồi, người vợ cao quý của mình sẽ nói gì với mình. Nhưng nàng vẫn ngồi lặng thinh trên ghế hồi lâu, lòng sửng sốt, khi thì đăm đăm âu yếm nhìn chồng, khi lại không nhận ra chồng dưới bộ áo quần rách mướp.

tuongxua.vn

Têlêmac bèn cất lời trách mẹ gay gắt :

– Mẹ ơi, mẹ thật tàn nhẫn, và lòng mẹ độc ác quá chừng ! Sao mẹ lại ngồi xa cha con như thế, sao mẹ không đến bên cha, vồn vã hỏi han cha ? Không, không một người đàn bà nào sắt đá đến mức chồng đi biền biệt hai mươi năm nay, trải qua bao nỗi gian lao, bây giờ mới trở về xứ sở, mà lại có thể ngồi cách xa chồng như vậy. Nhưng mẹ thì bao giờ lòng dạ cũng rắn hơn cả đá.

Pênêlôp thận trọng đáp :

– Con ạ, lòng mẹ kinh ngạc quá chừng, mẹ không sao nói được một lời : mẹ không thể hỏi han, cũng không thể nhìn thẳng mặt người. Nếu quả thực đây chính là Uylixơ, bây giờ đã trở về, thì con có thể tin chắc rằng thế nào cha con và mẹ cũng sẽ nhận được ra nhau một cách dễ dàng, vì cha và mẹ có những dấu hiệu riêng, chỉ hai người biết với nhau, còn người ngoài không ai biết hết.

Nàng nói vậy, Uylixơ cao quý và nhẫn nại mỉm cười. Rồi người vội nói với Têlêmac những lời có cánh như sau :

– Têlêmac, con ! Đừng làm rầy mẹ, mẹ còn muốn thử thách cha ở tại nhà này. Thế nào rồi mẹ con cũng sẽ nhận ra, chắc chắn như vậy. Hiện giờ cha còn bẩn thỉu, áo quần rách rưới, nên mẹ còn khinh cha, chưa nói : "Đích thị là chàng rồi !". Nhưng về phần cha con ta, ta hãy bàn xem nên xử trí thế nào cho ổn thỏa nhất. Nếu có ai giết chết một người trong xứ sở, chỉ một người thôi, và dù kẻ bị giết chẳng có ai báo thù cho nữa, thì người ta cũng phải rời bỏ cha mẹ, đất nước, trốn đi, huống hồ chúng ta đây, chúng ta đã hạ cả thành lũy bảo vệ đô thị này(3), giết các chàng trai của những gia đình quyền quý nhất; tình huống ấy, cha khuyên con nên suy nghĩ.

Têlêmac thận trọng đáp :

– Cha thân yêu, việc này xin để tùy cha định liệu, vì xưa nay cha vẫn là người nổi tiếng khôn ngoan, không một kẻ phàm trần nào sánh kịp. Về phần chúng con, chúng con sẽ hết lòng hăng hái phù tá cha, và xin cha tin rằng chỉ nói trong phạm vi sức lực của con, con cũng không phải là người kém gan dạ.

(*Uylixơ bảo mọi người đi tắm rửa, rồi mặc quần áo đẹp ca múa, cho người ngoài lầm tưởng trong nhà làm lễ cưới, dặn ai nấy giữ kín chuyện cho đến khi cha con lui về trang trại của Laectơ rồi sẽ bàn tính sau. Uylixơ cũng đi tắm*)

Khi Uylixơ từ phòng tắm bước ra, trông người đẹp như một vị thần. Người lại trở về chỗ cũ, ngồi đối diện với Pênêlôp, trên chiếc ghế bành ban nãy, rồi nói với nàng :

– Nàng thật là người kì lạ ! Hẳn là các thần trên núi Ôlempơ đã ban cho nàng một trái tim sắt đá hơn ai hết trong đám đàn bà yếu đuối, vì một người khác chắc không bao giờ có gan ngồi cách xa chồng như thế, khi chồng đi biền biệt hai mươi năm trời, trải qua bao nỗi gian truân, nay mới được trở về xứ sở. Thôi, già ơi ! Già hãy kê cho tôi một chiếc giường để tôi ngủ một mình, như bấy lâu nay, vì trái tim trong ngực nàng kia là sắt.

Pênêlôp khôn ngoan đáp :

– Ngài kì lạ thật ! Không, tôi không kiêu ngạo, không khinh ngài, cũng không ngạc nhiên đến rối trí đâu. Tôi biết rất rõ ngài như thế nào khi ngài từ giã Itac ra đi trên một chiếc thuyền có mái chèo dài. Vậy thì, Oriclê ! Già hãy khiêng chiếc giường chắc chắn ra khỏi gian phòng vách tường kiên cố do chính tay Uylixơ xây nên, rồi lấy da cừu, chăn và vải đẹp trải lên giường.

Nàng nói vậy để thử chồng, nhưng Uylixơ bỗng giật mình nói với người vợ chung thủy :

– Nàng ơi, nàng vừa nói một điều làm cho tôi chột dạ. Ai đã xê dịch giường tôi đi chỗ khác vậy ? Nếu không có thần giúp đỡ thì dù là người tài giỏi nhất cũng khó lòng làm được việc này. Nếu thần linh muốn xê dịch đi thì dễ thôi, nhưng người trần dù đang sức thanh niên cũng khó lòng lay chuyển được nó. Đây là một chiếc giường kì lạ, kiến trúc có điểm rất đặc biệt, do chính tay tôi làm lấy chứ chẳng phải ai. Nguyên trong sân nhà có một chồi cây cảm lãm[4] lá dài; nó mọc lên, khỏe, xanh tốt và to như cái cột. Tôi kẻ vạch gian phòng của vợ chồng mình quanh cây cảm lãm ấy, rồi xây lên với đá tảng đặt thật khít nhau. Tôi lợp kĩ gian phòng, rồi lắp những cánh cửa bằng gỗ liền, đóng rất chắc. Sau đó tôi chặt hết cành lá của cây cảm lãm lá dài, cố đẽo thân cây từ gốc cho thật vuông vắn rồi nảy đường mực, làm thành một cái chân giường và lấy khoan khoan lỗ khắp chung quanh[5]. Tôi bào tất cả các bộ phận đặt trên chân giường đó, lấy vàng bạc và ngà nạm vào trang trí, và cuối cùng tôi căng lên mặt giường một tấm da màu đỏ rất đẹp. Đó là điểm đặc biệt mà tôi vừa nói với nàng. Nhưng nàng ơi, tôi muốn biết cái giường ấy hiện còn ở nguyên chỗ cũ, hay đã có người chặt gốc cây cảm lãm mà dời nó đi nơi khác.

Người nói vậy, và Pênêlôp bủn rủn cả chân tay, nàng thấy Uylixơ tả đúng mười mươi sự thực. Nàng bèn chạy ngay lại, nước mắt chan hòa, ôm lấy cổ chồng, hôn lên trán chồng và nói :

– Uylixơ ! Xin chàng chớ giận thiếp, vì từ xưa nay chàng vẫn là người nổi tiếng khôn ngoan. Ôi ! Thần linh đã dành cho hai ta một

truongxua.vn

số phận xiết bao cay đắng vì người ghét ghen ta, không muốn cho ta được sống vui vẻ bên nhau, cùng nhau hưởng hạnh phúc của tuổi thanh xuân và cùng nhau đi đến tuổi già đầu bạc. Vậy giờ đây, xin chàng chớ giận thiếp, cũng đừng trách thiếp về nỗi gặp chàng mà thiếp không âu yếm chàng ngay. Thiếp luôn luôn lo sợ có người đến đây, dùng lời đường mật đánh lừa, vì đời chẳng thiếu gì người xảo quyệt, chỉ làm điều tai ác... Giờ đây, chàng đã đưa ra những chứng cớ rành rành, tả lại cái giường không ai biết rõ, ngoài chàng với thiếp và Actôrit, một người thị tì của cha thiếp cho, khi thiếp về đây, và sau đó giữ cửa gian phòng vách tường kiên cố của chúng ta. Vì vậy chàng đã thuyết phục được thiếp và thiếp phải tin chàng, tuy lòng thiếp rất đa nghi.

Nàng nói vậy, khiến Uylixơ càng thêm muốn khóc. Người ôm lấy người vợ xiết bao thân yêu, người bạn đời chung thủy của mình, mà khóc dầm dề. Dịu hiền thay mặt đất, khi nó hiện lên trước mắt những người đi biển bị Pôdêiđông(6) đánh tan thuyền trong sóng cả, gió to ! Họ bơi, nhưng rất ít người thoát khỏi biển khơi trắng xóa mà vào được đến bờ. Mình đầy bọt nước, những người sống sót mừng rỡ bước lên đất liền mong đợi. Pênêlôp cũng vậy, được gặp lại chồng, nàng sung sướng xiết bao ! Nàng nhìn chồng không chán mắt và hai cánh tay trắng muốt của nàng cứ ôm lấy cổ chồng không nỡ buông rời.

PHAN THỊ MIẾN dịch

(*Ôđixê*, NXB Văn học, Hà Nội, 1983)

Chú thích

(1) Acai là miền đất phía bắc bán đảo Pêlôpônedơ của Hi Lạp cổ. Trước khi đi đánh thành Tơroa, Uylixơ làm vua ở đảo Itac thuộc Acai. (2) Uylixơ giả dạng ông già hành khất đến cung điện của Pênêlôp, kể rằng có biết Uylixơ và đã tả đúng chàng. Do đó, để tỏ lòng mến khách theo tục lệ, Pênêlôp sai Ơriclê rửa chân cho ông già này. (3) *Hạ cả thành lũy bảo vệ đô thị :* ở đây có nghĩa là đã giết chết bọn cầu hôn, những người quyền quý nhất của đô thị. (4) *Cây cảm lãm :* cây ôliu. (5) Uylixơ khoan lỗ ở chân giường để lắp các thành giường. (6) *Pôdêiđông :* tên của thần Biển (gọi theo tiếng Hi Lạp). Người La Mã gọi vị thần này là Neptuyn.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Phân tích diễn biến tâm lí của Pênêlôp qua những lời tác động của Ơriclê. Tâm trạng Pênêlôp khi nàng đến gặp mặt Uylixơ được miêu tả bằng những cử chỉ, dáng điệu và cách ứng xử như thế nào ?

2. Những lời nói nào, những thái độ gì chứng tỏ sự khôn khéo, thông minh của Pênêlôp và bản lĩnh trí tuệ của Uylixơ trong cuộc đấu trí giữa hai nhân vật ?

3. Tình quê hương, tình gia đình, tình vợ chồng chung thủy được kết tinh trong đoạn trích này. Qua chi tiết "chiếc giường cưới", qua hình ảnh "mặt đất" và "người đi biển", hãy chỉ ra cái đặc sắc của nghệ thuật miêu tả những tình cảm đó.

4. Hãy khảo sát xem trong đoạn văn, Hômerơ đã sử dụng những biện pháp nghệ thuật kể chuyện, miêu tả, cũng như cách sử dụng ngôn ngữ như thế nào để thể hiện phong cách kể chuyện theo lối "trì hoãn sử thi"?

truongxua.vn

ĐỌC THÊM

UYLIXƠ VÀ CALIPXÔ[1]

(Trích *Ôđixê* - Khúc ca V)

Sau khi rời thành Tơroa, Uylixơ và các bạn đồng hành đến xứ sở của người Xicôn ở Tơraxơ đánh chiếm thành trì của họ và bị đánh bại. Trốn khỏi Tơraxơ ra đi, đoàn Uylixơ đến một miền đất lạ có mọc một loại cây mà trái của nó ai ăn phải sẽ không muốn trở về quê hương nữa. Uylixơ vội rời mảnh đất nguy hiểm đó và cuộc hành trình đưa chàng đến xứ sở của người Xiclôp. Tại đây Uylixơ đã chọc thủng con mắt độc nhất của Pôliphem – con trai thần Biển Pôdêiđông và bị vị thần này nguyền rủa sẽ đem tai họa đến cho cuộc hành trình về quê hương của chàng. Thoát khỏi xứ sở của người Xiclôp, Uylixơ phải chịu mọi gian lao, sóng gió, mất hết các bạn đồng hành, chỉ một mình chàng sống sót, được nữ thần Calipxô cứu vớt đưa về hòn đảo thần tiên của nàng. Nữ thần Calipxô muốn biến

chàng thành thần linh bất tử để sống cuộc đời hạnh phúc với nàng. Đến năm thứ 10 sau cuộc chiến thành Tơroa, các thần linh trên đỉnh Ôlempơ nhân lúc Pôđêiđông đi vắng đã quyết định cho chàng được trở về quê hương Itac. Hecmex[2] – thần truyền lệnh đã mang lệnh của Dớt đến cho nữ thần Calipxô. Đoạn trích kể lại việc nữ thần Calipxô đến báo cho Uylixơ quyết định của Dớt.

Tuân lệnh Dớt, vị nữ thần sông núi oai nghiêm đi tìm Uylixơ. Nàng thấy người anh hùng đó ngồi trên bờ biển, nước mắt chan hòa. Cuộc đời êm dịu của người mòn mỏi trôi qua trong nỗi buồn không trở lại được quê hương, vì vị nữ thần sông núi không làm cho người say đắm nữa. Đêm đêm, người buộc lòng phải nằm cạnh nàng, trong động, nhưng người không còn chia sẻ mối tình nàng. Ban ngày, người ra ngồi trên những phiến đá ở bờ biển, lòng tan thành nước mắt và lời than vãn đau thương. Người đăm đăm nhìn ra biển khơi luôn luôn chuyển động mà khóc dầm dề.

Nữ thần bước lại bên người và nói :

– Khốn khổ ! Xin chàng đừng ngồi đây, khóc mãi cho hoài phí ngày xanh như thế. Bây giờ thiếp sẵn sàng để chàng đi. Vậy chàng hãy lấy dao đồng, chặt những cây gỗ dài để đóng một chiếc bè thật rộng. Chàng hãy dựng trên bè một cái sàn cao để nó đưa chàng đi trên biển khơi mù mịt. Về phần thiếp, thiếp sẽ đem bánh mì, nước ngọt, rượu vang để lên bè, đủ để chàng ăn cho khỏi đói lòng. Thiếp cũng sẽ biếu chàng quần áo, lại còn cho gió thuận đẩy bè đi để chàng về xứ sở bình yên, nếu thiếp được thần linh trên trời bát ngát, có quyền hơn thiếp để định đoạt và thi hành, cho phép.

Nàng nói vậy, và Uylixơ hiển hách đã bao phen chìm nổi run lên, rồi cất tiếng nói những lời có cánh như sau :

– Dù có thuyền đi nhanh và vững chắc, lại được cả gió thuận của Dớt giúp sức nữa, cũng còn khó lòng vượt được biển thẳm bao la, đầy gian lao nguy hiểm. Vậy mà nàng bảo tôi ra đi trên một chiếc bè, thì hẳn nàng có ý định gì đây, chứ không phải muốn cho tôi trở về xứ sở. Về phần tôi, tôi chẳng bao giờ đặt chân lên một chiếc bè, trái với ý nàng, trừ phi nàng trịnh trọng thề với tôi rằng nàng không có ý hại tôi, làm cho tôi mang họa.

Nghe người nói, nữ thần Calipxô oai nghiêm mỉm cười. Nàng vuốt ve người, rồi phá tan im lặng bảo người :

thuongmaitr

– Thật ra chàng chỉ là một người độc ác, nhưng nói ra những lời như vậy, chàng chẳng phải là kém khôn ngoan. Vậy thiếp xin thề với đất, với trời bao la trên đầu, với nước con sông Xtic[3] dưới kia - và đối với các thần cực lạc thì không có lời thề nào hệ trọng và khủng khiếp hơn - rằng thiếp không có ý gì hại chàng, và làm cho chàng mang họa. Những điều thiếp nghĩ và nói cùng chàng chính là những điều thiếp sẽ làm, nếu bản thân thiếp cũng lâm vào hoàn cảnh gian nguy như thế. Thiếp không phải là người nham hiểm, và trái tim trong ngực thiếp chẳng phải là sắt đá, mà đầy tình trắc ẩn.

Nói xong, nữ thần oai nghiêm nhanh nhẹn dẫn đường, và vị anh hùng nối gót theo sau. Vào trong động Uylixơ ngồi vào cái ghế Hecmex vừa rời. Nữ thần đặt bên người đủ mọi thức ăn uống cho người trần. Nàng ngồi đối diện với Uylixơ thần thánh, và các nữ tì dọn lên cho nàng cam lộ với thần đơn. Hai người đưa tay ra lấy thức ăn trước mặt, và sau khi ăn uống thỏa thuê, nữ thần Calipxô oai nghiêm lên tiếng trước :

– Hỡi Uylixơ muôn vàn trí xảo, người dòng dõi của Dơt, con của Laectơ ! Vậy ra quả thật là chàng muốn, ngay bây giờ, trở về nhà ở xứ sở thân yêu đó ư ? Dù chàng quyết định thế nào, thiếp cũng xin chúc chàng toại nguyện. Nhưng nếu chàng biết rằng trước khi về đến quê hương, số phận còn dành cho chàng những gian lao gì nữa, thì dù có khát khao gặp lại người vợ mà chàng không ngớt thương nhớ ngày đêm, chàng cũng sẽ ở lại đây với thiếp, coi cái động này, và chàng sẽ trở thành bất tử. Vả chăng thiếp cũng tự hào rằng về thân hình và nhan sắc thiếp chẳng thua kém gì vợ chàng, vì phụ nữ người trần có thể nào bì được với các nữ thần bất tử về vóc dáng và sắc đẹp.

Uylixơ muôn vàn trí xảo đáp :

– Hỡi nữ thần oai linh, xin nàng chớ giận. Tôi biết rõ là về vóc dáng và sắc đẹp, Pênêlôp khôn ngoan không sao bì được với nàng. Vợ tôi chỉ là một phụ nữ phàm trần, còn nàng, nàng là một vị thần bất tử, muôn đời trẻ mãi. Tuy vậy, ngày ngày tôi vẫn mong muốn và ước ao được trở lại nhà, được thấy ngày về trên đất quê hương. Nếu một vị thần nào đấy còn đọa đày tôi trên mặt biển đỏ tía, tôi cũng cam lòng. Tôi đã dày dạn nhiều rồi; đã trải qua bao gian lao thử thách trên biển cả và ở chiến trường, bây giờ dù có phải gian lao thêm, cũng không quản ngại, - người nói vậy, trong lúc đó, mặt trời lặn và bóng đêm đã xuống. Hai người cùng vào cuối động, nằm nghỉ bên nhau ân ái.

PHAN THỊ MIẾN dịch

(*Ôđixê*, NXB Văn học, Hà Nội, 1983)

truongxua.vn

Chú thích

(1) *Calipxô* : theo thần thoại Hi Lạp là nữ thần sông núi. Calipxô có mái tóc quăn xinh đẹp. Khi ngồi trong động của mình, nữ thần thường vừa "dệt vải" vừa "hát véo von". (2) *Hecmex* : con của thần Dơt, được giao cho sứ mệnh truyền đạt các quyết định, các mệnh lệnh của Dơt. Còn có tên là Aeghiphôngtơ. (3) *Sông Xtic* : theo thần thoại Hi Lạp, đó là con sông dưới Âm phủ, người chết phải qua sông này mới đến cõi Âm. Mỗi khi có việc hệ trọng cần phải thề nguyền, các vị thần thường viện dẫn đến con sông này.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

Đoạn văn này giúp ta hiểu rõ thêm con người Uylixơ : đó là một người yêu tha thiết quê hương mình, không gì có thể cám dỗ được chàng, lay chuyển được quyết tâm trở về lại quê hương xứ sở của chàng.

Cần bám sát cách miêu tả của Hômerơ ở đây. Trước hết là hình ảnh Uylixơ ngồi trên bờ biển, "đăm đăm nhìn ra biển khơi", "lòng tan thành nước mắt và lời than vãn đau thương". Hình ảnh này không phải chỉ xảy ra một đôi lần mà xảy ra thường xuyên, ngày ngày.

Tiếp theo là phản ứng "run lên" của chàng khi nghe Calipxô báo cho biết ý định của nữ thần. Cần phân tích phản ứng tâm lí này vì nó nói lên nhiều điều. Một chữ "run lên" đủ chứng tỏ rằng Uylixơ bất ngờ, ngạc nhiên và cảnh giác. Điều mà chàng hằng mong đợi là được trở về quê hương. Nhưng vì hiểu rõ rằng nữ thần Calipxô chỉ muốn giữ chân mình ở lại với nàng nên chàng không tin vào lời nàng vừa nói. Từ bất ngờ ngạc nhiên, chàng nảy sinh ngờ vực và cảnh giác, đó là một quá trình diễn biến tâm lí rất tự nhiên. Cũng cần nhớ rằng Uylixơ vốn dĩ đã được Hômerơ miêu tả là con người khôn ngoan, trí xảo (điệp ngữ "muôn vàn trí xảo" thường vang lên gắn liền với tên gọi Uylixơ). Mặt khác chữ "run lên" còn muốn nói rằng Uylixơ có sung sướng khi thoạt nghe nói mình được về lại quê hương nhưng lập tức chàng đã kìm lại vì cảm thấy điều đó là khó tin ở cửa miệng Calipxô. Sau phản ứng của Uylixơ, nữ thần Calipxô đã mỉm cười.

Vậy cái "mỉm cười" đó nói lên những gì ? Chú ý đến cử chỉ và lời lẽ của Calipxô : nó đầy sức quyến rũ và thuyết phục. Ấy thế mà Calipxô vẫn không thuyết phục nổi Uylixơ. Không gì có thể lay chuyển được quyết tâm trở về lại quê hương của chàng cũng như tình cảm của chàng đối với vợ

con. Đó là tình cảm và đạo đức của người xưa, sống cách chúng ta hàng mấy ngàn năm trước !

Cũng cần chú ý đến câu trả lời của Uylixơ. Nó chứng tỏ quyết tâm và lòng sắt son của chàng là không gì có thể chuyển lay, lung lạc. Nhưng đồng thời nó cũng chứng tỏ sự khôn khéo và từng trải của chàng. Chính nhờ vậy mà chẳng những Calipxô không cảm thấy mình bị xúc phạm mà nàng càng thêm nể, thêm trọng con người trần thế này.

Nét nghệ thuật đặc sắc nhất, nổi bật lên qua đoạn văn này là nhà văn rất ít miêu tả trực tiếp tâm lí, tính cách của nhân vật; ông để nhân vật tự bộc lộ qua ngôn ngữ của họ. Phần lớn đoạn văn là những lời trao đổi giữa Uylixơ và Calipxô.

BÀI 2

SỬ THI "RAMAYANA"

uongxua.vn

TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM

I – VÀI NÉT VỀ SỬ THI ẤN ĐỘ

Văn học cổ đại Ấn Độ ra đời rất sớm, mở đầu là giai đoạn thần thoại *Vêđa*(1), sau đó là giai đoạn sử thi.

Sử thi ra đời trên cơ sở xã hội Ấn Độ cổ đại đang phát triển mạnh mẽ, nhiều vương quốc hình thành, chiến tranh giữa các vương quốc liên tục xảy ra, bờ cõi của các vương quốc ngày càng được mở rộng.

Sử thi là bức tranh rộng lớn phản ánh hiện thực đời sống, tư tưởng của nhân dân Ấn Độ cổ đại. Nó còn là bài ca vĩ đại ca ngợi chiến công hiển hách, khí phách hào hùng của những vị anh hùng, mẫu người lí tưởng mà nhân dân Ấn Độ đề cao và ngưỡng mộ.

Trong kho tàng văn học Ấn Độ có nhiều bộ sử thi khiến cho nhân loại kinh ngạc về tầm cỡ và độ dài của nó như *Ramayana, Mahabharata*. Riêng *Mahabharata*, tác phẩm miêu tả cuộc chiến tranh

khốc liệt trong dòng họ Bharata dài 110000 câu thơ đôi (*slôka*), gấp bảy lần độ dài của *Iliat* và *Ôđixê* của Hi Lạp cộng lại. *Mahabharata* được coi là "bách khoa toàn thư" của Ấn Độ. Người Ấn Độ thường nói : "Cái gì có trên đất Ấn Độ là có trong *Mahabharata*, cái gì không có trong đó là không thấy có trên đất Ấn Độ".

Sử thi Ấn Độ đã thực sự mở ra một thời đại hoàng kim trong văn học Ấn Độ.

II – TÁC PHẨM "RAMAYANA"

1. Nguồn gốc và ảnh hưởng

Ramayana là một trong hai bộ sử thi nổi tiếng nhất của Ấn Độ. So với *Mahabharata* thì *Ramayana* không đồ sộ bằng nhưng lại có cốt truyện thống nhất, chặt chẽ hơn. Theo truyền thuyết, câu chuyện về hoàng tử Rama được lưu truyền trong dân gian từ xưa, về sau được một tu sĩ Bàlamôn[2] tên là Vanmiki, người có nguồn cảm hứng đặc biệt và trí nhớ kì lạ, ghi lại thành văn vần bằng tiếng Xăngcrit[3] vào khoảng thế kỉ III trước CN.

thuongmaitr

Ở Ấn Độ, *Ramayana* được soạn ra nhiều thứ tiếng dân tộc khác nhau, được cải biên thành ca kịch và nhiều hình thức nghệ thuật khác. Người Ấn Độ coi *Ramayana* như một Thánh kinh. Họ nói rằng : "Chừng nào sông chưa cạn, đá chưa mòn thì *Ramayana* còn làm say mê lòng người và cứu giúp họ ra khỏi vòng tội lỗi".

Ramayana còn được phổ biến sâu rộng trong nhiều nước ở Đông Nam Á, nơi có quan hệ văn hóa lâu đời với Ấn Độ. Có nước đã mượn cốt truyện *Ramayana* để sáng tác ra những truyện mang màu sắc độc đáo của dân tộc mình như *Seri Rama* của Inđônêxia, *Rama Kiên* của Thái Lan, *Riêmkê* của Campuchia, *Pha Lắc Pha Lam* của Lào[4], *Ramayana* của dân tộc Chăm và *Dạ Thoa vương* trong *Lĩnh Nam chích quái* ở Việt Nam...

2. Tóm tắt truyện

Ramayana gồm 24000 câu thơ đôi, chia thành 7 khúc ca lớn[5], kể về những kì tích của hoàng tử Rama. Câu chuyện như sau :

Ở kinh đô Ayôđia của vương quốc Kôsala[6] có ông vua già yếu tên là Đaxaratha. Nhà vua có bốn người con trai do ba bà vợ sinh ra. Con cả là Rama, Rama hơn hẳn các em về trí tuệ, về nhân đức và lòng quả cảm. Vua cha có ý định truyền ngôi cho Rama, nhưng vì bị trói buộc bởi lời hứa với Kakêyi, người vợ thứ được vua yêu quý, nên đã đày Rama vào rừng mười bốn năm trời và quyết định trao ngôi cho Bharata, con của Kakêyi.

Rama vâng lời cha, đem vợ là Xita và em trai là Lakmana vào rừng dựng lều sống ẩn dật, ăn quả rừng, uống nước suối, ngày ngày săn bắn, tập tành võ nghệ, tu luyện đạo đức, sống khổ hạnh.

Mười ba năm đày ải trôi qua, đến năm cuối cùng thì quỷ vương đảo Lanka[7] là Ravana biết là Xita xinh đẹp đang sống trong rừng, hắn lập mưu cướp nàng về làm vợ. Hắn sai con quỷ cái Maricha đến trước lều trại của Xita giả dạng con hươu vàng xinh đẹp nhảy nhót tung tăng trên bãi cỏ xanh. Xita rất thích con hươu đó, giục chồng đuổi bắt cho mình. Thấy Rama đuổi theo hươu vào rừng sâu quá lâu, Xita lo lắng, bảo Lakmana vào tìm. Thừa cơ đó, quỷ vương Ravana giả danh đạo sĩ đến phỉnh phờ Xita rồi bắt cóc nàng cho lên thiên xa phóng nhanh về Lanka. Ravana giam nàng trong cung cấm, dụ dỗ nàng làm vợ nhưng không được, hắn tức giận hăm dọa xẻo tai, moi mắt, băm vằm từng mảnh và giết nàng nhưng Xita một mực chống cự.

Sau khi giết được con quỷ hóa hươu, hai anh em Rama trở về lều trại. Mất Xita, Rama rất đau buồn, tìm cách đi cứu nàng. Theo lời khuyên của một đạo sĩ, anh em Rama tìm đến vua khỉ Xugriva nhờ giúp sức. Xugriva đang bị khỉ Valin cướp ngôi báu. Gặp dịp, anh em Rama ra tay trừ khỉ Valin, giành lại ngôi báu cho Xugriva. Trước sự hào hiệp và lòng dũng cảm của Rama, Xugriva bèn phái tướng khỉ Hanuman tài giỏi, có phép thần thông biến hóa đi theo giúp anh em Rama cứu nàng Xita. Anh em Rama kéo đoàn quân khỉ tiến đánh đảo Lanka. Cuộc chiến đấu với quỷ vương Ravana gặp rất nhiều khó khăn. Ravana có mười đầu, chặt đầu nào lại mọc lên đầu đó, nhưng nhờ có sự giúp sức của Hanuman và thanh kiếm của thần Brahma[8], Rama đã giết chết quỷ vương, cứu được nàng Xita.

Sau thắng lợi, Rama bỗng nổi cơn ghen tuông dữ dội, nghi ngờ Xita, cho rằng nàng đã sống chung với quỷ sứ, chắc không còn giữ

tuongxua.vn

được tiết hạnh và lòng chung thủy nữa, nên không muốn nhận lại nàng làm vợ. Xita đau buồn uất ức, để thanh minh cho mình, nàng đã nhảy vào giàn lửa tự thiêu. Thần Lửa Anhi[9] chứng giám được lòng chung thủy của Xita nên đã cứu sống nàng. Giữa ngọn lửa, thân hình nàng chói lọi như mặt trời. Thấy vậy, Rama sung sướng dang tay đón nàng. Đúng vào lúc hết hạn đi đày, vợ chồng Rama cùng em trai trở về kinh đô giữa cảnh dân chúng nồng nhiệt đón mừng, Rama lên ngôi trị vì đất nước. Từ đó, đất nước sống trong cảnh thái bình thịnh vượng.

3. Giá trị của tác phẩm

Ramayana là bức tranh hiện thực rộng lớn của xã hội Ấn Độ cổ đại. Tác phẩm ca ngợi chiến công và đạo đức của anh hùng Rama - con người thiện của đẳng cấp Koxatrya[10] và tấm lòng chung thủy, kiên trinh của Xita - người phụ nữ mẫu mực của thời đại; đồng thời tác phẩm còn phản ánh sự phát triển của đất nước Ấn Độ cổ đại.

Ramayana trở nên bất hủ, có sức sống trường cửu, trở thành bài ca của mọi thời đại là do tài nghệ của Vanmiki. Nhà thơ đã biết vận dụng nhiều thủ pháp nghệ thuật đặc sắc để miêu tả, đặc biệt tác giả đã khai thác sâu vào thế giới tâm linh các nhân vật và diễn tả được những tình cảm đắm say mãnh liệt ở những con người mang kích thước thần linh và sống giữa các thần linh.

thuongmaitr

Ramayana là thiên sử thi vĩ đại đầy chất bi hùng, chói lọi hào quang huyền thoại, đã mở ra một thời đại rực rỡ trong văn học Ấn Độ.

Chú thích

(1) *Vêđa* : tiếng Xăngcrit có nghĩa là "hiểu biết". Người Ấn Độ sưu tập những "hiểu biết" theo quan niệm của họ trong bộ *Thần ca Vêđa*. Bộ *Thần ca* đó ra đời vào khoảng 1500 năm đến 1000 năm trước CN, gồm 4 tập, trong đó *Rig Vêđa* là tập chứa đựng nhiều thần thoại, có tính văn học nhiều nhất và ra đời sớm nhất. (2) *Bàlamôn* (tiếng Xăngcrit là "Brahman", Bàlamôn là cách gọi theo âm Hán Việt) : tên gọi của một trong bốn tôn giáo lớn ở Ấn Độ (Bàlamôn giáo, Ấn Độ giáo, Phật giáo, Hồi giáo). (3) *Tiếng Xăngcrit* (còn gọi là tiếng Phạn) : ngôn ngữ chung của nhóm người Inđô - Arian ở miền bắc và trung Ấn, xuất hiện 3000 năm trước CN, phổ biến nhất vào thế kỉ XV trước CN. (4) Cốt truyện các tác phẩm này được ghi trong *Từ điển*

văn học (tập I, II) NXB Khoa học xã hội, H., 1983 - 1984. (5) Bản dịch tiếng Việt không dịch khúc ca thứ 7, vì nhiều nhà nghiên cứu cho rằng khúc ca này không có trong nguyên bản mà do người đời sau thêm vào. (6) *Vương quốc Kôsala* : nay là vùng lưu vực sông Hằng thuộc tây bắc Ấn Độ. (7) *Đảo Lanka* : nay là nước Xri Lanka. (8) *Thần Brahma* : thần Sáng tạo, Đấng tối cao của đạo Bàlamôn. (9) *Thần Lửa Anhi* (Agni) : vị thần quan trọng trong thần thoại Ấn Độ, có ảnh hưởng lớn đến đời sống con người. (10) *Đẳng cấp Koxatrya* : một trong bốn đẳng cấp chính của xã hội Ấn Độ cổ đại. Bốn đẳng cấp đó là : *Bàlamôn* (tu sĩ Bàlamôn, đẳng cấp cao quý nhất), *Koxatrya* (vương công, quý tộc, võ sĩ), *Vaisya* (thương nhân, nông dân, thợ thủ công), *Sudra* (nô lệ, tôi tớ, người làm thuê, làm mướn).

GIẢNG VĂN

RAMA BUỘC TỘI

(Trích *Ramayana* – Khúc ca thứ sáu, chương 79)

Gianaki[1] khiêm nhường đứng trước Rama; chàng nói : "Hỡi phu nhân cao quý ! Ta đưa nàng tới đây sau khi đã chinh phục kẻ thù trong giao tranh. Ta đã làm những gì có thể làm được bằng tài năng của mình. Cơn giận của ta đã hả, ta đã trả thù kẻ lăng nhục ta. Ngày hôm nay, ai nấy đều đã được chứng kiến tài nghệ của ta. Ta đã làm tròn lời hứa, và giờ đây ta không còn gì vướng mắc với chính mình. Việc nàng bị cái gã Raksaxa[2] tâm địa xảo trá bắt cóc khi vắng mặt ta, cái đó là do số phận nàng xui nên, nhưng ta đã gỡ cho nàng khỏi điều vu khống. Kẻ nào bị quân thù lăng nhục mà không đem tài nghệ của riêng mình ra để trả thù, kẻ đó là một gã tầm thường. Ngày hôm nay việc chàng Hanuman hảo hán vượt biển cả, đã kết thúc thành công; việc đốt phá Lanka và những thành tựu vinh quang khác đã đem lại kết quả. Ngày hôm nay, tài nghệ và những lời khuyên của Viphisana[3] đã hoàn thành tốt đẹp; cả những cố gắng của chàng cũng vậy nữa, chàng đã từ bỏ người anh vô giá trị của mình, đã nương tựa ở ta và đã ủng hộ đại nghĩa của ta".

Nghe những lời đó, Gianaki mở tròn xoe đôi mắt đầm đìa giọt lệ. Thấy người đẹp khuôn mặt bông sen với những cuộn tóc lượn sóng

Anh hùng Rama (tượng đồng)

đứng trước mặt mình, lòng Rama đau như dao cắt, nhưng vì sợ tai tiếng, chàng bèn nói với nàng, trước mặt những người khác : "Để trả thù sự lăng nhục, ta đã làm những gì mà một con người phải làm, và trong trường hợp đó, ta đã tiêu diệt Ravana. Cũng như đại đạo sĩ Agaxtia nhờ công sám hối khổ hạnh, đã giải thoát cho các xứ phương nam khỏi mối kinh khiếp đối với Invan và Vatapi(4), ta cũng giải thoát cho cõi thế khỏi mối lo sợ Ravana. Phải biết chắc điều này, chẳng phải là vì nàng mà ta đã đạt tới chỗ kết thúc chiến tranh với sự giúp đỡ của bạn bè. Ta đã làm như thế vì nhân phẩm của ta, để xóa bỏ vết ô nhục vì uy tín và danh dự của dòng họ lừng lẫy tiếng tăm của mình. Ta đã làm việc đó, chính là để chứng tỏ ta không phải thuộc vào một gia đình bình thường. Nay ta phải nghi ngờ tính cách của nàng vì nàng đã lưu lại tại nhà của một kẻ xa lạ. Nàng đang đứng trước mặt ta, nhưng trông thấy nàng ta không chịu nổi, chẳng khác nào ánh sáng đối với người bị đau mắt. Vậy ta nói cho nàng hay, nàng muốn đi đâu tùy nàng, ta không ưng có nàng nữa. Kẻ đã sinh trưởng trong một gia đình cao quý có thể nào lại lấy về một người vợ đã từng sống trong nhà kẻ khác, đơn giản chỉ vì mụ ta là một vật để yêu đương ? Nàng đã bị quấy nhiễu khi ở trong vạt áo của Ravana, đôi mắt tội lỗi của hắn đã hau háu nhìn khắp người nàng, vậy làm sao ta có thể nhận nàng về khi ta nghĩ tới gia đình cao quý đã sinh ra ta ?

Mục tiêu mà vì đó ta cứu nàng, đã được hoàn thành; vậy ta không cần đến nàng nữa. Nàng muốn đi đâu tùy ý. Hỡi phu nhân cao quý !

thuongmaitr

Ta nói rõ cho nàng hay, chẳng chút quanh co ngập ngừng, là nàng có thể để tâm đến Lakmana, Bharata, Xatruna(5) và Xugriva(6), hay nếu nàng thích, nàng có thể đi theo Viphisana, cũng được.

Thấy nàng yêu kiều xinh đẹp, và có được nàng ở trong nhà hắn, Ravana đâu có chịu đựng được lâu".

Nghe những lời giận dữ đó của Rama, Gianaki đau đớn đến nghẹt thở, như một cây leo bị vòi voi quật nát. Nghe những lời tố cáo chưa từng có, trước mặt đông đủ mọi người, Gianaki xấu hổ cho số kiếp của nàng, và nàng muốn tự chôn vùi cả cái hình hài của mình. Những lời nói của Rama xuyên vào trái tim nàng như một mũi tên. Nước mắt nàng đổ ra như suối. Nàng lấy tà áo lau nước mắt, rồi bằng giọng dịu dàng, nghẹn ngào, nức nở, nàng nói : "Như một con người thấp hèn chửi mắng một con mụ thấp hèn, cớ sao chàng lại dùng những lời lẽ gay gắt khó tả như vậy đối với thiếp ? Thiếp đâu có phải là người như chàng tưởng ! Thiếp có thể lấy tư cách của thiếp ra mà thề, hãy tin vào danh dự của thiếp. Qua hành vi của loại phụ nữ thấp hèn, chàng đã ngờ vực tất cả giới phụ nữ, nhưng như thế đâu có thích đáng. Nếu như chàng có hiểu biết thiếp chút đỉnh, thì xin hãy từ bỏ mối ngờ vực không căn cứ đó đi.

Chàng xem, Ravana đã đụng tới thiếp khi mà thiếp đang chết ngất đi, làm thế nào tránh được ? Về điều đó, chỉ có số mệnh của thiếp là đáng bị chê trách, nhưng những gì còn nằm trong vòng kiểm soát của thiếp, tức là trái tim thiếp đây, thuộc về chàng. Thiếp có thể làm gì với cái thân thiếp đây, bởi nó có thể bị phụ thuộc vào kẻ khác, khi thiếp hoàn toàn ở dưới quyền lực của hắn. Thiếp còn gì là thanh danh, nếu như chàng vẫn chưa hiểu được thiếp qua tình yêu của thiếp và qua tiếp xúc với tâm hồn thiếp. Hồi chàng phái Hanuman tới dò tin tức về thiếp, cớ sao chàng không gửi cho thiếp lời nhắn nhủ rằng chàng đã từ bỏ thiếp ? Nếu thế thì thiếp đã kết liễu đời mình ngay trước mặt chàng Vanara đó rồi. Mà sự thể đã như vậy, thì lúc đó chẳng cần chàng phải mạo hiểm đến thế để có thể nguy hại đến thân mình; và các bạn hữu của chàng đã khỏi phải chịu đựng những phiền

muộn và đau khổ. Hỡi Đức Vua ! Bị cơn giận giày vò, như một người thấp hèn, Người đang nghĩ về thiếp như một phụ nữ thường tình. Tên thiếp là Gianaki, bởi vì thiếp có liên quan đến lễ tế sinh của Gianaka chứ không phải vì thiếp sinh ra trong gia đình đó; chỉ có Đất là mẹ của thiếp thôi. Vì không thể suy xét cho đúng đắn, chàng đã không hiểu được bản chất của thiếp. Chàng không lưu tâm đến cớ sao hồi còn thanh niên chàng đã cưới thiếp. Tình yêu của thiếp, lòng trung thành của thiếp, nay xem ra hoàn toàn vô ích".

Nói dứt lời, Gianaki òa khóc. Nàng nói với Lakmana lúc này đang buồn bã và suy nghĩ ủ ê : "Hỡi Lakmana, em hãy chuẩn bị cho chị một giàn hỏa thiêu. Với nông nỗi đáng buồn hiện nay, đó là phương thức duy nhất cho chị. Chị không muốn sống sau những lời tố cáo lầm lạc như vậy. Chồng chị không hài lòng về chị, chàng ta đã ruồng rẫy chị trước mặt mọi người. Giờ thì chị sẽ từ bỏ tấm thân này cho ngọn lửa"(7).

Cố nén cơn giận, Lakmana nhìn Rama, và qua nét mặt, cử chỉ của người anh, Lakmana đoán được động cơ của anh, chàng chuẩn bị một giàn hỏa thiêu cho Xita.

thuongmaitr

Vào lúc đó, chẳng có ai trong đám bạn bè dám nói gì với Rama, hoặc nhìn vào chàng; lúc đó nom chàng khủng khiếp như thần Chết vậy.

Rama vẫn ngồi, mắt dán xuống đất. Xita lượn quanh chàng rồi bước tới giàn lửa; sau khi cúi lạy chư thần, đấng Brahma, nàng thưa với thần Lửa Anhi : "Nếu con trước sau một lòng một dạ với Rama thì cúi đầu xin thần hãy tìm hết cách bảo vệ con. Rama đã coi một phụ nữ trinh tiết như một kẻ gian dối; nhưng nếu con trong trắng, xin thần Anhi phù hộ cho con".

Nói dứt lời, Gianaki lượn quanh qua giàn lửa rồi dũng cảm bước vào ngọn lửa. Ai nấy, già cũng như trẻ đau lòng đứt ruột xem nàng Gianaki đang đứng trong lửa. Trước mặt mọi người, trang tuyệt thế giai nhân đó nộp mình cho lửa. Các bậc thánh, các chư thần, nhìn Gianaki nhảy vào lửa, chẳng khác một đồ cúng trong lễ tế sinh.

Thấy nàng như vậy, như một thiên thần bị đuổi ra khỏi trời do một thần chú nguyền rủa, các phụ nữ bật ra tiếng kêu khóc thảm thương. Cả loài Raksaxa lẫn loài Vanara cùng kêu khóc vang trời trước cảnh tượng đó.

PHẠM THỦY BA dịch
(*Ramayana*, tập III, NXB Văn học, Hà Nội, 1989)

Chú thích

(1) *Gianaki* : một tên khác của Xita, gọi theo tên cha. Theo truyền thuyết, trong lễ hạ điền, vua Gianaka cày sắp xong luống cày đầu tiên bỗng bắt gặp một cô bé nhỏ xíu nằm trong luống cày, nhà vua bế lên đem về làm con nuôi. Xita có nghĩa là luống cày. (2) *Raksaxa* : tên loài quỷ sống trên đảo Lanka, ở đây chỉ Ravana. (3) *Viphisana :* em trai Ravana. (4) *Invan và Vatapi :* hai anh em quỷ sứ độc ác thường phù phép dụ dỗ người Bàlamôn để nuốt sống, về sau bị đạo sĩ Agaxtia có pháp thuật giết chết. Muốn biết chi tiết xem khúc ca thứ ba, chương 3 trong tác phẩm *Ramayana*, tập I (Sđd, trang 258). (5) *Lakmana, Bharata, Xatruna* là các em trai khác mẹ với Rama. (6) *Xugriva* : vua khỉ. (7) Tục lệ tôn giáo ở Ấn Độ là dựng giàn hỏa thiêu để đốt xác người chết. Ngày xưa chồng chết, người vợ cũng phải thiêu sống theo chồng để bày tỏ lòng chung thủy. Ở trường hợp này Xita "bước vào ngọn lửa để thanh minh cho sự trong trắng của mình", của người bị nghi ngờ.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Tập đọc vài lần những từ Xăngcrit trong bài. Đọc diễn cảm hai, ba lần (chú ý giọng điệu của nhân vật).

2. Phân tích diễn biến tâm trạng của Rama qua thái độ, cử chỉ, hành động và giọng điệu.

3. Phân tích tâm trạng của Xita trước những lời lẽ buộc tội của Rama. Hành động nhảy vào lửa của Xita có ý nghĩa gì ?

4. Thành công của tác giả trong việc miêu tả tính cách Rama thể hiện ở điểm nào ?

*5. Thử so sánh nhân vật Rama với Đam San (**Sử thi Đam San**) và Uylixơ (**Ôđixê**), chỉ ra điểm giống và khác nhau giữa ba nhân vật này ?*

truongxua.vn

ĐỌC THÊM

HỒ PAMPA

(Trích *Ramayana* - Khúc ca thứ bốn, chương mở đầu)

Cùng với Lakmana, Rama lòng nặng trĩu, vừa cất bước đi đến hồ Pampa đầy những bông sen và cá, vừa cất tiếng thở than. Thoạt mới nhìn đến hồ, lòng chàng đã xôn xao một nỗi xúc động vui, buồn, đắm say lẫn lộn.

"Em xem kìa ! Nước hồ sao mà trong vắt như pha lê, có khác gì chất ngọc lỏng trên nước da màu lơ ? Những bông sen nở rộ mới nhiều làm sao ! Những rặng cây viền quanh bờ mới duyên dáng chưa ? Và những cây cối cành lá sum suê nom mới giống các đỉnh đồi làm sao ! Đây là sào huyệt của những loại thú và chim khác nhau. Tuy lòng anh não nề nỗi đau buồn vì mất chị Xita và nghĩ đến những đau khổ của Bharata, nhưng hồ Pampa xinh đẹp đã khiến anh vui mắt.

Trông kìa : Lớp đất màu xanh thẫm lốm đốm những hoa đủ màu sắc rời khỏi cuống, nom như một tấm chăn kẻ ô vuông xinh đẹp trải trên cỏ. Đây đó, những cây leo duyên dáng lấm tấm những chùm hoa nhỏ đang ôm lấy những cành cây cao chót vót nặng trĩu hoa.

Em yêu thương ơi ! Bây giờ là mùa xuân, mùa của tình yêu. Xem, ngọn gió dịu dàng đang nhẹ thổi, hoa đang nở rộ và rừng ngào ngạt hương. Trông kìa ! Trận mưa hoa... biết bao nhiêu hoa đã bị ném xuống đất, biết bao nhiêu hoa đang lả tả rơi và bao nhiêu là hoa đang rung rinh trên cành.

Nghe kìa, nghe cái tiếng nhạc trầm trầm của gió nó luồn ra khỏi các hang đá, và nghe đàn chim cu ca hót đang dạy cho cây cối một điệu vũ. Không khí mát mẻ, trong lành, lành mạnh một cách khoan khoái và thơm nức như đàn hương[1], cất bỏ cho ta mọi mệt nhọc và u sầu. Gió chuyển động khiến cho cây cối, cành lá đang mắc vào nhau kết liền một dãy; và đàn ong đang vo ve, say mùi mật hoa rừng. Những ngọn núi trên đỉnh đội những cây hoa nom như đội vương miện.

Nghe chim cu đang cất tiếng ca dịu dàng như chế giễu anh. Hãy nghe lũ chim Đêtynha đang líu lo bên cạnh con suối kia kìa ! Tiếng hót du dương của chúng khiến anh thêm não ruột. Trước đây lúc ngồi trong nhà nghe

những tiếng hót đó, Xita gọi anh tới ngồi cạnh nàng để bày tỏ niềm vui thích đê mê...

Mùa xuân, như lửa, thiêu đốt anh đến là khổ - hoa Axôka đỏ là than hồng, tiếng vo ve của đàn ong là tiếng lửa vèo vèo và lá màu đồng thau là ngọn lửa ! Em Lakmana ơi, một khi mà anh không còn được trông thấy Xita nói năng dịu dàng, có đôi mắt xinh đẹp và mái tóc duyên dáng, thế thì cuộc sống có ích gì cho anh ? Những ý nghĩ về nàng đang thiêu cháy anh, gió mùa xuân không thể làm cho anh mát dịu được.

Lakmana ơi, những con chim công điên cuồng đang cùng những con mái múa lượn trong cảnh vui vầy, đuôi xòe rộng, lấp loáng như rèm cửa sổ bằng pha lê. Chắc chắn rồi, không có con yêu tinh nào đã mang Xita đến đây, không thế thì chim công đã chẳng múa mênh vui sướng thế này.

Nếu như mùa xuân cũng tới nơi mà hiện nàng đang bị giam hãm, chắc chắn nàng cũng âu sầu héo hon như anh vậy. Cho dù nếu mùa xuân không xuất hiện ở đấy, thì nàng cũng không còn sống nữa vì vắng anh...

Em trông kìa ! Cây Tilaka nở hoa, đu đưa trong làn gió thoảng, nom chẳng khác gì một mĩ nhân chếnh choáng hơi men, lôi cuốn đàn ong đang hối hả bay tới... Thiên nga và chim Chakravaka đang nô đùa trong dòng nước pha lê của hồ Pampa. Hươu nai và voi đang tới uống nước. Hãy trông những bông sen đỏ nở rộ, mỗi bông như một buổi bình minh đỏ thắm, và mặt nước phủ phấn hoa mà đàn ong làm rơi rụng xuống. Hồ Pampa đẹp mê hồn, và những rặng cây viền quanh hồ thơ mộng biết bao !

truongxua.vn

Ôi, Cupit[2] mới tàn ác làm sao ! Không sao có thể có được nàng trong một sớm một chiều, nhưng chính Tình yêu đang làm sống lại hình ảnh nàng trong tâm trí anh. Chúa Xuân đem hoa thắm lá xanh đè nặng lòng anh.

Những vật mà anh nâng niu trong thời gian còn sum họp với Xita, nay đã vắng nàng mà mất hết vẻ mĩ miều. Cánh hoa sen nom giống mắt Xita và cơn gió hây hây từ rặng cây thổi tới mang theo hương sen khi đụng tới chỉ nhị[3] có khác gì hơi thở nhẹ nhàng của nàng Xita.

Này em ! Ngọn gió sau khi đã nếm đủ thứ mùi vị ngọt ngào đang vui sướng chuyển động hết đồi này đến núi khác, hết cây nọ sang cây kia. "Cái này ngọt", "cái này nở trọn" - bầy ong nói, và chúng bay đậu từ hoa này sang hoa khác, rồi vội vàng bỏ đi tìm kiếm mật tươi; và cứ mỗi lần như vậy thì hoa lại rụng xuống phủ đầy mặt đất.

Giá bây giờ anh tìm ra Xita rồi cùng nhau ở trên bờ hồ Pampa thì thôi, anh chẳng khát khao gì Ayôđhya[4] hoặc cõi trời. Nhất định thế, mọi ham muốn và thèm khát sẽ được toại nguyện nếu như anh có thể cùng Xita nô đùa trong làn nước trong veo xanh màu ngọc bích.

Lakmana ơi, anh không biết Xita đang sống như thế nào dưới quyền kẻ khác. Anh sẽ nói thế nào đây khi vua Gianaka và những người khác hỏi thăm sức khỏe của nàng ?

Anh không biết nàng đang ở đâu ? Nàng đã đi theo cái kẻ xấu số này vào rừng, hoàn toàn chỉ do ý thức làm tròn phận gái, bây giờ nàng ở đâu ?

Hồi bị mất vương quốc, anh như bị tê liệt, nhưng nàng đã làm bầu làm bạn với anh khiến anh phấn chấn. Bây giờ anh sẽ sống sao đây trong nỗi li biệt, hở em ?

Than ôi, Xita, mắt nàng đẹp tựa bông sen, và bất cứ lúc nào nàng cất tiếng thì một nụ cười hé mở luôn thoảng trên môi nàng. Trái tim anh đắm chìm khi không còn được trông thấy khuôn mặt ngát hương sen của người đẹp trong trắng đó. Giọng nói của nàng rõ ràng, trong sáng, dễ mến, ngọt ngào. Khi nào thì anh được nghe lại giọng nói đó ?

Từ lúc sống lưu đày trong rừng, tuy chịu trăm ngàn gian khổ, người phụ nữ khuê các trinh bạch đó vẫn luôn luôn nói với anh những điều dịu dàng, chẳng khác gì một người bạn vui đời. Than ôi ! Anh sẽ ăn nói làm sao khi mẹ hỏi về Xita. Em hãy quay về đi, để quay về với Bharata giàu nghĩa nặng tình anh em; vắng Xita anh không tài nào sống nổi".

Thấy Rama than khóc như một con người bơ vơ lẻ loi, Lakmana khuyên giải anh bằng những lời lẽ phải chăng :

"Anh kính yêu ! Hãy dẹp nỗi đau đớn đi, anh sẽ gặp mọi điều tốt lành. Con người, ngay dầu không mang một vết dơ tội lỗi nào, cũng mất sáng suốt nếu để cho nỗi đau buồn khuất phục. Vì rằng nỗi đau khổ kia là do sự xa cách gây nên, vậy anh hãy quên đi mối tình quyến luyến đối với người thân yêu của anh.

Khi ngọn bấc đã thấm ướt thì chỉ cần một chút dầu nó cũng bốc cháy. Anh tôn kính, nếu như gã Ravana có trốn trong hang ổ tối tăm của trái đất hắn cũng không thoát chết. Vậy hãy cố gắng thu lượm tin tức về hắn. Cho

thuongmaitr

dù hắn có đem Xita ẩn nấp trong lòng Điti mẹ của các Axura(5) - chắc chắn rằng em cũng sẽ giết chết hắn nếu như hắn không trao trả chị Xita cho anh.

Hãy rũ sạch sự nản lòng đó đi và hãy kiên nhẫn chịu đựng. Chẳng ai có thể tìm thấy lại của cải đã mất nếu không gắng công ráng sức. Nghị lực là điều kiện cần thiết để hành động, và không có một sức mạnh nào cao hơn nghị lực. Đối với một người giàu nghị lực, mọi sự trên thế giới này đều có thể đạt tới và không có gì có thể khiến y ngã lòng thoái chí. Dựa vào nghị lực, chúng ta có thể giành lại được chị Xita.

Hãy xua đuổi nỗi thảm sầu và lòng mong mỏi say đắm. Anh là con người từng trải và cao quý, cớ sao lại quên mất điều đó ?".

Rama nghĩ rằng phải nghe theo lời khuyên của Lakmana, chàng bèn kiềm chế những nỗi buồn đau dằn vặt, rồi với dáng đi chầm chậm nhưng lòng vẫn lo âu, chàng bước dọc bờ hồ Pampa cây cối um tùm rung rinh trong gió.

Trên đường đi, họ đưa mắt thận trọng nhìn ngó mọi hang động và mọi con suối. Chàng Lakmana anh hùng bước theo anh, triền miên suy nghĩ cách làm thế nào cho Rama được khuây khỏa; và trên suốt đường đi chàng cố làm cho anh phấn chấn bằng những lời đàm luận về đạo đức và sự tích anh hùng...

uongxua.vn

PHẠM THỦY BA dịch

(*Ramayana*, NXB Văn học, Hà Nội, 1989)

Chú thích

(1) *Đàn hương* : loại cây gỗ cứng, có mùi thơm thường dùng làm hương liệu hoặc làm thuốc chữa bệnh. (2) *Cupit* : thần Tình yêu. Cupit hay Eros là thần Tình yêu trong thần thoại Hi - La. Trong thần thoại Ấn Độ, thần Tình yêu được gọi là Kama. (3) *Chỉ nhị* : những sợi tơ của nhị (nhị hoa sen). Cơn gió hòa lẫn với tơ nhị và hương sen được so sánh với hơi thở của nàng Xita. (4) *Ayôdhya* : kinh đô của vương quốc Kôsala. (5) *Axura* : một loài quỷ khổng lồ. Ravana, kẻ bắt cóc Xita, cũng thuộc loài Axura.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Vì sao Rama có mặt ở hồ Pampa ? Cảnh đẹp hồ Pampa đã gợi lên những tình cảm gì trong lòng Rama ? Phân tích những biểu hiện qua các giác quan của Rama (nghe, nhìn, ngửi).

2. Chỉ ra những lời Rama đối thoại, độc thoại trong đoạn văn.

3. Những lời khuyên giải của Lakmana là gì ? Tại sao Rama lại tiếp nhận những lời khuyên ấy ?

4. Tác giả miêu tả điểm gì là chủ yếu để tạo ra chất trữ tình trong đoạn văn này ?

BÀI 3

THƠ ĐƯỜNG

Thơ Đường là thành tựu rực rỡ nhất của văn học đời Đường (618 - 907), là một trong những thành tựu tiêu biểu nhất của văn học Trung Quốc, đồng thời là một thành tựu đột xuất của thơ ca nhân loại. Trong cuốn *Toàn Đường thi* còn 48900 bài của trên 2300 tác giả. Thơ Đường không chỉ có nền rộng mà còn có những đỉnh cao, những nhà thơ nổi tiếng : Lí Bạch (701 - 762), Đỗ Phủ (712 - 770), Vương Duy (701 - 761), Bạch Cư Dị (772 - 846). Có những nhà thơ tuy sáng tác không nhiều nhưng đã viết được những bài thơ xuất sắc mà các nhà thơ nổi tiếng nói trên cũng phải khâm phục như *Đêm hoa trăng trên sông xuân* của Trương Nhược Hư, *Hoàng Hạc lâu* của Thôi Hiệu (704 - 754).

Thơ Đường vừa độc đáo, vừa có tính chất cổ điển : nó mang màu sắc Trung Quốc rõ nét, đồng thời, lại thể hiện một cách đầy đủ, tập trung những đặc điểm của thể loại thơ. Một công trình lí luận nghiêm túc về thơ, dù được viết ở đâu, cũng khó tránh khỏi việc trích dẫn thơ Đường. Thơ Đường là một loại thơ cổ, song học nó không phải chỉ là chiêm ngưỡng một "cổ vật" mà nhiều mặt của thơ Đường vẫn còn ý nghĩa hiện đại, đặc biệt là những kinh nghiệm về việc sử dụng từ ngữ, xây dựng tứ thơ.

I - NGUYÊN NHÂN PHÁT TRIỂN

Trung Quốc, như nhiều nhà nghiên cứu phương Tây nhận xét, là một vương quốc của thơ. Trước đời Đường gần 2000 năm, đã xuất

hiện một tuyển tập thơ ca nổi tiếng : *Kinh Thi*, một tuyển tập phần lớn là thơ ca dân gian mà vẫn được các nhà nho tôn lên hàng tài liệu kinh điển. Trước CN 300 năm, lại xuất hiện một nhà thơ yêu nước vĩ đại : Khuất Nguyên (340 - 278 ? trước CN), tác giả của bản trường ca trữ tình *Li tao* bất hủ, nhà thơ đầu tiên của Trung Quốc được Hội đồng hòa bình thế giới kỉ niệm. Trong 400 năm thời Lục Triều, từ cuối thời Tam quốc đến Tùy - Đường, tuy xã hội cực kì rối loạn, kinh tế đình đốn nhưng thơ ca vẫn phát triển phong phú, đa dạng. Bên cạnh thơ ca dân gian như một dòng suối trong lành vẫn không ngừng tuôn chảy là dòng thơ thi nhân với những tên tuổi khá quen thuộc như Tào Thực (con Tào Tháo), Nguyễn Tịch, Kê Khang và đặc biệt là Đào Tiềm (365 - 427), còn gọi là Đào Uyên Minh. Sự phát triển của thơ Đường, do đó, không phải là ngẫu nhiên.

Điều kiện xã hội phồn vinh đầu đời Đường (giai đoạn Sơ Thịnh Đường) đã tạo những tiền đề cho văn học nói chung, thơ ca nói riêng phát triển thuận lợi. Thủ đô Trường An[1], không chỉ là một trung tâm thương mại quốc tế, tập hợp thương nhân của hàng chục nước mà còn là nơi gặp gỡ, trao đổi ý kiến, sáng tác của các nhà thơ. Văn hóa đời Đường đã có ảnh hưởng đối với các nước láng giềng, song chính các nhà tư tưởng và văn hóa đời Đường cũng đã say mê tiếp thu những tư tưởng triết học, âm nhạc, vũ đạo, kiến trúc, cả cách chế tạo y phục, nấu nướng... của Ba Tư, Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kì và nhiều nước Trung Á. Nói đến hiện tượng thường được gọi là "nghệ thuật hóa" trong mọi lĩnh vực của cuộc sống đời Đường cũng như phong cách đa dạng của thơ Đường, không thể không đề cập những ảnh hưởng ngoại lai ấy.

Nếu sự phồn vinh đầu đời Đường làm cho thơ phát triển về bề rộng thì tình cảnh loạn li từ sự biến An Lộc Sơn (755) làm cho thơ đi vào chiều sâu, ngày càng gắn bó hơn với hiện thực cuộc sống.

Chế độ thi cử đời Đường rất coi trọng thơ cũng là một nhân tố khiến cho việc học tập và sáng tác thơ trở thành một phong trào rộng rãi.

II - MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM VỀ HÌNH THỨC NGHỆ THUẬT

1. Thể thơ

Thơ Đường có hàng vạn bài nhưng chung quy chỉ sáng tác theo 3 thể : Đường luật, cổ phong, từ.

Thơ *Đường luật*, là thể thơ chủ đạo có tác động chi phối các thể thơ khác, thường được dùng như một hệ quy chiếu để xem xét đặc điểm các thể thơ khác.

+ Đó là một thể thơ có niêm luật chặt chẽ, niêm luật đó lấy việc xen kẽ các thanh *trắc* và *bằng* làm nguyên tắc.

+ Tuy nhiên, nguyên tắc đó không phải là tuyệt đối. Có phần gần như tuyệt đối, đó là vị trí của các thanh ở chữ thứ 2, thứ 4 và thứ 6 trong thơ thất ngôn, thường được khái quát thành công thức "nhị tứ lục phân minh" với hàm nghĩa : *thanh của chữ thứ 4 phải ngược thanh của chữ thứ 2 và chữ thứ 6*, cụ thể chỉ có thể là *Trắc – Bằng – Trắc* hoặc *Bằng – Trắc – Bằng* (viết tắt là T - B - T và B - T - B).

Ví dụ : "Phong *cấp* thiên *cao* viên *khiếu* ai" (*Đăng cao*) hoặc : "Giang *gian* ba *lãng* kiêm *thiên* dũng" (*Thu hứng*). Một câu thơ viết không đúng công thức đó gọi là *thất luật* hay *phá luật* (cố tình làm thất luật để nhấn mạnh một ý nào đó, ví dụ : "Một *đèo*, một *đèo* lại *một* đèo"). Phần có thể linh động là các chữ thứ 1, thứ 3, và thứ 5, thường quy thành công thức : "nhất tam ngũ bất luận". Thật ra chỉ chữ thứ 1 là có thể hoàn toàn linh động. Chữ thứ 5 nói chung là ngược thanh với chữ thứ 7, tuy linh động cũng không bị coi là thất luật. Chữ thứ 3 nếu ở câu có vần, không được chuyển thanh "bằng" thành "trắc". Thơ Đường luật có ba dạng chính : *bát cú* (8 câu), *tuyệt cú* (có khi gọi là tứ tuyệt, 4 câu), *bài luật* (còn gọi là *trường luật*, nghĩa là một bài thơ luật kéo dài).

Một bài bát cú được chia thành 4 cặp câu (còn gọi là 4 "liên" thơ): *đề, thực, luận, kết* (còn gọi là "liên đầu", "liên cằm", "liên cổ", "liên đuôi", cũng có khi gọi bằng số : cặp câu thứ 1, thứ 2, thứ 3, thứ 4). Đã có xu hướng quy các chức năng xác định cho mỗi cặp câu như tên gọi của nó (*đề* là "vào đề", *luận* là "bàn rộng ra", *kết* là "kết luận"...) song thực tiễn thơ Đường luật, đặc biệt là thơ từ đời Minh trở về trước lại cho ta thấy không phải bao giờ cũng vậy. Một

tỉ lệ không nhỏ các bài thơ Đường (như *Hoàng Hạc lâu* của Thôi Hiệu, *Đăng cao* của Đỗ Phủ) chỉ có thể được lí giải đúng đắn nếu chỉ chia chúng thành hai phần, tức *nửa trên* và *nửa dưới* như nhà phê bình Kim Thánh Thán(2) thường gọi.

– Thơ *cổ phong* là loại thơ tương đối tự do về nhiều mặt (số câu trong bài, số chữ trong câu không bị hạn định chặt chẽ, có thể gieo vần trắc và nhiều vần khác nhau, không phải theo luật bằng trắc, không phải đối ...). Nói là tương đối vì dù viết theo thể cổ phong, nhà thơ cũng không thể không chú ý đến vấn đề thanh điệu; vì ở một số phương diện, cố ý hay vô tình, người làm thơ cổ phong vẫn bị luật thơ Đường ám ảnh, chi phối. Nhiều bài cổ phong viết theo lối *ngũ ngôn* (như *Thạch Hào lại* của Đỗ Phủ) hay *thất ngôn* (như *Tì bà hành* của Bạch Cư Dị) song cũng không hiếm bài trong đó số chữ trong câu không cố định (như *Hành lộ nan* của Lí Bạch).

– *Từ* là loại thơ kết hợp chặt chẽ với âm nhạc, xuất hiện vào khoảng thế kỉ thứ VIII; nói đúng hơn là loại thơ viết theo những *công thức của các điệu từ*, thường được gọi là *từ phổ*. Từ có rất nhiều điệu, đến đời Tống có đến trên một nghìn điệu. Mặc dù cũng phải viết theo những công thức chặt chẽ của từ phổ, từ có rất nhiều điểm khác thơ Đường luật : có thể gieo vần trắc, câu dài ngắn không đều (có câu chỉ 1, 2 hoặc 3 chữ, có câu lại đến trên 10 chữ, do đó còn có tên là *trường đoản cú*).

Mỗi thể thơ nói trên đều có chỗ mạnh yếu khác nhau, đều có những đặc điểm riêng trong việc giúp nhà thơ khái quát hiện thực, biểu hiện cảm xúc (ví dụ, người ta hay nói đến khả năng miêu tả, phản ánh hiện thực rộng lớn của thơ cổ phong trường thiên, khả năng biểu hiện những cảm xúc cô đọng của thơ bát cú, những rung động tinh tế của thơ tuyệt cú ...) song khi nói đến đặc điểm bao quát nhất của nghệ thuật thơ Đường thì người ta thường viện dẫn thơ bát cú Đường luật và thơ tứ tuyệt (gồm cả thơ cổ phong 4 câu).

2. Ngôn ngữ thơ và tứ thơ

Vốn từ sử dụng trong thơ Đường không phải là nhiều, hơn thế thường lại là những từ đơn giản, phổ biến. Ví dụ, về động vật, thực vật, ta thấy chỉ xuất hiện một lượng từ hạn chế chỉ một số cây, con

uongxua.vn

nhất định. Ấy thế nhưng ngôn ngữ thơ Đường lại có khả năng diễn đạt vô cùng tinh tế và phong phú. Sở dĩ được như vậy trước hết là nhờ công phu tinh luyện của các nhà thơ; phải làm sao, với một số mã tối thiểu, có thể đưa lại một thông tin mới mẻ và tối đa. Muốn làm được điều ấy, bên cạnh *ngôn ngữ tinh luyện*, còn phải có *tứ thơ độc đáo*. Học thơ Đường, trước hết là học *tinh thần sáng tạo* đó của các nhà thơ. Trong lúc thể hiện các đề tài chẳng lấy gì làm phong phú cho lắm, các nhà thơ có tài năng ở đời Đường đã không bao giờ chịu lặp lại người khác cũng như lặp lại chính mình.

Để xây dựng được những tứ thơ mới lạ đó, cũng như để làm nổi bật sự *tương đồng* hoặc *đối lập* giữa các sự vật, giữa các trạng thái tình cảm, các nhà thơ Đường thường dựng lên các mối *quan hệ* (quan hệ xưa và nay, mộng và thực, tiên và tục, sống và chết, vô cùng và hữu hạn, không gian và thời gian, tình và cảnh ...). Các nhà thơ Đường chủ trương không nói hết : "ý tại ngôn ngoại" (ý ở ngoài lời), "ngôn tận nhi ý bất tận" (lời hết mà ý chưa hết) ; không nói trực tiếp ý mình : "ý đáo nhi bút bất đáo" (ý đến mà bút không đến), "họa vân hiển nguyệt" (vẽ mây nhưng lại làm rõ trăng). Từ các mối quan hệ, độc giả có thể luận ra điều tác giả muốn gửi gắm. Đó là hướng chủ yếu để "giải mã" thơ Đường. Do đó, không thể đọc thơ Đường với thái độ lười biếng, dễ dãi.

III - THƠ ĐƯỜNG VỚI VĂN HỌC VIỆT NAM

Thơ Đường có một mối liên hệ rất mật thiết với văn học Việt Nam. Bất cứ là về phương diện chọn đề tài, xây dựng hình ảnh, cấu tạo tứ thơ, sử dụng ngôn ngữ... thơ Đường đều đã cung cấp cho các nhà thơ Việt Nam những chất liệu sống động, những gợi ý quý báu. Truyền thống hiện thực, nhân đạo của thơ Đường đã tác động tích cực đến nhiều nhà thơ tiến bộ của Việt Nam. Có thể tìm thấy dấu vết nhiều bài thơ Đường phản đối chiến tranh, trước hết là của Vương Xương Linh và của Lí Bạch, trong *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn. Có thể tìm thấy âm vang của *Tì bà hành*, không chỉ trong thơ ca cổ điển Việt Nam mà cả trong phong trào Thơ mới 1930 - 1945. Nguyễn Du đã tôn Đỗ Phủ là "bậc thầy thiên cổ của văn chương thiên cổ".

Cả 3 thể thơ Đường đều được du nhập vào Việt Nam, trong đó Đường luật là thể thơ để lại âm vang lâu dài và sâu rộng nhất. Cha ông ta đã đem đến nhiều sáng tạo trong lúc vận dụng khiến cho thơ Đường luật, từ một thể thơ ngoại nhập dần trở thành một thể thơ mang đậm tính dân tộc. Do tính chất gò bó đối với số đông người làm thơ hiện nay, thơ Đường luật khó diễn đạt được đầy đủ, sinh động tình cảm của con người hiện đại. Tuy vậy, nó vẫn xuất hiện trên một số lĩnh vực nhất định trong cuộc sống văn hóa của nhân dân ta (như họa thơ trong các ngày lễ tết, thơ châm biếm đả kích, thơ mừng xuân, mừng thọ ...). Riêng thơ tứ tuyệt Đường luật, khác với ở Trung Quốc, vẫn còn sức sống mạnh mẽ ở nước ta. Nhiều nhà thơ thuộc các thế hệ khác nhau đã sử dụng thể thơ đó một cách dễ dàng và viết nên được những bài thơ nổi tiếng.

Chú thích

(1) *Thủ đô Trường An* : nay là thành phố Tây An, thuộc tỉnh Thiểm Tây. (2) *Kim Thánh Thán* : nhà phê bình nổi tiếng cuối đời Minh, sinh 1608, mất 1661.

uongxua.vn

LÍ BẠCH

TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM

Lí Bạch (701 - 762), tự Thái Bạch, nguyên quán ở tỉnh Cam Túc, lớn lên ở đất Tứ Xuyên. Lúc trẻ, ngoài đọc sách, còn học đấu kiếm. Tính tình hào phóng, thích giao lưu với bạn bè và du lãm, 25 tuổi, rời quê hương đi tìm đường thực hiện hoài bão, ước mơ, những mong dân chúng được yên vui, "đất nước được thanh bình". Được một đạo sĩ giới thiệu lên vua Đường Huyền Tôn, ông rất vui mừng, tin rằng sẽ làm nên sự nghiệp to lớn như Quản Trọng, Khổng Minh. Nào ngờ vua chỉ đối xử với ông như một nghệ nhân, chỉ dùng ông khi cần điểm tô cho cuộc sống ăn chơi ở cung đình. Bất mãn, thất vọng, chỉ sau 3 năm, ông chủ động xin ra khỏi kinh đô, tiếp tục cuộc sống ngao du sơn thủy. Năm 755, An Lộc Sơn, một Tiết độ sứ người Hồ chiếm Lạc Dương rồi thủ đô Trường An, Huyền Tôn bỏ chạy vào Tứ Xuyên,

nhường ngôi cho con là Lí Hanh (Túc Tôn). Với động cơ yêu nước, Lí Bạch ra giúp việc cho em Lí Hanh là Lí Lân mà không biết mâu thuẫn giữa Lí Hanh và Lí Lân. Lí Lân bị giết, Lí Bạch bị đày đi Dạ Lang (Quý Châu) song giữa đường thì được ân xá. Bị bệnh mất năm 762, để lại khoảng 1000 bài thơ, Lí Bạch là nhà thơ lãng mạn nổi tiếng, thường được mệnh danh là "thi tiên" (tiên thơ). Lí Bạch là người có tài, có hoài bão song chẳng được dùng. Điều đó đã tạo nên những mặt mâu thuẫn, phức tạp trong tư tưởng cũng như thơ ca ông. Tuy nhiên, về cơ bản, Lí Bạch vẫn là một nhà thơ lạc quan, hào phóng. Âm hưởng chủ đạo trong thơ ông vẫn là tiếng nói yêu đời, yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước. Ông đã có những sáng tạo mới mẻ, táo bạo trong việc xây dựng hình ảnh, tứ thơ cũng như trong việc sử dụng thể thơ và ngôn từ.

thuongmaitr

GIẢNG VĂN

HOÀNG HẠC LÂU TỐNG MẠNH HẠO NHIÊN CHI QUẢNG LĂNG

(Tại lầu Hoàng Hạc tiễn Mạnh Hạo Nhiên[1] đi Quảng Lăng[2])

Phiên âm :

Cố nhân tây từ Hoàng Hạc lâu,
Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu.

Cô phàm viễn ảnh bích không tận,
Duy kiến Trường Giang thiên tế lưu.

Dịch nghĩa :

Hướng về phía tây[3], bạn cũ giã từ lầu Hoàng Hạc,
Xuôi về Dương Châu[4] giữa tháng ba mùa hoa khói[5].
Bóng cánh buồm lẻ loi xa xa mất hút vào khoảng
không xanh biếc,
Chỉ thấy sông Trường Giang chảy ở lưng trời.

Dịch thơ :

Bạn từ lầu Hạc lên đường,
Giữa mùa hoa khói, châu Dương xuôi dòng.
Bóng buồm đã khuất bầu không,
Trông theo chỉ thấy dòng sông bên trời.

NGÔ TẤT TỐ dịch
(*Thơ Đường*, tập II, NXB Văn học,
Hà Nội, 1987)

truongxua.vn

Chú thích

(1) *Mạnh Hạo Nhiên* (689 - 740): người huyện Tương Dương (nay thuộc tỉnh Hồ Bắc), một trong những nhà thơ có tiếng đời Đường và cũng là một trong những người bạn thân của Lí Bạch. Dù chênh nhau hơn 10 tuổi, giữa hai nhà thơ vẫn có những nét hoàn cảnh giống nhau và những tình cảm đồng điệu : gặp nhiều trắc trở trong cuộc đời, tính tình hào hiệp, coi thường công danh, thích ngao du sơn thủy. (2) *Quảng Lăng* : một địa danh trong thành Dương Châu, tỉnh Giang Tô. (3) Hướng về phía tây vì Mạnh Hạo Nhiên đi Quảng Lăng tức xuôi Trường Giang về phía đông. (4) *Dương Châu* : đô thị phồn hoa vào bậc nhất đời Đường. Đương thời có câu : "Dương nhất, Ích nhị" (nhất Dương Châu, nhì Thành Đô). (5) *Hoa khói* : nguyên văn là "yên hoa"; chữ *yên hoa* có 4 nghĩa : hoa trong khói (thường là chỉ khói sóng trên sông, khói sương mù...), cảnh đẹp mùa xuân, kĩ nữ, cảnh phồn hoa đô hội. Trong văn cảnh, nó vừa là cảnh thực (nghĩa thứ nhất), vừa là cảnh tượng trưng (nghĩa thứ hai), vừa phù hợp với cảnh phồn hoa đô hội (nghĩa thứ tư) của thành Dương Châu, nơi Mạnh Hạo Nhiên đi tới.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Hai câu đầu có phải chỉ tường thuật sự việc thuần túy không ? (Gợi ý : phân tích ý nghĩa của từ "cố nhân", động từ "từ" và cụm từ "yên hoa tam nguyệt").

2. Đối chiếu bản dịch nghĩa với bản dịch thơ và rút ra những nhận xét cần thiết (chú ý câu thứ ba).

3. Hai câu thơ sau là tả cảnh hay tả tình ? (Tự đặt ở vị trí tác giả để lí giải vấn đề). Đây là hai câu rất hay, cần học thuộc (cả câu thơ dịch lẫn nguyên văn). Thử dùng hai câu thơ lục bát hoặc hai câu thơ thất ngôn để dịch lại.

__ĐỌC THÊM__

TẢO PHÁT BẠCH ĐẾ THÀNH[1]

(Sáng ra đi từ thành Bạch Đế)

thuongmaitr

Phiên âm :

Triêu từ Bạch Đế thái vân gian,
Thiên lí Giang Lăng nhất nhật hoàn.
Lưỡng ngạn viên thanh đề bất trú,
Khinh chu dĩ quá vạn trùng san.

Dịch nghĩa :

Sáng từ biệt thành Bạch Đế[2] giữa làn mây rực rỡ,
Một ngày về tới Giang Lăng[3] xa ngàn dặm.
Hai bên bờ sông tiếng vượn kêu không dứt[4],
Thuyền nhẹ đã qua núi non muôn trùng.

Dịch thơ :

Bản dịch thứ nhất :

Sớm từ Bạch Đế, rực ngàn mây,
Muôn dặm Giang Lăng, tới một ngày.

Vượn hót ven sông nghe ri rả,
Thuyền qua muôn núi nhẹ như bay

TƯƠNG NHƯ dịch
(*Thơ Đường*, tập II, NXB Văn học, Hà Nội, 1987)

Bản dịch thứ hai :

Sáng từ Bạch Đế giữa ngàn mây,
Muôn dặm Giang Lăng tới một ngày.
Tiếng vượn đôi bờ kêu không dứt,
Ngàn non thuyền nhẹ đã qua ngay.

N.K.P dịch
(Theo *Lịch sử văn học Trung Quốc*,
tập I, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1987)

Chú thích

(1) Về xuất xứ bài thơ, hiện có hai ý khác nhau : có người cho Lí Bạch làm bài này lúc còn trẻ, lúc nhà thơ từ biệt quê hương, ra khỏi đất Tứ Xuyên để tìm đường thực hiện ước mơ, hoài bão. Nhiều người cho bài này được làm sau sự biến An Lộc Sơn. Vì "mang tội" giúp Lí Lân, Lí Bạch bị đày đi Dạ Lang (nay thuộc tỉnh Quý Châu). Khi ngược dòng Trường Giang đến tỉnh Tứ Xuyên, Lí Bạch được ân xá. Nhà thơ lập tức xuôi Trường Giang về đông. Bài thơ đã được viết trong hoàn cảnh đó. (2) *Thành Bạch Đế* : do Công Tôn Thuật xây. Thành xây bằng đá ong, ở trên núi Bạch Đế, thuộc huyện Phụng Tiết, tỉnh Tứ Xuyên, thường có mây bao phủ. (3) *Giang Lăng* : thuộc tỉnh Hồ Bắc, cách Bạch Đế 1200 dặm. Sách *Thủy kinh chú* của Lịch Đào Nguyên có đoạn viết : "Có lúc sáng ra đi từ Bạch Đế, chiều tối đã ngủ ở Giang Lăng. Khoảng cách 1200 dặm, dẫu phóng ngựa, cưỡi gió, cũng không nhanh hơn được". (4) Câu này ở nguyên văn có bản viết : "Lưỡng ngạn viên thanh đề bất tận". Nghĩa cũng tương tự. Sách *Thủy kinh chú* cũng có đoạn viết : "Nơi rừng lạnh khe vắng thường có giống vượn lớn kêu hú, tiếng kêu bi thảm lạ thường, con này ngừng thì con khác tiếp, âm vang truyền khắp hang trống, ai oán mãi không thôi".

truongxua.vn

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Qua việc miêu tả, tường thuật cuộc hành trình ở hai câu đầu, ta thấy những đặc điểm gì trong cảnh sắc thiên nhiên từ Bạch Đế đến Giang Lăng ? (Chú ý mối quan hệ giữa không gian và thời gian ở câu thứ hai. Chú ý so sánh nguyên văn bản dịch nghĩa với các bản dịch thơ, với câu trong sách Thủy kinh chú ở chú thích số 3).

2. Cuộc hành trình được tái hiện trong hai câu sau có gì giống và khác trong hai câu trước ? (Tiếp tục chú ý mối quan hệ giữa không gian và thời gian, chỉ có điều cần chú ý là thời gian, không gian ở đây đã được hình tượng hóa. Chú ý so sánh nguyên văn, bản dịch nghĩa với các bản dịch thơ, với câu trong sách ***Thủy kinh chú****, xem chú thích số 4).*

*3. Hãy vận dụng những điều đã phân tích để chứng minh nhận định sau đây về bài thơ : "Không một chữ "dốc", một chữ "cao", một chữ "nước", song độ cao của thành Bạch Đế, độ dốc của con sông, tốc độ của dòng nước chảy hiện lên như tranh vẽ. Ở đây không chỉ có khí thế ào ạt của sông Trường Giang tuôn về đông mà còn có cái xông xáo, hăm hở của một con người tràn trề sức sống" (****Lịch sử văn học Trung Quốc****, tập I, NXB Giáo dục, 1987).*

Gợi ý thêm : ***Thu hứng, Đăng cao*** *của Đỗ Phủ cũng dựng lên cảnh sắc thiên nhiên của chính vùng này song tính chất khác hẳn. Trong lúc chứng minh nhận định trên, đặc biệt là ý sau cùng, có thể so sánh thơ Lí Bạch và thơ Đỗ Phủ trên một số phương diện.*

thuongmaitr

ĐỖ PHỦ

TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM

Đỗ Phủ (712 - 770) là nhà thơ hiện thực lớn nhất, không chỉ của đời Đường, mà của cả lịch sử thơ ca cổ Trung Quốc. Đỗ Phủ làm thơ khi mới bảy tuổi, lúc nhà Đường còn phồn vinh, song chủ yếu sáng tác trong và sau sự biến An Lộc Sơn - Sử Tư Minh (755 - 763), lúc đất nước Trung Quốc chìm ngập liên miên trong cảnh loạn li. Nội chiến phong kiến đã làm cho cuộc sống nhân dân vô cùng điêu đứng. Tuy bản thân có làm vài chức quan nhỏ trong một thời gian ngắn, gia đình Đỗ Phủ cũng không phải là ngoại lệ. Trong mười một năm cuối đời, Đỗ Phủ đưa gia đình đi lánh nạn khắp các vùng thuộc các tỉnh phía tây nam Trung Quốc (Cam Túc - Tứ Xuyên - Hồ Bắc - Hồ Nam) và năm 770, nhà thơ đã qua đời trong cảnh đói rét và bệnh tật trên một chiếc thuyền.

Ngay từ trước sự biến An Lộc Sơn, Đỗ Phủ đã viết được những bài thơ cổ phong có giá trị hiện thực và phê phán cao như *Binh xa hành*, *Lệ nhân hành*. Trong sự biến An Lộc Sơn, thơ ca hiện thực của Đỗ Phủ đã phát triển tới đỉnh điểm với những bài thơ nổi tiếng như *Tam lại* (ba bài thơ khiển trách chính sách tàn bạo của triều đình và thái độ vô trách nhiệm, tội ác của bọn quan lại), *Tam biệt* (ba bài thơ miêu tả ba cuộc li biệt rất thương tâm). Đại bộ phận thơ Đỗ Phủ là luật thi ; mảng thơ biểu hiện những tâm trạng khác nhau của nhà thơ, trong đó tám bài *Thu hứng* và *Đăng cao* là những bài tiêu biểu. Thơ Đỗ Phủ thường được gọi là "thi sử" (sử bằng thơ) vì lần theo thơ ông qua các thời kì, ta có thể thấy hình bóng xã hội đời Đường dần hiện lên như một bức tranh.

truongxua.vn

Từ lâu, Đỗ Phủ đã được tôn là "thi thánh" (thánh thơ). Ông đã được Hội đồng hòa bình thế giới kỉ niệm năm 1962.

GIẢNG VĂN

THU HỨNG[1]

(Cảm xúc mùa thu)

Phiên âm :

Ngọc lộ điêu thương phong thụ lâm,
Vu Sơn, Vu Giáp khí tiêu sâm.
Giang gian ba lãng kiêm thiên dũng,
Tái thượng phong vân tiếp địa âm.

Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ,
Cô chu nhất hệ cố viên tâm.
Hàn y xứ xứ thôi đao xích,
Bạch Đế thành cao cấp mộ châm

Dịch nghĩa :

Sương móc trắng xóa làm tiêu điều cả rừng cây phong[2],
Núi Vu, kẽm Vu[3] hơi thu hiu hắt.
Giữa lòng sông, sóng vọt lên tận lưng trời,
Trên cửa ải, mây sa sầm giáp mặt đất.
Khóm cúc nở hoa đã hai lần làm tuôn rơi nước mắt ngày trước[4],
Con thuyền lẻ loi buộc mãi tấm lòng nhớ nơi vườn cũ [5].
Chỗ nào cũng rộn ràng dao thước để may áo rét,
Về chiều, thành Bạch Đế cao, tiếng chày đập áo[6] nghe càng dồn dập.

Dịch thơ :

Lác đác rừng phong hạt móc sa,
Ngàn non hiu hắt, khí thu lòa.
Lưng trời sóng rợn lòng sông thẳm,
Mặt đất mây đùn cửa ải xa.
Khóm cúc tuôn thêm dòng lệ cũ,
Con thuyền buộc chặt mối tình nhà.
Lạnh lùng giục kẻ tay dao thước,
Thành Bạch, chày vang bóng ác tà.

NGUYỄN CÔNG TRỨ dịch
(*Thơ Đường*, tập II, NXB Văn học, Hà Nội, 1987)

Chú thích

(1) Năm 765, Đỗ Phủ rời Thành Đô (thủ phủ tỉnh Tứ Xuyên) về Vân An và năm 766 đến Quỳ Châu (đều thuộc Tứ Xuyên). Tại đây ông đã sáng tác chùm thơ *Thu hứng* nổi tiếng gồm tám bài. Chùm thơ thể hiện một cách sâu lắng nhất điểm nổi bật trong tâm sự nhà thơ lúc bấy giờ là lòng thương nhớ quê hương (*cố viên tâm*).

thuongmaitr

Đây là bài mở đầu, thường được gọi là *Thu hứng* số 1, được xem như "cương lĩnh sáng tác" của cả chùm thơ. (2) *Cây phong*: một loại cây về thu lá ửng đỏ, các nhà thơ Trung Quốc xưa thường dùng hình ảnh "rừng phong nhuốm đỏ" để khắc họa cảnh thu. (3) Vu Sơn, Vu Giáp thuộc thượng lưu sông Trường Giang vốn rất hùng vĩ và hiểm trở, về thu khí trời càng mù mịt. Vu Giáp (kẽm Vu) là phần sông Trường Giang hẹp, nước chảy xiết, hai bờ vách núi dựng đứng, ánh mặt trời thường khó lọt được xuống dòng sông. Trong một bài thơ phê phán người chồng bạc tình, Bạch Cư Dị đã viết : "Đường Thái Hàng lật gẫy được xe, so lòng chàng đường còn bằng phẳng ! Nước Vu Giáp làm đắm cả thuyền, so lòng chàng nước còn phẳng lặng !". (4) Đây là một câu thơ rất hàm súc, ý nói : cúc đã nở hai lần và đã hai lần làm chảy dòng lệ cũ. Cũng có thể hiểu : Nhìn cúc nở mà tưởng như cúc nhỏ lệ, xòe ra những cánh hoa bằng lệ. "Hai lần" vì tính từ khi rời Thành Đô đã qua hai năm : thu năm ngoái ở Vân An, thu năm nay ở Quỳ Châu ; "lệ cũ", "nước mắt ngày trước" vì không phải chỉ mới khóc hai năm nay mà đã từ rất lâu rồi. (5) Chữ "buộc" ở đây cũng có nghĩa hàm ẩn như chữ "nở" ở câu trên, ý nói : buộc chiếc thuyền lẻ loi lại ở đây (vì loạn lạc không đi về quê ở phía bắc được) cũng là buộc cả tấm lòng thương nhớ quê hương lại. Cuối cùng, nhà thơ đã chết trong cảnh đói rét, bệnh tật chính trên con thuyền này ở nơi đất khách quê người. (6) Trong thơ cổ Trung Quốc "tiếng chày đập áo" có một sức gợi cảm rất lớn. Thu đến mọi người đem áo ấm ra giặt để mặc chống rét, nhất là để gửi tới người thân ở chiến trường : "Thu đến nhớ chồng ai đập lụa, Gió trăng nào lấm đá chày ơi ! Tháng tám, tháng chín đêm dài bấy, Ngàn tiếng muôn tiếng không hề ngơi. Một tiếng trắng thêm tơ một sợi. Sáng ra e bạc cả đầu ai" (Bạch Cư Dị - *Nghe tiếng chày đêm*). Bởi vậy, tiếng chày trong bóng chiều tà ở đây đã tạo nên dư âm vang vọng cho cả bài thơ. Tả tiếng chày song thực chất là thể hiện nỗi lòng.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Bản dịch thơ của Nguyễn Công Trứ khá hay, tuy nhiên dịch thơ, nhất là thơ trữ tình của Đỗ Phủ, là rất khó nên có một số chỗ, ý của nguyên bản chưa được truyền đạt một cách đầy đủ. Trước khi trả lời những câu hỏi ở dưới, cần đối chiếu bản dịch nghĩa với bản dịch thơ (nếu có thể, với cả nguyên văn) và thử chỉ ra những chỗ dịch thơ chưa đạt. Đây là cách tốt nhất để thực sự thâm nhập tác phẩm.

2. Theo ý kiến nhiều người, chỉ nên chia bài thơ này thành hai phần để phân tích. Ý kiến đó có hợp lí không ? Vì sao ? Từ thực tế

uongxua.vn

bài thơ, xác nhận sự tồn tại hai quan niệm khác nhau về việc chia bố cục một bài thơ Đường luật là có cơ sở (xem mục II, điểm 1, đoạn nói về bố cục một bài bát cú, tr. 36).

3. Tìm hiểu đặc điểm của cảnh thu được miêu tả trong bốn câu thơ đầu. Cảnh trong hai câu "đề" có gì khác cảnh trong hai câu "thực" ? Đây có phải chỉ là những câu thơ tả cảnh thuần túy không ? Đâu là chỗ chưa đạt của bản dịch thơ ? (Chú ý câu thứ nhất và các động từ "rợn", "đùn").

4. Phân tích nỗi lòng của nhà thơ được biểu hiện trong bốn câu thơ sau. Cách thể hiện ở hai câu "luận" có gì khác ở hai câu "kết" ? Phải chăng đây chỉ là tâm sự của một mình Đỗ Phủ ?

5. Tìm hiểu mối liên hệ chặt chẽ giữa hai phần của bài thơ, từ đó chỉ ra tính nhất quán cao của một bài thơ Đường luật có giá trị. (Liên hệ với tên bài thơ để lí giải, phân tích. Chú ý mối quan hệ giữa cảnh và tình trong mỗi phần).

ĐỌC THÊM

thuongmaitr

ĐĂNG CAO[1]

(Lên cao)

Phiên âm :

Phong cấp, thiên cao, viên khiếu ai,
Chử thanh, sa bạch, điểu phi hồi.
Vô biên lạc mộc tiêu tiêu hạ,
Bất tận trường giang cổn cổn lai.
Vạn lí bi thu thường tác khách,
Bách niên đa bệnh độc đăng đài.
Gian nan khổ hận phồn sương mấn,
Lạo đảo tân đình trọc tửu bôi.

Dịch nghĩa :

Gió thốc, trời cao, tiếng vượn kêu rầu rĩ,
Bến nước trong, làn cát trắng, chim bay liệng vòng.

Ngàn cây bát ngát, lá rụng xào xạc,
Dòng sông dằng dặc, nước cuồn cuộn trôi.
Muôn dặm thu buồn, xót thân thường ở nơi đất khách,
Suốt đời quặt quẹo, một mình lên ngắm trên đài.
Gian khổ uất hận, mái tóc thêm ngả màu sương,
Lận đận vì mang nhiều bệnh vừa phải ngừng chén rượu đục(2).

Dịch thơ :

Gió gấp trời cao, vượn ní non,
Bến trong cát trắng, lượn chim cồn.
Rào rào lá trút rừng cây thẳm,
Cuồn cuộn sông về sóng nước tuôn.
Thu quạnh nghìn khơi lòng khách não,
Đài cao trăm bệnh chiếc thân mòn.
Gian nan khổ hận đầu thêm bạc,
Quặt quẹo đành kiêng chén giải buồn.

NAM TRÂN dịch
(*Thơ Đường*, tập II, NXB Văn học, Hà Nội, 1987)

ruongxua.vn

Chú thích

(1) Bài này sáng tác năm 767, một năm sau khi Đỗ Phủ viết chùm thơ *Thu hứng*, và cũng ở Quỳ Châu (Tứ Xuyên). Bởi vậy, đọc *Đăng cao*, cần liên hệ với *Thu hứng* về nhiều phương diện mới thấy hết ý nghĩa và cái hay của nó. Có người cho *Đăng cao* là bài thơ thất ngôn Đường luật hay nhất của Đỗ Phủ. (2) Đỗ Phủ vừa mắc bệnh phổi nên phải kiêng rượu. Tưởng mượn rượu để giải sầu nhưng rượu cũng không được dùng nữa thì thật là chua xót !

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Bài này nên chia làm hai hay làm bốn phần để phân tích ? Vì sao ?

2. Cảnh thu được cảm nhận qua bốn câu đầu có những đặc điểm gì ? (Chú ý : không phải chỉ có khía cạnh u hoài, buồn bã). Đây có phải là những câu thơ tả cảnh thuần túy không ? (Lưu ý **tên bài thơ** *và từ đó tìm hiểu tâm trạng, phân tích điểm nhìn, tầm nhìn của tác giả).*

3. Nỗi lòng của nhà thơ lúc "lên cao" được biểu hiện qua bốn câu cuối có những đặc điểm gì ? Mối quan hệ giữa nỗi lòng đó và cảnh thu được cảm nhận và miêu tả ở trên như thế nào ?

4. Lưu ý một vài đặc điểm nghệ thuật sau đây của bài thơ khi giải đáp những câu hỏi trên :

a) Bài thơ đối ở cả cặp câu đầu. Chú ý nhịp điệu ở cặp câu đầu rất khác ở cặp câu thứ hai.

b) Từ ngữ của bài thơ được sử dụng rất ***chuẩn xác*** *(chú ý các từ chỉ tính chất và trạng thái ở 4 câu đầu) và* ***cô đọng*** *(chú ý* ***câu luận*** *: chỉ với 14 chữ, Đỗ Phủ hầu như đã khái quát được nỗi khổ của cuộc đời mình).*

c) Bài thơ dùng khá nhiều từ chỉ âm thanh, màu sắc và sự chuyển động.

THÔI HIỆU

TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM

Thôi Hiệu (704 - 754) người Biện Châu, tỉnh Hà Nam, đậu tiến sĩ năm 725. Thơ ông còn truyền lại hơn 40 bài, trong đó nổi tiếng nhất là *Hoàng Hạc lâu*. Tương truyền Lí Bạch đi chơi Vũ Xương, lên xem lầu Hoàng Hạc thấy bài thơ này của Thôi Hiệu bèn cầm bút đề vào vách : "Nhãn tiền hữu cảnh đạo bất đắc - Thôi Hiệu đề thi tại thượng đầu" (Trước mắt có cảnh đẹp, nhưng nói không được vì đã có thơ của Thôi Hiệu ở trên đầu).

thuongmaitr

GIẢNG VĂN

HOÀNG HẠC LÂU(1)

(Lầu Hoàng Hạc)

Phiên âm :

Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ,
Thử địa không dư Hoàng Hạc lâu.
Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản,
Bạch vân thiên tải không du du.

Tình xuyên lịch lịch Hán Dương thụ,
Phương thảo thê thê Anh Vũ châu.
Nhật mộ hương quan hà xứ thị ?
Yên ba giang thượng sử nhân sầu.

Dịch nghĩa :

Người xưa đã cưỡi chim hạc vàng bay đi,
Nơi đây chỉ còn trơ lại lầu Hoàng Hạc.
Hạc vàng một khi đã bay đi, không bao giờ trở lại,
Đám mây trắng ngàn năm còn bay chơi vơi.
Hàng cây đất Hán Dương (2) phản chiếu rõ mồn một trên dòng sông tạnh,
Trên bãi Anh Vũ (3) cỏ thơm mơn mởn xanh tươi.
Chiều tối tự hỏi đâu là quê hương ?
Khói và sóng trên sông khiến cho người nổi mối u sầu.

Dịch thơ :

uongxua.vn

Bản dịch thứ nhất :

Hạc vàng ai cưỡi đi đâu,
Mà đây Hoàng Hạc riêng lầu còn trơ.
Hạc vàng đi mất từ xưa,
Nghìn năm mây trắng bây giờ còn bay,
Hán Dương sông tạnh cây bày,
Bãi xa Anh Vũ xanh dày cỏ non.
Quê hương khuất bóng hoàng hôn,
Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai ?

TẢN ĐÀ dịch
(*Ngày nay*, số 80, 1937)

Bản dịch thứ hai :

Ai cưỡi hạc vàng đi mất hút,
Trơ lầu Hoàng Hạc chốn này thôi !
Hạc vàng một đã đi, đi biệt,
Mây trắng ngàn năm bay chơi vơi.

Sông tạnh Hán Dương cây sáng ửng,
Cỏ thơm Anh Vũ bãi xanh ngời
Hoàng hôn về đó, quê đâu tá ?
Khói sóng trên sông não dạ người.

KHƯƠNG HỮU DỤNG dịch
(*Thơ ca cổ điển Trung Quốc*, NXB Trẻ,
Thành phố Hồ Chí Minh, 1997)

Chú thích

(1) *Hoàng Hạc lâu* : một di tích văn hóa nổi tiếng ở phía tây nam huyện Vũ Xương, tỉnh Hồ Bắc nay ở gần thành phố Vũ Hán. Tương truyền Phí Văn Vi thành tiên, thường cưỡi hạc vàng bay về đây. (2) *Hán Dương* : một địa điểm bên sông Trường Giang, đối diện với lầu Hoàng Hạc. (3) *Anh Vũ* : một bãi giữa sông Trường Giang; tương truyền tác giả bài *Anh Vũ phú* là Nễ Hành chết ở đấy nên nhân đó lấy tên bài thơ đặt tên cho bãi.

thuongmaitr

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. ***Hoàng Hạc lâu*** *thường được xem là một bài thơ Đường luật song trong đó có một số yếu tố không hoàn toàn theo đúng quy định của công thức thơ Đường luật.*

Những điểm cần lưu ý : Câu đề ở đây cũng đối (để đối lập ý : còn – mất); chữ cuối câu thứ nhất không gieo vần; chữ ***Hoàng Hạc*** *được lặp lại 3 lần; câu thứ 3 phá luật; 3 chữ cuối của câu thứ tư đều thuộc thanh "bằng", hơn nữa lại là "phù bình" (không dấu). Vì sao có thể nói những đặc điểm về âm điệu nói trên đã diễn tả được một cách sinh động trạng thái tình cảm hẫng hụt, bàng hoàng của tác giả ? (Xem lại mục II, điểm 1, đoạn nói về niêm luật của thơ Đường luật, tr.36).*

2. Thôi Hiệu đã dùng phương pháp gì để dựng lên hình ảnh lầu Hoàng Hạc ? (Nó đã được định vị trong thời gian và không gian như thế nào ?)

3. Cảnh sắc ở bốn câu cuối có gì khác với cảnh sắc được miêu tả trong bốn câu đầu ? Sự khác nhau đó nói lên điều gì trong diễn biến tâm trạng nhà thơ ? Những yếu tố nào đã làm cho bài thơ tuy miêu tả một di tích xa xưa mà vẫn gần gũi với cuộc đời, với con người ?

BẠCH CƯ DỊ

TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM

Bạch Cư Dị (772 - 846) tên chữ là Lạc Thiên, người tỉnh Thiểm Tây, là nhà thơ nổi tiếng nhất thời Trung Đường, cũng là nhà thơ sáng tác nhiều nhất đời Đường (hiện còn trên 3000 bài). Ông tự chia thơ ông thành bốn loại, trong đó có giá trị nhất là *thơ phúng dụ* và *thơ cảm thương*. Thơ phúng dụ thường nặng về phê phán các tệ nạn xã hội và các chính sách của triều đình, thơ cảm thương thường thiên về bộc lộ cảm xúc trước những cảnh đời thương tâm; tuy nhiên, ranh giới này chỉ là tương đối vì trong thực tiễn sáng tác của nhà thơ, hai yếu tố này thường xuyên thâm nhập vào nhau.

tuongxua.vn

Khác với Lí Bạch và Đỗ Phủ, ngay từ bé, ông đã nếm trải cảnh loạn li. Tư tưởng tiến bộ một phần nhờ đó mà sớm hình thành. Năm 802, ông đỗ tiến sĩ, năm 808, được bổ làm Tả thập di, một chức gián quan. Ở cương vị này, nhiều lần ông đã dũng cảm can khuyên vua đừng làm điều xằng bậy. Đây là thời kì ông thu được thành tựu rực rỡ nhất về thơ. Nhiều bài đã làm cho bọn quý tộc "chau mày", "nghiến răng" và làm cho nhà vua "thất sắc".

Bạch Cư Dị không chỉ là nhà thơ mà còn là một nhà lí luận xuất sắc, một trong những người đề xướng phong trào sáng tác tiến bộ mang tên là *Tân Nhạc phủ*. Theo ông, văn chương bắt nguồn từ "sự vật" song phải tác động trở lại đối với sự vật, phải góp phần "trị bệnh cứu người", "sửa chữa thời cuộc", tuyệt không phải "vì văn chương mà sáng tác". Muốn vậy, trước hết văn chương phải có tinh thần "phúng thích"(1). Quan niệm về nguồn gốc và chức năng của văn chương như vậy là còn hạn chế, song so với đương thời vẫn là tiến bộ và thực sự đã góp phần thúc đẩy thơ ca hiện thực tiến tới.

Khác với Đỗ Phủ "một đời chưa từng thấy kẻ tri âm" (*Đi về Nam*), nhà thơ họ Bạch đã có ngay hàng loạt kẻ "tri âm" (cũng như "địch thủ") ngay lúc nhà thơ còn sống. Chính nhà thơ đã kiêu hãnh kể lại : "Từ Trường An đến Tây Giang, ba bốn ngàn dặm, phàm là trường học, chùa chiền, quán trọ, đò sông, đều thường có đề thơ tôi; kẻ sĩ, dân thường, tăng ni, quả phụ, thiếu nữ, tất cả đều ngâm vịnh thơ tôi" (*Thư gửi Nguyên Chẩn*). Đó thật là một hiện tượng hiếm thấy đồng thời cũng là một vinh dự lớn lao đối với một nhà thơ cổ điển.

Chú thích

(1) *Tinh thần "phúng thích"* : có nghĩa là châm biếm, phê phán, chưa đến mức đả kích.

GIẢNG VĂN

TÌ BÀ HÀNH[1]

Bản dịch thơ :

thuongmaitr

1. Bến Tầm Dương canh khuya đưa khách,
Quạnh hơi thu lau lách đìu hiu.
Người xuống ngựa, khách dừng chèo,
Chén quỳnh mong cạn, nhớ chiều trúc ti[2].

5. Say những luống ngại khi chia rẽ,
Nước mênh mông đượm vẻ gương trong.
Đàn ai nghe vẳng bên sông,
Chủ khuây khỏa lại, khách dùng dằng xuôi.

9. Tìm tiếng sẽ hỏi ai đàn tá ?
Dừng dây tơ nấn ná làm thinh
Dời thuyền ghé lại thăm tình,
Chong đèn, thêm rượu, còn dành tiệc vui.

13. *Mời mọc mãi, thấy người bỡ ngỡ,*
Tay ôm đàn che nửa mặt hoa.
Vặn đàn mấy tiếng dạo qua,
Dẫu chưa nên khúc tình đà thoảng bay.

17. *Nghe não nuột mấy dây buồn bực,*
Dường than niềm tấm tức bấy lâu;
Mày chau tay gẩy khúc sầu,
Giãi bày hết nỗi trước sau muôn vàn.

21. *Ngón buông bắt khoan khoan dìu dặt,*
Trước Nghê Thường sau thoắt Lục Yêu[3]*,*
Dây to dường đổ mưa rào,
Nỉ non dây nhỏ khác nào chuyện riêng.

25. *Tiếng cao thấp lựa chen lần gẩy,*
Mâm ngọc đâu bỗng nẩy hạt châu,
Trong hoa oanh ríu rít nhau,
Nước tuôn róc rách, chảy mau xuống ghềnh.

29. *Nước suối lạnh, dây mành ngừng đứt,*
Ngừng đứt nên phút bặt tiếng tơ;
Ôm sầu mang giận ngẩn ngơ,
Tiếng tơ lặng ngắt, bây giờ càng hay.

tuongxua.vn

33. *Bình bạc vỡ tuôn đầy dòng nước,*
Ngựa sắt giong, xô xát tiếng đao;
Cung đàn trọn khúc thanh tao,
Tiếng buông xé lụa, lựa vào bốn dây.

37. *Thuyền mấy lá đông tây lặng ngắt,*
Một vầng trăng trong vắt lòng sông;
Ngậm ngùi đàn bát xếp xong,
Áo xiêm khép nép hầu mong giãi lời.

41. Rằng : "Xưa vốn là người kẻ chợ,
Cồn Hà Mô[4] trú ở lân la;
Học đàn từ thuở mười ba,
Giáo phường đệ nhất chỉ đà chép tên.

45. Gã thiện tài sợ phen dừng khúc,
Ả thu nương[5] ghen lúc điểm tô.
Ngũ Lăng[6] chàng trẻ ganh đua,
Biết bao the thắm chuốc mua tiếng đàn.

49. Vành lược bạc gãy tan dịp gõ,
Bức quần hồng hoen ố rượu rơi;
Năm năm lần lữa vui cười,
Mải trăng hoa chẳng đoái hoài xuân thu.

53. Buồn em trảy, lại lo dì thác[7],
Sầu hôm mai đổi khác hình dong;
Cửa ngoài xe ngựa vắng không,
Thân già mới kết duyên cùng khách thương.

57. Khách trọng lợi khinh đường li cách,
Mải buôn chè sớm tếch nguồn khơi;
Thuyền không, đậu bến mặc ai,
Quanh thuyền trăng giãi, nước trôi lạnh lùng.

61. Đêm khuya, sực nhớ vòng tuổi trẻ,
Chợt mơ màng dòng lệ đỏ hoen".
Nghe đàn ta đã chạnh buồn,
Lại rầu nghe nỗi nỉ non mấy lời:

65. "Cùng một lứa bên trời lận đận,
Gặp gỡ nhau lọ sẵn quen nhau[8];
Từ xa kinh khuyết bấy lâu,
Tầm Dương đất trích gối sầu hôm mai.

69. Chốn cùng tịch [9] lấy ai vui thích,
Tai chẳng nghe đàn địch cả năm :
Sông Bồn gần chốn cát lầm,
Lau vàng, trúc võ, âm thầm quanh hiên.

73. Tiếng chi đó nghe liền sớm tối :
Cuốc kêu sầu, vượn hót véo von;
Hoa xuân nở, nguyệt thu tròn,
Lần lần tay chuốc chén son ngập ngừng[10].

77. Há chẳng có ca rừng, địch nội ?
Giọng líu lo buồn nỗi khó nghe[11].
Tì bà nghe dạo canh khuya,
Dường như tiên nhạc gần kề bên tai.

thuongmaitr

Hãy ngồi lại gẩy chơi khúc nữa,
Sẽ vì nàng soạn sửa bài ca".
Đứng lâu dường cảm lời ta,
Lại ngồi lựa phím đàn đà kíp dây.
Nghe não nuột khác tay đàn trước,
Khắp tiệc hoa sướt mướt lệ rơi;
Lệ ai chan chứa hơn người ?
Giang Châu Tư mã đượm mùi áo xanh(12).

PHAN HUY VỊNH dịch

(*Thơ Đường*, tập I, NXB Văn học, Hà Nội, 1987)

Chú thích

(1) *Tì bà hành* còn có một lời tựa như sau : "Năm Nguyên Hòa thứ mười (816), ta bị giáng xuống làm Tư mã ở quận Cửu Giang. Mùa thu năm sau, đi tiễn khách ở bến Bồn - tức bến Tầm Dương - đêm nghe tiếng đàn tì bà ở trên một chiếc thuyền, tiếng nghe lanh lảnh như tiếng đàn ở Kinh đô. Hỏi ra thì biết là một người ca nữ ở Trường An đã học đàn tì bà với hai thiện tài (nhạc sư) họ Mục và họ Tào. Tuổi già, sắc kém phải gửi thân làm vợ một anh lái buôn. Liền bảo đặt tiệc rượu và bảo nàng chơi vài khúc đàn. Gẩy xong mấy khúc, nàng buồn bã, tự kể sự vui chơi lúc thiếu thời, nay phiêu bạt, tiều tụy ở chốn giang hồ. Ta ra làm quan ở ngoài đã hai năm, tâm hồn thanh thản, cảm lời nói của nàng, đêm nay mới nghĩ đến việc bị biếm trích, bèn làm bài trường ca để tặng. Bài có 612 chữ, đặt tên là *Tì bà hành*". Bản dịch nổi tiếng này trước đây nói là của Phan Huy Vịnh, nay nhiều người cho là của Phan Huy Thực, bố của Phan Huy Vịnh. (2) Dịch nghĩa : Cả hai nâng chén định uống trong cảnh không đàn không sáo (Ngày xưa lúc tiễn biệt thường có cử nhạc). *Trúc ti* : trúc và tơ, tức sáo và đàn. (3) *Nghê Thường, Lục Yêu* : tên hai khúc nhạc cổ. (4) *Hà Mô* : một địa danh ở huyện Hàm Ninh, tỉnh Thiểm Tây . (5) *Á thu nương* : người đàn bà đẹp đã có tuổi. Có người cho là Đỗ Thu Nương, một nữ thi sĩ đời Đường tinh thông cả âm nhạc. (6) *Ngũ Lăng* : tên một địa danh gần thủ đô Trường An. (7) Dịch nghĩa : Bỗng đứa em trai đi tòng quân, bà dì lại qua đời. (8) Dịch nghĩa : Gặp gỡ nhau đây hà tất phải đã từng quen biết nhau ? (9) *Chốn cùng tịch* : tức là "nơi hẻo lánh". (10) Dịch nghĩa cả hai câu : Trước cảnh sông xuân, hoa nở buổi sớm và trăng sáng đêm thu, thường ta chỉ lấy rượu ra một mình dốc chén. (11) Ý nói : Ở đây tuy vẫn có giọng hát của miền núi, tiếng sáo của đồng quê nhưng đều xa lạ với nhà thơ, không giống như tiếng tì bà của kĩ nữ. (12) Ai cũng khóc nhưng người khóc nhiều nhất là Tư mã Giang Châu Bạch Cư Dị. *Tư mã* : là chức quan nhỏ đời Đường, theo dõi việc binh ở cấp châu, huyện, phẩm hàm rất thấp, chỉ được mặc áo xanh.

uongxua.vn

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

*1. Tóm tắt câu chuyện diễn ra trong **Tì bà hành**. Giữa cốt truyện có thể rút ra từ tác phẩm và câu chuyện nhà thơ kể lại trong lời tựa có chỗ nào không giống nhau ? Thử tìm hiểu nguyên nhân và lí giải ý nghĩa của những chỗ không giống nhau đó.*

2. Những yếu tố nào đã làm cho Tư mã Giang Châu và người ca nữ từ chỗ hoàn toàn không quen biết nhau đi đến dần hiểu biết, thông cảm lẫn nhau, và đến cuối bài, dường như hòa nhập tâm tư làm một ?

3. Hãy nêu những thành công của tác giả trong việc miêu tả tiếng đàn.

Gợi ý :

a) Người ca nữ đánh đàn ba lần. Hãy nêu lên sự hợp lí trong việc phân bố mức độ miêu tả ở mỗi lần.

b) Tác giả dùng những phương pháp nào để miêu tả tài nghệ của người ca nữ ?

c) Tác giả đã tập trung miêu tả những thời điểm nào của quá trình diễn tấu ?

d) Vị trí của thính giả đặc biệt, kẻ "tri âm" của người ca nữ, nhà thơ bất hạnh, đa tài, đa cảm : Bạch Cư Dị ?

4. Qua lời tự thuật của nhà thơ và ca nữ, có thể thấy những gì giống nhau trong cảnh ngộ và tâm sự giữa hai người ? Vị trí của những lời tự thuật này trong bài thơ ?

5. Có người cho hình tượng người ca nữ chỉ là sự "khách thể hóa" hình tượng nhà thơ. Ý kiến đó đúng hay sai ?

*Lại có ý kiến cho **Tì bà hành** cơ bản là một bài thơ tự sự và người ca nữ là hình tượng nhân vật chính của tác phẩm . Ý kiến đó có thỏa đáng không ? (Dành cho học sinh giỏi).*

thuongmaitr

BÀI 4

SÊCXPIA

TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM

I – THỜI ĐẠI PHỤC HƯNG

1. Cụm từ "Thời đại Phục hưng" ra đời và được dùng để biểu dương ca ngợi hai thế kỉ XV, XVI[1], coi đó là bước ngoặt tiến bộ vĩ đại nhất của lịch sử loài người cho đến bấy giờ. Đó là hai thế kỉ đã tạo ra nhiều thành tựu to lớn và rực rỡ về văn hóa và tư tưởng cũng như về kinh tế và đời sống, đưa xã hội Tây Âu và một số nước Trung Âu tiến vọt lên phía trước, trên con đường dẫn tới chủ nghĩa tư bản.

ruongxua.vn

Kể từ khi các nền văn minh Hi Lạp và La Mã cổ đại tàn lụi, xã hội châu Âu tiến vào chế độ phong kiến. So với chế độ chiếm hữu nô lệ thì chế độ phong kiến là một bước tiến mới của lịch sử loài người. Nhưng giai cấp phong kiến một khi đã nắm quyền thống trị thì lại muốn vĩnh viễn duy trì cái chế độ đã đem lại cho nó quá nhiều đặc quyền đặc lợi. Nó câu kết chặt chẽ với Giáo hội Cơ đốc và đẳng cấp tăng lữ lấy nhà thờ Cơ đốc làm trụ cột tinh thần. Thần học và triết học kinh viện[2] được đưa lên vị trí chính thống và được suy tôn là đỉnh cao của mọi hiểu biết. Tiếng Latinh[3] được dùng làm ngôn ngữ chính thức của nhà nước và nhà trường. Tiếng dân tộc bị khinh rẻ. Vì vậy mà tuyệt đại bộ phận nhân dân mù chữ, dốt nát.

Ách áp bức bóc lột phong kiến cộng với nền chuyên chính tinh thần của Giáo hội đè nặng lên cuộc sống của nhân dân và càng về sau, càng trở nên cực kì tàn bạo.

Đã đến lúc con người bị chà đạp không thể cam chịu nữa. Thế kỉ XIV đã báo hiệu sự thức tỉnh. Sang thế kỉ XV, XVI thì sự phẫn nộ đã dấy lên thành những phong trào đấu tranh sôi động, rộng khắp Tây Âu và Trung Âu.

Trước hết là phong trào nhân văn chủ nghĩa. Tiếp theo là các phong trào cải cách tôn giáo, phong trào khởi nghĩa của nông dân, của thợ thủ công, phong trào giải phóng dân tộc.

2. Dưới đây sẽ nói thêm về phong trào nhân văn chủ nghĩa vì chính nó là đòn bẩy thúc đẩy các phong trào kia, chính nó đã góp phần quan trọng nhất trong công cuộc đấu tranh giải phóng tư tưởng, đổi mới tư duy con người thời đại và chính nó đã thổi bùng lên sức sống mới cho văn học, nghệ thuật.

Buổi đầu phong trào nhân văn chủ nghĩa diễn ra khá âm thầm lặng lẽ. Các học giả hoài nghi những điều mà các nhà thần học và các triết gia kinh viện rao giảng bèn tìm đến những bản sách chép tay từ thời cổ đại Hi Lạp, La Mã, cũng như tìm về cội nguồn của Kinh thánh. Kết luận được rút ra là thần học, triết học kinh viện là "vũng bùn hôi thối", đầy những điều xuyên tạc, dối trá. Người ta đua nhau học các tiếng Hi Lạp cổ, Do Thái cổ, Latinh để có thể tự mình tìm hiểu các tác phẩm triết học, sử học, văn học... cổ trong nguyên tác. Người ta khai quật các di tích nền văn hóa Hi Lạp và La Mã cổ đại. Kết quả làm châu Âu bàng hoàng, kinh ngạc trước ánh sáng chói lòa của các nền văn hóa đó. Đào sâu vào nguyên nhân, người ta thấy rằng sở dĩ La Mã cổ đại, đặc biệt là Hi Lạp cổ đại, đã tạo dựng được một nền văn minh huy hoàng, rực rỡ chính bởi vì thời bấy giờ có tự do, dân chủ; chính bởi vì nó tôn trọng con người, vì lợi ích của con người. Phải đấu tranh giành lại các quyền tự do dân chủ, giành lại quyền sống, quyền làm người đã và đang bị phong kiến và Nhà thờ tước đoạt.

3. Chủ nghĩa nhân văn nhóm lên từ đất Ý, nơi đó đã nổi lên nhiều đô thị, nhờ kinh tế công thương nghiệp phát triển thuận lợi mà trở nên rất giàu có : Vơnidơ, Giên, Naplơ, Milăng, Phlorăngxơ... Ở đó

tầng lớp thị dân ngày càng đông đảo đã sớm giác ngộ về quyền lợi của mình, rất có ý thức về vai trò của cá nhân mình.

Văn nghệ Phục hưng Ý được chủ nghĩa nhân văn truyền cho sức sống mới đã đạt được những thành tựu vô cùng rực rỡ. Hội họa, điêu khắc, kiến trúc Ý với những tên tuổi lẫy lừng như Lêôna đơ Vanhxi, Raphaen, Mikenlănggiơ, Tixiêng .. . đã sáng tạo nên những công trình tuyệt mĩ chứng tỏ khả năng kì diệu của con người.

Văn học Phục hưng Ý cũng mở ra cả một chân trời xán lạn. Ngọn cờ đầu là thi hào Đantê - tác giả của kiệt tác *Thần khúc*. Tiếp bước ông là những thế hệ nhà văn, nhà thơ say sưa ca ngợi cuộc sống mới : Pêtơrac - nhà thơ tình yêu thấm thiết bậc nhất xưa nay, Bôcaxi, tác giả tập truyện *Mười ngày* đem lại tiếng cười sảng khoái.

Từ Ý, ngọn gió nhân văn chủ nghĩa tràn sang các nước Tây Âu và Trung Âu.

Văn nghệ Pháp bừng lên sức sống mới trong hai thế kỉ XV, XVI. Thơ ca nở rộ, tiểu thuyết ra đời. Nổi bật trên thi đàn là nhóm La Plêiat, tập hợp 7 nhà thơ, được ví là 7 ngôi sao sáng. Đặc biệt là sự xuất hiện của một thiên tài hiếm có : Rabơle - nhà bác học, nhà văn vĩ đại. Với cuốn tiểu thuyết *Gacgăngchuya và Păngtagruyen*, Rabơle đã khai sinh ra tiểu thuyết Pháp đồng thời đưa nó lên đỉnh cao chói lọi thời Phục hưng.

Ở Tây Ban Nha văn đàn náo nức chào đón những thành tựu rực rỡ của thơ, của kịch và của tiểu thuyết. Thế kỉ XVI, Tây Ban Nha đã sản sinh ra hai thiên tài lỗi lạc : Xecvăngtet - tác giả cuốn tiểu thuyết *Đôn Kihôtê* bất hủ và Lôp đơ Vêga, nhà soạn kịch lừng danh đã viết trên 2000 vở cả ngắn lẫn dài.

Nước Anh bước vào thời đại Phục hưng có muộn hơn so với Pháp, Ý. Nhưng văn học nghệ thuật Anh phát triển nhanh, mạnh. Thơ ca và đặc biệt là kịch đạt tới những đỉnh cao chót vót. Người đại diện tiêu biểu cho văn nghệ Phục hưng Anh là Sêcxpia.

II – SÊCXPIA VÀ BI KỊCH "RÔMÊÔ VÀ GIULIET"

1. Uyliam Sêcxpia (William Shakespeare) sinh ngày 23-4-1564, mất ngày 23-4-1616 tại thị trấn nhỏ Xtơratphot on Âyvơn (miền tây

nam nước Anh). Thân sinh ông là thợ làm bao tay. Sêcxpia học dở dang bậc trung học; vì gia đình sa sút, ông phải đi làm kiếm sống từ năm 14 tuổi. Năm 23 tuổi ông đến Luân Đôn, trung tâm chính trị - kinh tế - văn hóa của nước Anh. Tương truyền rằng trước khi bắt tay viết kịch, làm thơ, ông từng làm chân giữ ngựa cho khách đến xem hát, làm người nhắc vở, làm diễn viên. Sau vài lần thử bút, cải biên nhuận sắc một số vở cũ, ông mới bắt tay vào việc sáng tác kịch bản mới. Sêcxpia nhanh chóng được thừa nhận là nhà thơ, nhà soạn kịch thiên tài. Trong khoảng 20 năm, ông đã sáng tác 2 truyện dài bằng thơ, một tập 154 bài xonnê[4] và 37 vở kịch gồm kịch lịch sử, hài kịch và bi kịch. Nổi tiếng hơn cả là các vở : *Giấc mộng đêm hè, Đêm thứ 12, Người lái buôn thành Vơnidơ* (hài kịch); *Rômêô và Giuliet, Hamlet, Ôtenlô, Vua Lia, Macbet* (bi kịch); *Risơc III, Giuliut Xêda, Antôni và Clêôpatơrơ...* (kịch lịch sử).

2. *Rômêô và Giuliet* là vở bi kịch đầu tiên, ra đời vào khoảng năm 1594, 1595. Rômêô, con trai dòng họ Môntaghiu, yêu Giuliet, con gái dòng họ Capiulet. Hai dòng họ này khăng khăng giữ mối hận thù, thường xuyên gây chuyện chém giết lẫn nhau. Nhưng đôi trai tài, gái sắc vẫn bất chấp tất cả. Họ yêu nhau say đắm và để gắn bó cùng nhau họ nhờ tu sĩ Lôrân làm phép cưới cho họ. Bỗng xảy ra tai họa : để trả thù cho bạn mình bị anh họ của nàng Giuliet giết chết, Rômêô đã giết người đó và phải chịu án đày biệt xứ. Gia đình Giuliet ép nàng lấy bá tước Parix. Để giữ trọn tấm lòng chung thủy với Rômêô, nàng đã cầu cứu tu sĩ Lôrân. Tu sĩ cho nàng uống một liều thuốc ngủ say như chết để chờ Rômêô về đón nàng đi. Gia đình Giuliet tưởng nàng đã chết bèn đưa nàng vào hầm mộ. Nghe tin đồn Giuliet chết, Rômêô bèn lẻn về. Chàng vào hầm mộ, hôn người yêu thắm thiết rồi uống thuốc độc tự tử. Tỉnh dậy, thấy người yêu đã chết, Giuliet cầm dao tự sát.

Cái chết của đôi uyên ương đã khiến cho hai họ thù địch tỉnh ngộ, giảng hòa với nhau.

Rômêô và Giuliet được ca ngợi là bản tình ca say đắm và bất khuất. Nhưng mối tình tuyệt đẹp này đã kết thúc một cách oan uổng, đau xót. Mâu thuẫn gây nên tấn bi kịch này là mâu thuẫn gay gắt

giữa khát vọng tự do yêu đương với hận thù và lễ giáo phong kiến. Nhân danh chủ nghĩa nhân văn, Sêcxpia đồng tình, ca ngợi cuộc tình duyên này đồng thời ông cũng cực lực tố cáo, lên án những tệ lậu dã man, tàn ác của lễ giáo phong kiến.

Đoạn trích dưới đây là toàn bộ cảnh 2, hồi II của vở kịch.

Chú thích

(1) Thời đại Phục hưng phát triển cực thịnh vào thế kỉ XV, XVI nhưng khởi đầu sớm hơn, vào thế kỉ XIV và kết thúc muộn hơn vào khoảng đầu thế kỉ XVII. (2) *Thần học* : khoa nghiên cứu nhằm chứng minh, giải thích những điều huyền bí. *Triết học kinh viện* : triết học dạy trong nhà trường ở châu Âu thời Trung cổ. Về cơ bản đó là sự pha trộn các học thuyết triết học duy tâm cổ đại với các học thuyết triết học siêu hình, thần bí Trung cổ. (3) *Tiếng Latinh* : tiếng nói của người vùng Laxium (Ý) được người La Mã cổ đại coi là ngôn ngữ của họ. Tiếng Latinh là thứ tiếng nói rõ ràng, khúc chiết nhưng đối với người bình dân thì khó học vì là ngôn ngữ cổ. (4) *Xonnê* : thể thơ 14 dòng, gồm bốn khổ, hai khổ trước mỗi khổ 4 dòng, hai khổ sau mỗi khổ 3 dòng, buổi đầu có quy định số chữ mỗi dòng, cách hiệp vần chặt chẽ. Xonnê của Sêcxpia khá tự do, phóng túng.

truongxua.vn

GIẢNG VĂN

THỀ HẸN(*)

(Trích *Rômêô và Giuliet*(1) - Hồi II(2), cảnh 2)

VƯỜN NHÀ CAPIULET

Rômêô ra

RÔMÊÔ – Kẻ chưa từng bị thương thì há sợ gì sẹo !

Giuliet xuất hiện trên cửa sổ

Ấy nhè nhẹ chứ nào ! Ánh sáng nào vừa lóe trên cửa sổ kia ? Đó, phương đông đó, và nàng Giuliet là mặt trời. Vừng đông đẹp tươi ơi, hãy hiện ra đi, hãy giết chết ả Hằng Nga đố kị héo hon và nhợt nhạt vì đau buồn khi thấy kẻ hầu của ả(3) lại đẹp hơn ả. Ả ghen với em thế thì em theo ả làm gì ?

Bộ cánh đồng cốt của ả xanh xao nhợt nhạt, chỉ hợp với những đồ ngu xuẩn, em hãy vứt nó đi... Ôi người mà ta sùng kính, người mà ta yêu đương[4] ! Ôi, giá nàng biết thế nhỉ ! ... Nàng nói ... Không, nàng im lặng .... Gì kia ? Đôi mắt nàng như lên tiếng, và ta nóng lòng muốn đáp lại ánh mắt nàng ... Ta liều quá, nàng có nói với ta đâu. Nguyên là hai ngôi sao đẹp nhất bầu trời có việc phải đi vắng, đã tha thiết nhờ mắt nàng lấp lánh chờ đến lúc sao về. Ừ, nếu mắt nàng lên thay cho sao, và sao xuống nằm dưới đôi mày kia thì sao nhỉ ? Vẻ rực rỡ của đôi gò má nàng sẽ làm cho các vì tinh tú nọ phải hổ ngươi, như vừng dương làm ánh đèn phải thẹn thùng; còn cặp mắt kia trên bầu trời sẽ rọi khắp khoảng không một làn ánh sáng tưng bừng đến nỗi chim chóc sẽ lên tiếng hót vang vì tưởng là đêm đã tàn[5]. Kìa nàng tì má lên tay ! Ước gì ta là chiếc bao tay nhỉ, để được mơn trớn má đào[6] !

GIULIET – Ôi chao !

RÔMÊÔ – Kìa, nàng vừa lên tiếng ! Hỡi nàng tiên lộng lẫy hãy nói nữa đi ! Đêm nay trên đầu ta, nàng tỏa ánh hào quang như một sứ giả nhà trời có đôi cánh, đang cưỡi những áng mây lười nhẹ lướt trên không trung, khiến kẻ trần tục phải cố ngước đôi mắt thịt mà chiêm ngưỡng.

thuongmaitr

GIULIET – Ôi Rômêô, hỡi Rômêô ! Sao chàng lại mang tên đó nhỉ ? Chàng hãy từ bỏ thân phụ đi, từ bỏ tên họ đi; hoặc không thì chàng hãy thề là chàng yêu em đi, em sẽ không còn là con cháu nhà Capiulet nữa.

RÔMÊÔ – *nói một mình* - Ta cứ đứng nghe, hay nên lên tiếng nhỉ ?

GIULIET – Chỉ có tên họ chàng là thù địch của em thôi. Nhưng nếu chẳng phải là người họ Môntaghiu thì chàng cũng vẫn là chàng. Chàng ơi ! Hãy mang tên họ nào khác đi ! Thế nào là họ Môntaghiu nhỉ ? Cái tên đó đâu có phải là bàn tay, bàn chân, cánh tay, bộ mặt, một bộ phận nào của thân thể con người ... Cái tên nào có là gì ? Bông hồng kia, giá gọi bằng một tên khác, thì hương thơm cũng vẫn ngạt ngào. Vậy

nếu chàng Rômêô chẳng mang tên Rômêô nữa, thì mười phần chàng cũng vẫn vẹn mười... Rômêô chàng ơi, chàng hãy từ bỏ tên họ đi. Cái tên kia đâu có phải xương thịt của chàng, chàng hãy đổi nó lấy cả tấm thân em.

RÔMÊÔ – Đúng là từ miệng nàng nói ra nhé ! Chỉ cần được nàng gọi là người yêu là tôi xin tức thì nhận tên thánh mới; từ nay trở đi, tôi không muốn bao giờ là Rômêô nữa.

GIULIET – Người là ai, mà nhờ đêm tối, chợt biết được điều tôi ấp ủ trong lòng vậy ?

RÔMÊÔ – Tôi không biết xưng danh cùng nàng thế nào. Nàng tiên yêu quý của tôi ơi, tôi thù ghét cái tên của tôi, vì nó là kẻ thù của nàng. Nếu chính tay tôi đã viết tên đó, thì tôi xin xé nát nó ra.

GIULIET – Tai nghe chưa trọn một trăm chữ từ miệng đó nói ra mà đã nhận ra tiếng ai rồi. Chẳng phải chàng Rômêô, họ nhà Môntaghiu đó ư ?

uongxua.vn

RÔMÊÔ – Hỡi nàng tiên kiều diễm, nếu nàng chẳng ưa tên họ đó, thì tôi chẳng phải Rômêô mà cũng chẳng thuộc họ Môntaghiu.

GIULIET – Chàng làm thế nào mà tới được chốn này ? Và chàng tới làm gì ? Tường vườn này cao, vượt qua thật khó. Và chàng thử nghĩ lại xem mình là ai ? Nếu bị họ hàng nhà em bắt gặp nơi đây thì chàng khó lòng thoát chết.

RÔMÊÔ – Tôi vượt được tường này là nhờ đôi cánh của tình yêu; mấy bức tường đá ngăn sao được ái tình. Mà cái gì tình yêu dám làm là làm được. Người nhà nàng ngăn sao nổi tôi.

GIULIET – Họ mà bắt gặp chàng thì họ giết chàng mất.

RÔMÊÔ – Nàng ơi, ánh mắt kia còn nguy hiểm cho tôi hơn hai chục lưỡi kiếm của họ. Nàng hãy nhìn tôi với khóe mắt yêu thương là tôi chẳng ngại gì hằn thù của họ nữa.

GIULIET – Em cầu mong cho họ đừng bắt gặp chàng nơi đây.

RÔMÊÔ – Đã có áo choàng của nàng Đêm che cho tôi khỏi bị họ nom thấy. Vả chăng, nếu chẳng được nàng đoái hoài thì thà

cứ để họ bắt gặp. Thà để cho lòng căm thù của họ chấm dứt đời tôi còn hơn kéo dài kiếp sống mà thiếu tình nàng.

GIULIET – Ai đưa lối cho chàng tới đây ?

RÔMÊÔ – Ái tình, ái tình đã xui tôi tìm kiếm. Ái tình đã cho tôi lời khuyên, và tôi đã cho ái tình đôi mắt. Tôi chẳng phải là tay thủy thủ, nhưng giá nàng có ở nơi bờ biển xa xăm nhất, thì tôi cũng sẵn sàng liều mình vì báu vật.

GIULIET – Nếu chẳng có màn đêm che phủ thì chàng đã thấy má em ửng đỏ vì những lời em nói cùng chàng đêm nay. Chàng ơi, em muốn chẳng vượt vòng lễ giáo, em muốn... em muốn chối những lời vừa nói. Nhưng thôi, khách sáo làm gì ? Chàng có yêu em không ? Em biết là chàng sẽ trả lời "có", và em sẽ tin chàng ngay. Nhưng xin chàng đừng thề thốt, chắc đâu chàng giữ được lời thề : những chuyện tình nhân bội ước chẳng đã khiến Thượng đế tức cười sao... Chàng Rômêô phong nhã hỡi, nếu chàng yêu em thì cứ thẳng thắn nói lên; và nếu chàng cho em là dễ xiêu lòng quá, thì em sẽ cau mày, em sẽ làm cao, em sẽ nói "không" để chàng phải sớm khuya theo đuổi; nhưng nếu chàng chẳng nghĩ vậy thì em cũng chẳng khi nào làm thế... Thật vậy, chàng Môntaghiu tuấn tú ơi, em yêu chàng say đắm; có lẽ chàng sẽ cho em là gái lẳng lơ, nhưng hãy tin em hỡi người quân tử, em sẽ giàu lòng chung thủy hơn những kẻ giả bộ kiêu kì và em cũng xin thú thật là nếu chàng chẳng bắt gặp em đương thổ lộ mối tình tha thiết[7] thì em cũng đã dè dặt hơn cùng chàng. Vậy em xin chàng hãy tha thứ cho em và đừng vì nỗi lòng yếu đuối bị bắt chợt trong đêm tối mà ngờ em là kẻ trăng hoa.

RÔMÊÔ – Thưa tiểu thư tôi xin thề có mảnh trăng thiêng liêng kia đương dát bạc trên những ngọn cây trĩu quả...

GIULIET – Em xin chàng đừng lấy trăng kia thề thốt, vầng trăng nghiêng ngả mà mỗi tháng lại thay đổi đường đi lối về. Em sợ tình chàng cũng sẽ như trăng kia thay đổi.

RÔMÊÔ – Vậy tôi phải lấy gì mà thề ?

thuongmaitr

GIULIET – Xin chàng đừng thề nguyền chi cả; hay nếu chàng muốn thì chàng hãy đem tấm thân tuấn nhã kia ra mà thề; đó là vị thần mà em thờ phụng, và em sẽ tin chàng.

RÔMÊÔ – Nếu tình yêu tha thiết của trái tim tôi...

GIULIET – Nhưng thôi chàng ôi, đừng thề thốt nữa. Mặc dù em sung sướng được gặp chàng, nhưng đêm nay lời thề của chàng cũng chẳng mang lại niềm vui cho em đâu. Sự việc xảy ra nhanh chóng quá, bất ngờ quá, thình lình quá, như ánh chớp kia vội tắt trước khi ta kịp nói : Kìa chớp lòe ! ... Bạn yêu quý hỡi, xin chào bạn nhé ! Được hơi thở của mùa hạ ve vuốt, có thể lần sau gặp nhau, nụ ái tình này đã nở thành một đóa hoa lộng lẫy... Em xin chào chàng !... Em cầu cho sự thanh thản êm đềm của lòng em cũng sẽ đến với trái tim chàng.

RÔMÊÔ – Ôi ! Nàng chẳng cho tôi được thỏa nguyện sao ?

GIULIET – Chàng muốn thỏa ước nguyện gì đêm nay ?

uongxua.vn

RÔMÊÔ – Tôi ước ao được cùng nàng trao lời thề chung thủy.

GIULIET – Em đã gửi chàng lời thề trước khi chàng hỏi. Vậy mà em ước gì còn giữ lại chưa trao.

RÔMÊÔ – Nàng muốn lấy lại lời thề chăng ? Để làm gì vậy, hỡi người yêu quý ?

GIULIET – Em chỉ muốn được rộng lòng hào phóng và tặng chàng lần nữa. Thật ra thì điều em ước, em đã có rồi : lòng em mênh mông, tình em thăm thẳm như biển cả. Em càng tặng chàng thì em lại càng có nhiều, vì cả hai đều là vô tận.

Có tiếng nhũ mẫu gọi

Có tiếng động trong nhà. Bạn tình ơi, chào bạn nhé !...

Tôi vào đây, vú ạ ... Chàng Môntaghiu đáng yêu hỡi, xin chàng hãy giữ lòng chung thủy. Chàng đợi em một chút, em sẽ trở lại ngay.

Giuliet vào

RÔMÊÔ – Ôi đêm thần tiên, đêm thần tiên ! Vì trong đêm tối nên ta sợ đây chỉ là một giấc mơ, một giấc mơ quá êm dịu để có thể là sự thật.

Giuliet trở ra

GIULIET – Rômêô chàng hỡi, em xin ngỏ cùng chàng vài lời, rồi xin tạm biệt. Nếu tình ái kia là của người chính nhân quân tử, nếu ý chàng là muốn cùng em xe tơ kết tóc, thì ngày mai em sẽ cho người đến gặp chàng; chàng sẽ cho biết chàng muốn hôn lễ cử hành ngày nào, chỗ nào. Lúc đó em xin trao thân gửi phận trong tay chàng và nguyện theo phu quân tới nơi chân trời góc biển.

NHŨ MẪU, *trong hậu trường* – Tiểu thư ơi !

GIULIET – Tôi vào ngay đây ! ... Nhưng ví bằng chàng chẳng phải chính tâm thì em xin chàng ...

NHŨ MẪU, *trong hậu trường* – Tiểu thư ơi !

GIULIET – Vào ngay đây ! ... đừng theo đuổi nữa để mặc em với nỗi khổ đau. Ngày mai, em sẽ cho người ...

RÔMÊÔ – Tôi xin thề trên linh hồn...

GIULIET – Xin nghìn lần chúc chàng một đêm tốt lành !

Giuliet rời cửa sổ

RÔMÊÔ – Thiếu ánh sáng của nàng thì đêm chỉ thành nghìn lần xấu xa.

Bước chậm chạp vào

Tình yêu đi tìm tình yêu vui như cậu học sinh được rời sách vở; tình yêu phải xa tình yêu buồn như chú bé trở lại nhà trường.

Giuliet lại xuất hiện ở cửa sổ

GIULIET – Rômêô chàng ơi ! Sao em chẳng được như người dạy chim săn cất cao giọng gọi con chim ưng của mình quay trở lại ! Những kẻ bị giam cầm thường khản giọng không cất cao

thuongmaitr

tiếng được. Nếu không, em đã làm rung chuyển nơi động phủ nữ thần Tiếng Vang[8] nằm nghỉ, và làm cho giọng trong trẻo của nữ thần phải khản hơn cả giọng em vì nhắc đi nhắc lại tên chàng Rômêô yêu quý.

RÔMÊÔ, *quay trở lại* – Linh hồn ta đang gọi tên ta đây. Trong đêm thanh tiếng người yêu thánh thót xiết bao, khác nào một bản nhạc êm dịu nhất đối với đôi tai tha thiết lắng nghe.

GIULIET – Rômêô chàng ơi !

RÔMÊÔ – Con chim non của anh !

GIULIET – Ngày mai, mấy giờ em cho người tới gặp chàng được ?

RÔMÊÔ – Chín giờ.

GIULIET – Em xin y hẹn. Từ giờ đến lúc đó đằng đẵng như hai chục năm trường !... Em quên mất không biết em gọi chàng lại để làm gì.

RÔMÊÔ – Em cứ để anh đứng đây cho tới khi nào em nhớ ra.

tuongxua.vn

GIULIET – Nếu vậy thì em cứ quên, để chàng đứng đây mãi mãi, nhắc cho em thấy lòng em tha thiết gần chàng xiết bao.

RÔMÊÔ – Còn anh, anh sẽ cứ mãi mãi đứng lại nơi đây, để em cứ quên mãi mãi. Anh sẽ quên hết mọi nơi nào khác nơi này.

GIULIET – Trời đã gần sáng. Em muốn chàng đi khỏi chốn này, nhưng không đi xa hơn con chim non của một em bé đang chơi : em bé để chim nhảy khỏi lòng bàn tay một chút, như một tù nhân còn vướng víu xích xiềng, rồi lại kéo sợi dây tơ lôi chim trở lại, vì em yêu chim quá nên ghen cả với tự do của chim.

RÔMÊÔ – Anh ước gì được làm con chim của em.

GIULIET – Em cũng ước mong như vậy, hỡi người yêu quý ! Nhưng em ve vuốt quá nhiều thì chàng đến chết mất. Thôi, em xin chào chàng. Nỗi buồn của lúc chia tay êm đềm đến nỗi em có thể cứ nói "chào chàng" cho đến sáng.

Giuliet vào

RÔMÊÔ, *còn một mình* – Cầu mong cho giấc ngủ đến với mắt em, cho sự thanh thản đến với lòng em... Ước gì ta được là giấc ngủ và sự thanh thản để được nghỉ ngơi êm đềm như vậy ! Ta phải đến ngay tu phòng của cha linh hồn của ta để cầu người giúp đỡ và ngỏ cùng người nỗi vui sướng tràn trề.

Rômêô vào

ĐẶNG THẾ BÍNH dịch
(*Kịch Sêcxpia*, NXB Văn hóa, Hà Nội, 1957)

Chú thích

(*) Tên bài là do người biên soạn đặt. (1) *Rômêô và Giuliet* là vở kịch thơ có xen lẫn văn xuôi. Trong đoạn trích, ngoài những câu đối đáp ngắn, các câu dài thường là thơ. Sêcxpia không chỉ là nhà viết kịch vĩ đại, ông còn là nhà thơ lớn nhất nước Anh. Những vần thơ trong nguyên tác không có vẻ thiếu tự nhiên, khuôn sáo như bản dịch này. Để có thể chuyển đạt hết cái hay, cái đẹp của lời thơ, người dịch đã phải chuyển nó thành văn xuôi có vần có điệu. (2) Thời Sêcxpia, kịch không được chia thành hồi, thành cảnh. Sau này khi diễn kịch Sêcxpia, người ta đã chia lại thành hồi, thành cảnh cho tiện theo dõi. Thời đó nghệ thuật sân khấu còn chưa dùng đến phông, màn và trang trí thì hết sức hạn chế. Ánh sáng sân khấu là ánh sáng mặt trời vì vậy kịch thường diễn vào buổi trưa khi mà sương mù ở Luân Đôn vừa tan hết. Đội ngũ diễn viên lúc bấy giờ cũng chưa có nữ, các vai nữ đều do nam giới đóng. Vai Giuliet cũng vậy. (3) *Kẻ hầu của ả* : Rômêô muốn nói đến mặt trời là nàng Giuliet. (4) Rômêô chuyển sang nói về Giuliet. (5) Ngôn ngữ kịch có khác với các ngôn ngữ khác (truyện thơ). Nó là ngôn ngữ trực tiếp nói lên hành động, tâm lí, tính cách nhân vật. Khi phân tích kịch cần chú ý đến các khả năng đó của kịch. Ngôn ngữ kịch Sêcxpia tiêu biểu cho thi pháp hồi bấy giờ đặc biệt giàu khả năng đó. (6) Học sinh có thể sẽ đặt câu hỏi : tại sao Rômêô đang say mê nàng Rôdalin, thế mà vừa gặp Giuliet đã thay lòng đổi dạ yêu Giuliet ngay? Rômêô say mê Rôdalin mới chỉ là say mê một người đẹp được nhìn thoáng qua một đôi lần, chưa có sự gần gũi, tiếp xúc. Trong khi đó, ở đêm vũ hội Rômêô đã được chiêm ngưỡng vẻ đẹp của Giuliet, được hôn bàn tay nàng, và trong khi trò chuyện đã được tiếp xúc với tâm hồn trong trắng, dịu hiền của nàng. Theo dõi tiếp vở kịch, ta sẽ thấy Rômêô là một người yêu nồng nàn và chung thủy. Chàng đã uống thuốc độc tự tử vì tưởng rằng Giuliet đã chết. (7) Giuliet được giới thiệu là chưa đầy 14 tuổi. Yêu đương vào tuổi ấy, thời nay là quá sớm. Thời phong kiến quan niệm phụ nữ chỉ cần biết lấy chồng, nuôi con nên yêu sớm, lấy chồng sớm là chuyện thường thấy. Và buổi dạ hội nhà Capiulet tổ chức chính là nhằm mục đích để cho Giuliet kén một người bạn đời. (8) *Nữ thần Tiếng Vang :*

thuongmaitr

trong thần thoại Hi Lạp là nàng Êkhô. Êkhô yêu chàng Nacxit đẹp trai; nhưng chàng này vốn khinh thường phụ nữ chỉ tự yêu mình. Bị Nacxit cự tuyệt, nàng bẽ bàng trốn vào rừng khóc than một mình, lên tiếng nhắc lại tiếng kêu của những người lạc bước trong rừng rậm.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Tư tưởng chủ đạo của phong trào văn nghệ Phục hưng là chủ nghĩa nhân văn. Vậy chủ nghĩa nhân văn là gì ? Nó đả phá những gì và ca ngợi những gì ? Biểu hiện của tư tưởng nhân văn chủ nghĩa trong đoạn trích trên ?

2. Căn cứ vào đâu mà ta có thể nói tính cách nàng Giuliet vừa rất nồng nhiệt mà đồng thời lại vừa rất ngây thơ, chân thật, đoan trang ? Chú ý phân tích kĩ những lời nói của Giuliet trong đoạn : "Nếu chẳng có màn đêm che phủ ... mà ngờ em là kẻ trăng hoa".

3. Cách biểu lộ tình cảm của Rômêô khác gì với cách biểu lộ tình cảm của Giuliet ?

4. Tác giả đã dùng những chi tiết nghệ thuật nào để lưu ý người xem rằng mối tình này rất mong manh, dễ dẫn đến kết thúc bi thương ?

5. Phân tích phần đầu đoạn trích : Rômêô nói về vẻ đẹp của Giuliet ("Kẻ chưa từng bị thương thì há sợ gì sẹo... cố ngước đôi mắt thịt mà chiêm ngưỡng") để thấy đặc điểm thi pháp bi kịch Sêcxpia (xem chú thích 5).

uongxua.vn

GIẢNG VĂN

SỐNG, HAY KHÔNG SỐNG – ĐÓ LÀ VẤN ĐỀ(*)

(Trích *Hamlet* - Hồi III, cảnh 1)

Bi kịch *Hamlet* ra đời vào năm 1601, vở bi kịch nổi tiếng này đã mở đầu cho một loạt vở kịch lớn tiếp theo : *Ôtenlô, Macbet, Vua Lia.*

Tóm tắt tác phẩm

Hoàng tử Hamlet đang du học ở Đức thì được tin vua cha mất. Chàng bèn vội vã trở về kinh đô Đan Mạch. Về đến nơi chàng gặp ngay đám cưới

của hoàng hậu - mẹ chàng - với Clôđiut, chú ruột của chàng. Hamlet choáng váng, hoang mang, đau khổ. Chàng ngờ có điều ám muội đằng sau cái chết đột ngột của cha, sự tái giá vội vã của mẹ. Hồn vua cha hiện về cho Hamlet biết chú ruột của chàng đã đầu độc cha chàng để cướp ngai vàng và lấy hoàng hậu, mẹ chàng. Nhưng Hamlet chưa tin vào lời tố giác đó, quyết tìm cho ra sự thật. Chàng giả điên để che giấu ý định của mình.

Clôđiut, thấy chàng điên cũng nảy sinh ngờ vực. Hắn phái hai tên Rôdencran và Ghinđơnxtơn - bạn cũ của Hamlet theo sát chàng để dò xem chàng điên thật hay giả. Hắn cùng tên cận thần Pôlôniut, cha nàng Ôphêlia, rình để theo dõi cuộc gặp gỡ giữa Hamlet với Ôphêlia. Hắn chưa tin lời Pôlôniut quả quyết rằng Hamlet hóa điên vì bị nàng Ôphêlia từ chối, không yêu chàng nữa. (Đoạn trích tả cảnh này). Đoán biết âm mưu của nhà vua đang dò xét mình, Hamlet tiếp tục giả điên để đi tìm sự thật. Chàng mời vua và hoàng hậu cùng mình xem một vở kịch trong đó có cảnh em giết anh để cướp ngôi vua và lấy chị dâu làm vợ. Xem đến cảnh đó, Clôđiut hốt hoảng đứng lên bỏ ra ngoài. Hamlet liền đi theo định giết chết hắn. Nhưng thấy Clôđiut đang cầu nguyện, chàng lại tha chưa giết. Chàng vào gặp hoàng hậu và phân tích cho bà thấy hết sai lầm, tội lỗi của bà. Tên Pôlôniut nấp sau bức rèm để nghe trộm câu chuyện của mẹ con Hamlet liền bị Hamlet tưởng lầm là nhà vua và đâm chết.

Clôđiut đã tin chắc rằng Hamlet chỉ giả điên và để trừ hậu họa, hắn phái Hamlet sang Anh quốc, nói là đi công cán, kì thực hắn mật lệnh cho vua Anh thủ tiêu chàng. Hamlet phát hiện ra bức mật thư liền vượt biển trở lại Đan Mạch. Chàng gặp đám tang Ôphêlia. Nàng quá đau khổ vì thấy Hamlet, người mà nàng yêu tha thiết, trở nên điên loạn, lại chính tay chàng đã giết chết cha nàng, Ôphêlia hóa điên rồi ngã xuống suối chết đuối. Hamlet nhảy xuống huyệt ôm lấy linh cữu của Ôphêlia mà vật vã khóc than. Laơctơ, anh trai nàng Ôphêlia liền xông tới đánh Hamlet. Thấy vậy, Clôđiut bèn nảy ra độc kế mới. Hắn bố trí một cuộc đấu kiếm để Laơctơ và Hamlet thi tài. Nhưng hắn dặn Laơctơ chọn cây kiếm không bịt đầu và để chắc hơn nữa, hãy tẩm thuốc độc vào mũi kiếm. Riêng Clôđiut, để phòng xa nếu Hamlet thắng, hắn sẽ nâng cốc chúc mừng chàng. Cốc rượu hắn trao cho Hamlet là cốc rượu pha thuốc độc. Cuộc đấu xảy ra, Hamlet đánh rơi kiếm của Laơctơ và đôi bên đổi kiếm cho nhau. Chàng đâm trúng Laơctơ với cây kiếm đã tẩm thuốc độc. Biết mình sắp chết, Laơctơ nói cho Hamlet biết chính Clôđiut

đã bố trí cuộc đấu này nhằm mượn tay chàng giết chết Hamlet. Mũi kiếm độc của chàng đã đâm trúng Hamlet. Do uống nhầm cốc rượu độc Clôđiut dành cho Hamlet, đến lượt hoàng hậu ngã ra chết. Bà chỉ kịp chỉ vào cốc rượu và lắp bắp hai tiếng "thuốc độc". Tột cùng đau đớn, phẫn nộ, Hamlet xông tới đâm chết Clôđiut. Thuốc độc đã ngấm, chàng bình thản đón nhận sự kết thúc.

Mượn câu chuyện cổ Đan Mạch về hoàng tử Hamlet báo thù cha bị chú mình hãm hại để cướp ngôi báu và lấy hoàng hậu, Sêcxpia muốn tố cáo một thực trạng xã hội đảo điên tan tác.

Nước Anh thời Sêcxpia đang ở thời kì quá độ từ chế độ phong kiến lên con đường tư bản chủ nghĩa. Xã hội đang chuyển mình dữ dội. Những mối quan hệ giữa người với người bị đảo lộn ghê gớm. Chủ nghĩa cá nhân vị kỉ phát triển. Lí tưởng nhân văn đang bị đe dọa phá sản. "Sống, hay không sống - đó là vấn đề. Chịu đựng những viên đá, những mũi tên của số mệnh phũ phàng, hay là cầm vũ khí vùng lên mà chống lại với sóng gió của biển khổ ; chống lại để mà diệt chúng đi, đằng nào cao quý hơn ?". Đó là một câu hỏi lớn đang được đặt ra trước mắt con người thời đại Sêcxpia. Đó cũng là tư tưởng chủ đạo của vở bi kịch *Hamlet*.

uongxua.vn

Hồi III

Cảnh 1 : MỘT GIAN PHÒNG TRONG LÂU ĐÀI

Vua, Hoàng hậu, Pôlôniut
Ôphêlia, Rôdencran và Ghinđơnxtơn(1) *ra*

VUA – Thế trong khi chuyện trò cùng thái tử, các khanh lại không lựa được cơ hội nào để tìm hiểu tại sao Người rối loạn tâm thần, để cho chuỗi ngày xanh êm đẹp bị tan nát vì những cơn điên dữ dội, hiểm nghèo hay sao ?

RÔDENCRAN – Tâu Bệ hạ, thái tử cũng biết mình bị mất trí nhưng nguyên do tại đâu thì nhất định Người không nói.

GHINĐƠNXTƠN – Thực ra thì thái tử cũng không để cho tìm hiểu sâu hơn. Người cứ đánh trống lảng bằng những cơn điên khôn khéo, mỗi khi chúng thần tìm cách gợi Người tỏ bày thực trạng tâm hồn mình.

HOÀNG HẬU – Thái tử tiếp các khanh có tử tế không ?

RÔDENCRAN – Thưa, thật đúng như một người lịch thiệp.

GHINĐƠNXTƠN – Nhưng bên trong vẫn có vẻ gì gượng gạo.

RÔDENCRAN – Người hỏi rất ít, nhưng trả lời những câu hỏi của chúng thần thì huyên thuyên dài dòng.

HOÀNG HẬU – Thế các khanh có kiếm cách gì cho thái tử tiêu khiển không ?

RÔDENCRAN – Tâu Lệnh bà, trên đường đi tình cờ chúng thần gặp một bọn đào kép. Chúng thần có thưa bày và thái tử tỏ vẻ vui thích lắm. Bọn họ hiện ở quanh quẩn trong cung này và hình như đã nhận được lệnh trình diễn đêm nay hầu thái tử.

PÔLÔNIUT – Thưa, đúng như vậy. Chính thái tử có khẩn khoản nhờ thần mời Bệ hạ và Lệnh bà tới ngự lãm đêm nay.

VUA – Trẫm rất vui lòng. Trẫm hài lòng khi biết thái tử tìm được nguồn thích thú như vậy. Các khanh ạ, nên khuyến khích thêm thái tử vào những trò giải trí ấy.

RÔDENCRAN – Tâu Bệ hạ, chúng thần xin tuân thượng lệnh.

Rôdencran và Ghinđơnxtơn vào

VUA – Ái khanh nữa, xin ái khanh cũng tạm lui. Trẫm đã ra mật lệnh cho tìm Hamlet tới đây, làm như thể tình cờ y bắt gặp Ôphêlia ở nơi này. Trẫm sẽ đích thân cùng Tướng công Pôlôniut, như hai thám tử hợp pháp, ngồi vào một nơi kín, nhìn thấy hết mà không ai nhìn thấy mình, để tận mắt quan sát mọi cử chỉ của y qua cuộc gặp gỡ, xem có phải chính bệnh tương tư là nguyên nhân làm y quẫn trí chăng.

HOÀNG HẬU – Xin vâng lệnh Bệ hạ, còn Ôphêlia con, ta mong rằng chính nhan sắc yêu kiều của con là nguyên nhân tốt lành của bệnh hoạn của Hamlet và ta hi vọng đức hạnh của con sẽ làm cho nó trở lại bình thường ; vì danh dự của cả hai con đấy !

ÔPHÊLIA – Tâu Lệnh bà, con cũng mong như thế.

thuongmaitr

Hoàng hậu vào

PÔLÔNIUT – Ôphêlia, con cứ đi đi lại lại ở chỗ này. Xin Bệ hạ cùng thần lánh vào đây. *Nói với Ôphêlia.* Con hãy cầm cuốn sách này và đọc đi. Như thế mới thêm vẻ tự nhiên trong lúc cô đơn. Đời vẫn thường chê trách rằng ta khoác cái vẻ trầm mặc thành kính và bộ điệu chân tu nhiều khi cũng đường mật đánh lừa được cả ma quỷ. Điều đó đã được chứng tỏ quá nhiều rồi.

VUA – *Nói một mình.* Ôi, đúng quá thật ! Lời nói như roi quất vào lương tâm ta. Đôi má của gái hồng lâu, rực rỡ vì son tô phấn điểm, cũng không thể xấu xa hơn hành động của ta được điểm phấn tô son bằng những lời hoa gấm mĩ miều. Ôi, gánh nặng của tội ác !

PÔLÔNIUT – Tâu Bệ hạ, thần đã nghe thấy bước chân thái tử đi tới. Ta hãy tạm lánh thôi.

Vua và Pôlôniut vào. Hamlet ra

tuongxua.vn

HAMLET – Sống, hay không sống - đó là vấn đề. Chịu đựng tất cả những viên đá, những mũi tên của số mệnh phũ phàng, hay là cầm vũ khí vùng lên mà chống lại với sóng gió của biển khổ, chống lại để mà diệt chúng đi, đằng nào cao quý hơn ? Chết, là ngủ. Không hơn. Và tự nhủ rằng ngủ đi tức là chấm dứt mọi đau khổ của cõi lòng và muôn vàn vết tử thương mà hình hài phải chịu đựng, kết liễu cuộc đời như thế, chẳng đáng mong muốn sao ? Chết, ngủ. Ngủ, có thể chỉ là mơ. Hừ ! Đây mới là điều khó khăn. Vì, trong giấc ngủ của cõi chết ấy, khi ta đã thoát khỏi cái thể xác trần tục này, những giấc mơ nào sẽ tới, điều đó làm cho ta phải ngừng lại mà suy nghĩ. Chính điều đó gây ra bao tai họa cho cuộc sống dằng dặc này ! Bởi vì, ai là người có thể chịu đựng được những roi vọt và khinh khi của thời đại, sự áp bức của kẻ bạo ngược, hống hách của kẻ kiêu căng, những nỗi giày vò của tình yêu tuyệt vọng, sự trì chậm của công lí, hỗn xược của cường quyền, sự miệt thị của kẻ bất tài đối với đức tài

nhẫn nhục, khi chỉ cần với một mũi dùi là có thể đủ đưa mình đến chỗ yên nghỉ. Có ai đành cam chịu, than vãn rền rĩ, đổ mồ hôi dưới gánh nặng của cuộc đời mệt mỏi, nếu không phải chỉ vì sợ một cái gì mênh mang sau khi chết, cả một thế giới huyền bí mà đã vượt biên cương thì không một du khách nào còn quay trở lại, nỗi sợ làm cho tâm trí rối bời và bắt ta phải cam chịu mọi khổ nhục trên cõi thế này còn hơn là bay tới những nỗi khổ nhục khác mà ta chưa hề biết tới ? Đấy, chính nỗi vướng mắc của tâm tư ấy làm cho chúng ta trở thành hèn mạt tất cả, và ngọn lửa của quyết tâm vừa bùng lên đã mờ nhạt ốm yếu đi trước ánh leo lắt của ý nghĩ đó, bao dự kiến lớn lao, cao quý cũng phải xoay chiều đổi hướng, chẳng thể biến thành hành động. Thôi khẽ chứ ! Kìa Ôphêlia yêu kiều ! Nữ thần của ta ơi, khi nàng cầu nguyện, xin nàng đừng quên những tội lỗi của ta.

ÔPHÊLIA – Kính thưa Điện hạ, chẳng hay sức khỏe của Người bấy lâu ra sao ?

HAMLET – Xin đa tạ cô em, tôi vẫn được như thường, như thường, như thường.

ÔPHÊLIA – Thưa Điện hạ, thiếp còn giữ những kỉ vật Người trao tặng, đã từ lâu thiếp vẫn mong được gửi lại, mong Người nhận cho.

HAMLET – Không, không, tôi nào có hề tặng cô em cái gì bao giờ.

ÔPHÊLIA – Thưa Điện hạ tôn kính, Điện hạ cũng thừa biết là có và Người đã gửi gắm theo những kỉ vật ấy những lời xiết bao tình tứ làm cho chúng càng tôn thêm giá. Nhưng bây giờ hương đã tàn phai, xin chàng giữ lấy ; bởi vì đối với một tâm hồn cao quý, quà tặng dù quý giá đến đâu chăng nữa, nào còn có ý nghĩa gì một khi người trao đã thờ ơ lạnh nhạt. Thưa đây, Điện hạ.

HAMLET – A ha ! Cô em có phải là người đức hạnh không ?

ÔPHÊLIA – Thưa Điện hạ !

HAMLET – Cô em có phải là người nhan sắc chăng ?

thuongmaitr

ÔPHÊLIA – Điện hạ định nói gì ?

HAMLET – Nếu cô vừa là người đức hạnh lại vừa nhan sắc, thì đức hạnh làm sao có thể nói chuyện được với nhan sắc của cô ?

ÔPHÊLIA – Sao, thưa Điện hạ, nhan sắc còn có thể hòa hợp với cái gì hơn là đức hạnh ?

HAMLET – Chứ sao ! Vì nhan sắc có mãnh lực biến đức hạnh thành phóng đãng, nhưng đức hạnh không thể nào khép nhan sắc vào khuôn khổ nết na. Ngày xưa, đó là điều nghịch lí, nhưng ngày nay thì đã được chứng thực rồi. Có một thời, tôi đã yêu cô em.

ÔPHÊLIA – Thực thế thưa Điện hạ, chính Người đã làm cho thiếp tưởng như vậy.

HAMLET – Đáng lí cô em đừng tin tôi mới phải, vì chẳng thể ghép đức hạnh vào dòng giống cũ kĩ của chúng ta mà chúng ta không giữ lại chút gì của dòng giống đó[2]. Tôi chưa bao giờ yêu cô em cả.

tuongxua.vn

ÔPHÊLIA – Thế thì thiếp lại càng bị mắc lừa lắm !

HAMLET – Cô em nên vào nhà tu kín đi thôi. Tại sao cô em cũng lại muốn sinh sản ra những kẻ tội lỗi ? Bản thân tôi cũng là một người không đến nỗi hư thân, ấy thế mà tôi có thể tự kết tội tôi nhiều điều đến nỗi giá mẹ tôi đừng sinh ra tôi thì hơn ! Tôi là một kẻ kiêu căng, hay oán thù, đầy tham vọng, đầu óc chứa chất nhiều tội lỗi đến nỗi tôi không đủ ý để diễn đạt, trí tưởng tượng để hình dung, thời gian để hành sự. Trần thế cần chi phải có những gã như tôi sống lê la giữa đất trời ? Chúng tôi là những kẻ khốn kiếp không hơn. Cô không nên tin kẻ nào cả. Cô nên vào nhà tu kín đi. Thân phụ cô em đâu ?

ÔPHÊLIA – Thưa Điện hạ, phụ thân thiếp ở nhà.

HAMLET – Thế thì phải cửa đóng then cài cho chắc, để cho ông ta chỉ có thể giở trò điên dại ở nhà thôi nhé ! Thôi chào cô.

ÔPHÊLIA – Ôi, cầu Chúa, hãy cứu vớt lấy chàng !

HAMLET – Nếu cô em cứ nhất định xuất giá thì tôi xin gửi tặng lời nguyền bất hạnh này để cô em làm của hồi môn ! Dù cớ em có tinh khiết như băng, trong trắng như tuyết, cũng không thể nào tránh khỏi được miệng tiếng người đời. Thôi cô em vào nhà tu kín đi, vào đi, chào cô ! Hay cô em thấy cứ cần phải lấy chồng, thì chỉ nên lấy một thằng rồ, vì những kẻ khôn ngoan thừa biết cô sẽ biến họ thành quỷ dữ. Vào nhà tu kín đi, vào đi ; vào ngay đi thôi. Chào cô.

ÔPHÊLIA – Ôi các đấng thần linh ! Xin làm cho chàng hồi tỉnh !

HAMLET – Tôi lại còn nghe nói cô tô son điểm phấn khéo lắm. Chúa đã ban cho cô một bộ mặt, cô lại tạo cho mình một bộ mặt khác ; cô múa giỡn, lượn lờ, nói nói, cười cười, trêu cợt cả mọi sinh linh của Chúa, phóng đãng mà làm ra vẻ thơ ngây ! Thôi đi, tôi không chịu được nữa, thế cũng đủ làm cho tôi phát điên lên rồi. Tôi đã nói mà, chuyện cưới xin sẽ không bao giờ có nữa. Những kẻ nào đã bước vào con đường ấy - tất cả chỉ trừ có một - sẽ được sống. Còn những kẻ nào chưa bước vào thì nên cứ ở vậy suốt đời. Vào nhà tu kín đi, vào đi thôi.

Vào

ÔPHÊLIA – Ôi một tâm hồn cao quý, bỗng dưng tan nát ! Đôi mắt của nhà thông thái, thanh gươm của trang hiệp sĩ, miệng lưỡi của người hào hoa ; niềm hi vọng, đóa hồng tươi của quốc gia gấm vóc, gương sáng của thời trang, kiểu mẫu của mọi người, bao người thán phục, ca tụng, bây giờ, còn đâu nữa, hết rồi, thật hết rồi ! Có người khuê nữ nào thất vọng và đau khổ hơn tôi, người đã được tận hưởng hương mật của bao lời tỏ tình êm như tiếng nhạc của chàng. Bây giờ, lí trí cao quý của một đấng quân vương nào khác chi những tiếng chuông êm ái rung lên lạc điệu và chối tai, tuổi hoa niên đẹp đẽ tuyệt vời bị dập vùi trong điên cuồng mê loạn. Ôi đau đớn cho tôi, xưa kia mắt đã thấy là thế, mà nay lại là thế !

thuongmaitr

Vua và Pôlôniut lại ra

VUA – Tình yêu ? Tình cảm của y không hướng về phía đó đâu. Những lời nói của y là huyên thuyên, đôi chỗ không ăn khớp, nhưng không hẳn là điên dại. Tâm hồn y có điều chi phiền muộn, làm cho y nặng ưu tư. Trẫm lo rằng, y cứ ấp ủ mãi nỗi đau buồn ắt không tránh khỏi xảy ra điều nguy hiểm. Để ngăn ngừa, Trẫm vừa quyết định : y phải lập tức rời sang Anh Cát Lợi để đòi những vật triều cống mà nước này lãng quên chưa nộp. Biết đâu, khác cảnh khác người, khí hậu đổi thay, cái điều thầm kín trong tâm y có thể tiêu tan đi được. Để y suy nghĩ luẩn quẩn, Trẫm lo rằng y có thể biến đổi vô chừng. Khanh thấy thế nào ?

PÔLÔNIUT – Tâu Bệ hạ, thật là cao kiến. Tuy nhiên thần vẫn tin chắc rằng duyên do và đầu mối nỗi sầu muộn của hoàng tử chính là bởi thất tình. *Nói với Ôphêlia*. Thôi Ôphêlia con ạ, con không cần kể lại những điều thái tử đã nói với con. Bệ hạ và cha đã nghe rõ cả rồi. *Nói với vua*. Tâu Bệ hạ, xin Bệ hạ cứ tùy ý định liệu. Nhưng nếu Bệ hạ thấy không có điều chi bất tiện, thì sau khi xem diễn tuồng trở về, xin để cho Hoàng hậu tâm sự riêng với thái tử để dò thăm nỗi ưu tư của thái tử. Hoàng hậu cứ hỏi thẳng, và nếu Bệ hạ cho phép thần sẽ xin nấp chỗ kín đáo sao cho có thể nghe được câu chuyện giữa hai người. Nếu Hoàng hậu cũng không tìm ra được duyên do thì lúc đó Bệ hạ hãy truyền lệnh cho thái tử sang nước Anh tức khắc, hay là giam giữ ở một nơi nào tùy cao kiến của Bệ hạ quyết định.

VUA – Phải làm như thế mới được. Không thể coi thường sự điên dại ở những kẻ có tài và có địa vị.

ĐÀO ANH KHA, BÙI PHỤNG, BÙI Ý dịch
(*Kịch Sêcxpia*, NXB Văn học, Hà Nội, 1986)

truongxua.vn

Chú thích

(*) Tên bài là do người biên soạn đặt. (1) Những nhân vật có tên trong đoạn trích :
– *Hamlet* : hoàng tử Đan Mạch ; – *Clôđiut* : vua xứ Đan Mạch, chú ruột Hamlet ;

– *Giectrut* : hoàng hậu, mẹ của Hamlet và vợ của Clôđiut ; – *Pôlôniut* : tên cận thần của nhà vua, cha của nàng Ôphêlia ; – *Ôphêlia* : người yêu của Hamlet ; – *Rôdencran, Ghinđơnxtơn* : hai tên bạn học cũ của Hamlet được vua sử dụng để dò xét xem Hamlet điên thật hay giả. (2) Theo R. Travers : Hamlet có ý muốn nói rằng chàng không thể không là đứa con của một người mẹ thiếu đức hạnh.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Hướng dẫn cách đọc : cả đoạn quá dài, không cần đọc diễn cảm tất cả. Nhưng nên tập đọc thật kĩ đoạn độc thoại ***Sống, hay không sống – đó là vấn đề*** *của Hamlet. Đây là đoạn độc thoại nổi tiếng về tính chất triết lí. Trước hết học sinh phải tìm hiểu kĩ nội dung của nó mới có thể đọc tốt được. Trong khi đọc phải diễn tả cho được sự phẫn nộ của Hamlet đối với vô vàn những điều bất công trong xã hội đương thời. Gần suốt cả đoạn, Hamlet tự nói với mình, đến những câu cuối "Thôi khẽ chứ..." chàng chợt nhìn thấy Ôphêlia, người yêu của chàng, giọng nói của Hamlet thay đổi, không giống như trước, gần như thì thầm thể hiện tình cảm trìu mến của chàng với Ôphêlia.*

2. Trong đoạn này, lúc đầu khi Hamlet chưa xuất hiện, hình ảnh chàng hiện lên qua lời nhận xét của những nhân vật khác. Sau đó khi Hamlet xuất hiện, chàng tự bộc lộ tính cách của mình.

Hãy phân tích tính cách của Hamlet trong con mắt của người khác và trong sự tự bộc lộ của chàng.

3. Phân tích đoạn độc thoại của Hamlet : " Sống, hay không sống... đừng quên những tội lỗi của ta". Sống theo quan niệm của Hamlet là thế nào ? Không sống là thế nào ? Nên chọn cách sống nào mới cao quý ?

4. Vua, Ôphêlia, Pôlôniut là ba tính cách khác nhau. Để thấy nghệ thuật khắc họa tính cách nhân vật của Sêcxpia hãy nói rõ tính cách từng nhân vật kể trên.

5. Hamlet giả điên nhằm đánh lừa người khác và che đậy ý định của mình. Riêng với Ôphêlia – người chàng yêu thực lòng – cớ sao chàng lại nói năng phũ phàng như vậy ? Thái độ của Ôphêlia nói lên điều gì ?

ĐỌC THÊM

NGƯỜI LÁI BUÔN THÀNH VƠNIDƠ

Trong sự nghiệp sáng tác của mình, Sêcxpia đã viết 37 vở kịch, trong đó 12 vở là hài kịch, phần lớn được viết vào giai đoạn sáng tác đầu, xen kẽ với các vở kịch biên niên sử Anh(*).

Hài kịch của ông giai đoạn này cất lên tiếng cười hồ hởi, lạc quan và đều kết thúc vui vẻ, có hậu.

Người lái buôn thành Vơnidơ tuy có khắc họa nhân vật đen tối Sailôc, khiến bầu không khí đôi lúc trở nên ngột ngạt, căng thẳng song vẫn là tiếng cười chiến thắng của tình yêu, tình bạn, tình người ; của lẽ phải và công lí.

Các chàng trai, cô gái trong vở hài kịch này (Antôniô, Baxaniô, Graxianô, Porxia, Giêxica, Nêrixa...) là hiện thân của con người mới, được lí tưởng nhân văn thời đại Phục hưng soi sáng, đang đồng tâm hợp lực đấu tranh, xây dựng cuộc sống mới. Sêcxpia đặt niềm tin và hi vọng vào cuộc đấu tranh này.

uongxua.vn

Vận dụng ngọn bút tài hoa của mình ông đã viết ra một loạt hài kịch bất hủ : *Hài kịch của những hiểu lầm, Hai chàng công tử ở Vêrôna, Giấc mộng đêm hè, Đêm thứ 12, Người lái buôn thành Vơnidơ...*

Tóm tắt tác phẩm

Antôniô, thương gia giàu có ở Vơnidơ là một chàng trai nổi tiếng hào hiệp. Biết bạn mình là Baxaniô yêu nàng Porxia xinh đẹp ở xứ Benmônt xa xôi, đang cần tiền để sắm lễ vật, tàu bè chàng bèn hứa giúp bạn. Tiếc thay, vốn liếng chàng đã dốc cạn vào một số thuyền buôn chở đầy hàng hóa, giờ đang lênh đênh trên biển cả. Chàng đành phải đến gặp gã Do Thái Sailôc chuyên nghề cho vay nặng lãi và rất mực keo kiệt. Sailôc lâu nay rất hận thù Antôniô bởi chàng từng công khai nguyền rủa hắn, sỉ nhục hắn. Hắn liền tính kế trả thù : hắn sẵn sàng cho chàng vay một khoản tiền lớn, chỉ yêu cầu chàng kí vào bản cam kết rằng nếu đến hạn mà chàng không trả được nợ thì hắn xin được xẻo một cân thịt trên người chàng. Vì nóng lòng giúp bạn, vả chăng Antôniô tin chắc rằng một khi bán được hàng, chàng

thừa sức trả nợ cho hắn, Antôniô không mảy may do dự. Chàng kí ngay vào bản giao kèo.

Nhờ được Antôniô giúp đỡ, Baxaniô đã mang được lễ vật đến ra mắt Porxia. Vốn đã nghe danh Baxaniô là một chàng trai thông minh, tuấn tú, trọng nghĩa khinh tài, Porxia nửa mừng nửa lo sợ chàng không vượt qua được thử thách. Số là cha nàng khi chết có trăng trối rằng : những kẻ đến cầu hôn con, con hãy mời họ vào một phòng kín, nơi cha đã để sẵn ba chiếc hòm (rương). Chiếc thứ nhất bằng vàng, trên ghi dòng chữ : "Ai chọn ta sẽ được cái mà nhiều người ao ước". Cái thứ hai bằng bạc, để lời hứa hẹn : "Ai chọn ta sẽ được tất cả những gì mà mình xứng đáng". Cái thứ ba bằng chì ghi rõ : "Ai chọn ta, phải cho và liều mất tất cả những gì mình có". Người nào chọn trúng cái hòm có đựng bức chân dung của con, người đó xứng đáng được làm chồng con. Con hãy trao nhẫn cưới cho người đó.

Ông hoàng Marôc chọn hòm vàng, ông hoàng xứ Aragông chọn hòm bạc và cả hai đều tiu nghỉu ra về. Porxia giữ kín việc này. Giờ đây đến lượt Baxaniô (Đoạn trích). Như sẽ rõ, Baxaniô chọn hòm chì. Nỗi vui mừng của Baxaniô và của Porxia thật không tài nào tả xiết. Họ làm lễ đính hôn. Giữa cuộc vui thì tin dữ từ Vơnidơ đưa tới.

Đã đến hạn trả nợ song đoàn thuyền chở hàng của Antôniô nghe đâu đã bị đắm trong cơn bão lớn vừa qua. Gã Sailôc đã phát đơn kiện Antôniô. Trước tòa, hắn một mực khăng khăng đòi thực hiện bản cam kết, dù mọi người đã hết lời khuyên can gã phải có lòng nhân ái và hãy thư thả để Antôniô còn có thời gian xoay xở.

Porxia bèn khuyên chồng về ngay Vơnidơ để cứu bạn. Baxaniô lập tức lên đường. Trước tòa, chàng xin trả món nợ mà bạn chàng đã vay để giúp chàng. Sailôc từ chối. Ngay cả khi Baxaniô trả gấp đôi số nợ, gã vẫn kiên quyết đòi thực hiện bản giao kèo. Phiên tòa bế tắc. Giữa lúc đó, một trạng sư cùng viên thư kí riêng xuất hiện. Cả hai đều trẻ trung, khôi ngô, lanh lợi. Được tòa cho phép, trạng sư bèn khuyên Sailôc hãy có tình người, song gã vẫn im lặng mải miết mài dao. Trạng sư đành đề nghị tòa cho Sailôc thực hiện đúng cam kết giữa người vay và kẻ cho vay, với điều kiện gã chỉ được xẻo đúng một cân thịt, không hơn không kém và không được làm đổ máu Antôniô, dù chỉ một giọt. Đọc lại văn bản, Sailôc ngẩn ngơ rồi rối rít xin nhận lại tiền. Nhân danh lòng nhân ái và công lí, trạng sư đề nghị tòa nghiêm trị gã Sailôc vì hắn không còn một chút tính người, hắn đã đe dọa

thuongmaiti

tính mạng của một công dân cao quý của Vơnidơ và làm ăn bất chính. Tòa tuyên phạt Sailốc án tù và tịch thu tài sản.

Mọi người phấn khởi ra về. Baxaniô mời Antôniô và các bạn cùng đến Benmônt dự đám cưới của chàng với Porxia. Giữa tiệc cưới tưng bừng, Porxia vanh vách kể lại câu chuyện ở phiên tòa rồi làm mặt giận, chìa ra chiếc nhẫn đính hôn mà Baxaniô đã đem tặng trạng sư. Đến lúc này, mọi người mới vỡ lẽ : Porxia đã cải trang thành vị trạng sư nọ để cùng chồng đi cứu bạn.

Hai người bạn thân của Baxaniô bèn đề nghị cho họ cùng làm lễ cưới với hai cô gái mà họ yêu. Một cô là người hầu đã đóng vai thư kí của Porxia. Cô kia là Nêrixa, con gái của Sailốc, vì không chịu nổi tính tàn nhẫn và keo kiệt của cha nên đã bỏ nhà ra đi. Một tin vui nữa lại kịp đến : đoàn thuyền của Antôniô thoát nạn đã cập bến an toàn.

SỰ LỰA CHỌN CỦA BAXANIÔ

(Trích *Người lái buôn thành Vơnidơ* - Hồi III, cảnh 2)

uongxua.vn

Benmônt. Một gian phòng ở nhà Porxia

BAXANIÔ – ... Xin nàng hãy đưa tôi đến số phận của tôi và đến những chiếc hòm kia.

PORXIA – Thì vâng ! Một trong những chiếc hòm đó chứa đựng chân dung của em : nếu chàng yêu em, thì chàng sẽ phát hiện thấy em trong đó... Em đứng xem cuộc đấu mà lòng kinh hãi[1] hơn chàng là người dự cuộc.

Cử nhạc, trong khi Baxaniô ngắm nghía những chiếc hòm và nói một mình những cảm nghĩ của mình.

BAXANIÔ – Ừ, nhưng bề ngoài có thể khác xa sự thực. Thiên hạ vẫn luôn luôn bị đánh lừa bởi ngoại hình trang sức... Không có tật xấu nào, dầu tệ mạt đến đâu, lại không khoác được ở bề ngoài vài ba nét của đức hạnh. Biết bao kẻ hèn nhát, lòng dạ nham hiểm như một cầu thang bằng cát, vậy mà trên cằm có những bộ râu của Hecquyn[2] và của thần Mac[3] nghiêm nghị, nhưng trong bản thân sâu kín chỉ có những bộ gan trắng bệch như sữa và chỉ đeo những ngoại biểu[4] của kẻ anh hùng để trợ nạt người ta ! Hãy xét về sắc đẹp ta sẽ thấy rằng nó cũng được mua giá đắt như vàng, thứ

kim khí có phép thần điệu làm cho kẻ nào càng mang nhiều nó bao nhiêu lại càng nhẹ(5) bấy nhiêu. Những vành tóc xoăn tròn óng ánh sắc vàng kia, uốn éo như rắn lượn, gió thổi bay tung trên một dung nhan mĩ lệ giả vờ nào đó, thường khi chỉ là di sản của một cái đầu khác(6), vì cái sọ nuôi dưỡng nó đã nằm yên trong mồ... Một trang sức đẹp mắt nhiều khi chỉ là bờ bến lừa người của một biển khơi nguy hiểm, chỉ là tấm khăn quàng lộng lẫy che phủ một cô gái Ấn Độ đen sì(7) ; nói tóm lại, chỉ là vẻ ngoài giả dối của chân lí mà mưu gian thường khoác để bẫy những người khôn ngoan nhất. Vậy ta chẳng thèm cái gì của ngươi cả, hỡi chất vàng rực rỡ, thức ăn mà cả đến Miđax(8) cũng cho là rắn quá. Cả của ngươi nữa, hỡi chất bạc, kẻ nô lệ trắng bệch và tầm thường của sự giao dịch giữa người với người, nhưng còn ngươi, hỡi chất chì nghèo nàn, ngươi đe dọa nhiều hơn là hứa hẹn, ngươi làm cho lòng ta cảm động vì sắc xanh xám xuềnh xoàng hơn là vì tài hùng biện, ta kén chọn ngươi đây ; mong rằng sự kén chọn này được may mắn !

PORXIA *(nói riêng)* – Ôi ! Hết thảy các tâm tư khác của ta đều tiêu tan mây khói ! Những tư tưởng băn khoăn, những niềm thất vọng quá vội vàng ôm ấp, những nỗi lo sợ rùng mình, lòng ghen tuông sa sầm nét mặt ! Hỡi tình yêu, hãy bớt sôi nổi, hãy dẹp bớt cơn bồng bột nồng nàn, hãy tỏa niềm vui cho có chừng mực, đừng nên thái quá. Ta cảm thấy quá mạnh những niềm hạnh phúc của ngươi : hãy giảm bớt đi, kẻo ta bị chìm ngập mất.

BAXANIÔ – Ta trông thấy gì đây ? *(Mở chiếc hòm bằng chì).* Chân dung nàng Porxia tuyệt sắc ! Có vị á thần(9) nào đã gần hóa công được đến thế này ? Đôi mắt kia động đậy chăng ? Hay là, trập trùng trên đôi đồng tử của mắt ta, nó có vẻ như là động đậy ? Kìa, đôi môi hé mở, được tách ra bởi một hơi thở ngọt ngào như mật ong : một đôi bạn êm ái thế kia phải được ngăn cách bằng một tấm rào êm ái như thế. Trong mái tóc kia, nhà họa sĩ, làm giống như con nhện chăng tơ, đã dệt một mạng lưới bằng vàng để bẫy trái tim của người ta một cách chắc chắn hơn là mạng nhện bẫy ruồi ; nhưng đôi mắt của nàng, họa sĩ đã làm thế nào trông thấy mà vẽ nên nhỉ ? Ta tưởng chừng như cứ vẽ xong một con mắt thôi cũng đủ làm cho họa sĩ mù cả đôi mắt của mình và bỏ dở dang tác phẩm. Nhưng hãy trông kìa : cái hình bóng này còn thua xa sự thực bao nhiêu, thì những lời ca tụng của ta cũng thua xa cái hình

bóng đó bấy nhiêu. Đây là tờ giấy viết, chứa đựng và thâu tóm tất cả số kiếp của ta *(Chàng đọc).*

Hỡi chàng, vốn không tin ở những bề ngoài
Chàng đã chọn trúng và may mắn lớn !
Hạnh phúc đó đã đến với chàng,
Thì chàng nên mãn nguyện, và đừng tìm gì khác nữa.
Nếu chàng thấy mệnh vận đã chiều chàng,
Thì hãy quay về phía giai nhân
Và đòi tình yêu của nàng bằng một cái hôn thắm thiết.

Lời lẽ thật đáng yêu ! Hỡi giai nhân tuyệt sắc, xin nàng cho phép tôi tiến lại theo đúng lệnh này, để ban cho, và tiếp nhận. Chẳng khác gì một trong hai kẻ ganh đua tranh lèo giật giải, tưởng mình đã xứng đáng với những tiếng ngợi khen của công chúng, nhưng khi nghe thấy mọi người vỗ tay hoan hô, thì dừng lại xao xuyến, và đưa mắt ngờ vực nhìn khắp xung quanh, không biết có phải khúc tụng dương[10] hợp tấu kia là nhằm vào mình hay không, cũng y như vậy, tôi đứng đây, hỡi giai nhân ba lần tuyệt sắc, không dám tin bức hoa tiên[11] này có thực, trước khi nó được nàng xác minh, kí tên và phê chuẩn.

tuongxua.vn

PORXIA – Thưa quý công tử Baxaniô, chàng trông thấy em đây, đương đứng ở nơi đây, có sao thấy vậy. Tuy rằng, riêng đối với mình, thì chẳng bao giờ em cầu mong quá vọng, ước ao được mười phần ưu việt hơn thực chất, nhưng vì chàng, em chỉ mong muốn được hai chục lần làm tăng gấp ba những tài đức của em, được đẹp hơn lên gấp nghìn lần, giàu hơn lên gấp vạn lần, và như vậy chỉ là để trở thành quý giá hơn đối với mắt chàng. Em chỉ mong muốn vượt tất cả mọi giá về tài đức, về dung nhan, về của cải, về tình bằng hữu. Nhưng tổng số giá trị của em, đại khái có thể xác định như sau : một cô thiếu nữ dốt nát, ít học thức, không kinh nghiệm, có cái may mắn là chưa già đến nỗi không còn khả năng học hỏi, lại may mắn hơn nữa, là trí óc thuần thục của cô ta hoàn toàn trông cậy ở chàng ra công dìu dắt, như trông cậy ở bậc chúa, bậc thầy, bậc vua của mình. Bản thân em và tất cả mọi thứ thuộc quyền em, đều thuộc về chàng, đều đã trở thành sở hữu của chàng ; vừa mới một giây phút trước đây, em đương là lãnh chúa của tòa nhà đẹp đẽ này, là chủ nhân của những kẻ hầu người hạ của em, là vương hậu của chính mình, thế mà bây giờ, ngay từ bây giờ, ngôi

nhà này, những kẻ hầu hạ kia và bản thân em, chúng em là của chàng, hỡi chúa của em, em đem chúng em hiến chàng với chiếc nhẫn này ; nếu chàng rời bỏ nó, nếu chàng đánh mất, nếu chàng đem cho[12], thì đó sẽ là triệu chứng tình yêu của chàng kết liễu, và em sẽ chẳng còn cái quyền nào khác hơn là cái quyền oán hận chàng.

TUẤN ĐÔ dịch

(*Hài kịch Sêcxpia*, tập I, NXB Văn học, Hà Nội, 1979)

Chú thích

* Kịch biên niên sử Anh : kịch lấy đề tài trong lịch sử Anh, được sử gia Hôlinset biên soạn, nhan đề *Biên niên sử Anh, Ailen và Xcôtlen.* (1) Porxia đã yêu Baxaniô nên lo sợ nếu cuộc lựa chọn không đúng, nàng sẽ mất chàng. (2) *Hecquyn :* tên La Mã của người anh hùng Hi Lạp Hêraclex, người có sức khỏe phi thường. (3) *Mac :* tên La Mã của thần Chiến tranh, tên Hi Lạp là Arex. (4) *Ngoại biểu :* vật biểu thị ra ngoài cho người ta biết đó là ai. (5) *Nhẹ :* ở đây hiểu theo nghĩa nhẹ về đức hạnh (dễ sa ngã, dễ bị dục vọng cám dỗ). (6) Ý nói bộ tóc giả. (7) Thành kiến chủng tộc ở nước Anh thời đó. (8) *Miđax :* vua xứ Phrigi, được thần Băcquyx (tên Hi Lạp là Điônidôx) ban cho phép biến thành vàng tất cả cái gì ông sờ đến. Nhưng vừa được ban phép xong thì tất cả mọi thứ, cả đến thức ăn của ông, đều bị biến thành vàng khi ông chạm phải. Miđax phải xin thần Băcquyx giải cho ông cái phép đó ; thần ra lệnh cho ông xuống tắm trong dòng sông Păcton ; từ đó dòng nước cuồn cuộn đem theo những mảy vàng lấp lánh. (9) *Á thần :* được coi gần như là thần. (10) *Tụng dương :* ca tụng và biểu dương. (11) *Hoa tiên :* giấy có in hoa chìm dùng để viết thư, có tính chất quý phái. (12) Đúng là sau này Baxaniô đem cho chiếc nhẫn này, nhưng lại cho chính Porxia lúc đó đang cải trang làm quan tòa.

thuongmaitr

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

Đoạn trích nằm ở tuyến tình tiết thứ hai của vở kịch (tuyến tình tiết thứ nhất là câu chuyện mâu thuẫn giữa Antôniô và Sailôc). Qua câu chuyện tình duyên của Baxaniô và Porxia, Sêcxpia đề cập vấn đề mâu thuẫn giữa hình thức bên ngoài và nội dung bên trong (bởi người đời thường quý trọng vẻ ngoài mà ít khi hiểu biết thực chất bên trong).

1. Hãy phân tích mâu thuẫn trong tâm trạng Baxaniô khi bước vào cuộc lựa chọn. Baxaniô yêu Porxia, tất nhiên chàng cũng quý trọng Porxia như

vàng, nhưng vì sao chàng lại không chọn hòm vàng, cả hòm bạc nữa, mà lại chọn hòm chì ? Suy tư nào đã dẫn dắt chàng như vậy ? Và quyết định đó nói lên điều gì ở Baxaniô ?

2. Trong khi Baxaniô lựa chọn, tâm trạng nàng Porxia đã diễn biến như thế nào ?

3. Tác giả đã dùng những biện pháp gì (qua lời Baxaniô) để miêu tả chân dung Porxia ? Để biểu lộ sự choáng ngợp của người thắng cuộc, Sêcxpia đã sử dụng nghệ thuật gì ? (Liên hệ với Hômerơ).

4. Tìm hiểu nghệ thuật thể hiện cái hài trong đoạn văn (Chú ý những ngoa dụ, phóng đại và giọng điệu ngôn ngữ). Tính chất hài đó nói lên điều gì ?

BÀI 5

TAM QUỐC DIỄN NGHĨA

TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM

tuongxua.vn

I - SƠ LƯỢC VỀ TIỂU THUYẾT CỔ ĐIỂN TRUNG QUỐC

1. Tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc với những tác phẩm nổi tiếng như *Tam quốc diễn nghĩa, Thủy hử truyện, Tây du kí, Liêu trai chí dị, Nho lâm ngoại sử, Hồng lâu mộng,* v.v... đã giữ vị trí xứng đáng trong lịch sử văn học Trung Quốc và làm phong phú kho tàng văn học nhân loại. Thời kì phát triển của loại tiểu thuyết này là thời Minh - Thanh (1368 - 1911).

Thời Minh (1368 - 1644) bắt đầu từ khi Chu Nguyên Chương (Minh Thành Tổ) lật đổ sự thống trị Mông - Nguyên, xây dựng chính quyền thống nhất Hán tộc. Để củng cố nền thống trị, Chu Nguyên Chương vừa xây dựng chế độ trung ương tập quyền, vừa thi hành chính sách kinh tế tiến bộ, khuyến khích sản xuất phát triển. Nhưng từ giữa đời Minh về sau thì tình hình chính trị hết sức đen tối, xã hội rối loạn, bọn hoạn quan chuyên quyền, nhân dân lâm vào cảnh đói kém lầm than. Nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân bùng nổ. Dưới sự lãnh

đạo của Lí Tự Thành, Trương Hiến Trung, quân khởi nghĩa chiếm lĩnh nhiều nơi, họ đánh đến tận Bắc Kinh. Chính vào lúc này, bọn đại địa chủ nhà Minh đã nhờ quân Mãn Châu ở phía bắc vào để đánh bại quân khởi nghĩa. Nhưng sau đó nhà Minh thất bại. Nhà Thanh (1644 - 1911) thành lập.

Sau khi lên nắm chính quyền, giai cấp thống trị Mãn Thanh tiếp tục đàn áp các cuộc khởi nghĩa và xây dựng chính quyền chuyên chế trung ương. Chúng bắt người Trung Quốc theo phong tục Mãn Thanh : mặc áo dài, tết đuôi sam. Lúc này mâu thuẫn dân tộc trở thành chủ yếu. Điều đáng chú ý là quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Trung Quốc đã nảy mầm từ giữa đời Minh đến giai đoạn này vẫn không ngừng phát triển. Quan hệ mậu dịch với nước ngoài cũng được mở rộng. Người Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Hà Lan, Anh lần lượt đến Trung Quốc. Khoa học phương Tây cũng nhân đó được truyền vào và có tác dụng nhất định đối với sự phát triển kinh tế và văn hóa của Trung Quốc.

Minh - Thanh là giai đoạn cuối cùng của sự phát triển văn học cổ Trung Quốc. Trong giai đoạn này ngoài kịch, thơ và tản văn thì tiểu thuyết là thể loại phát triển mạnh nhất.

thuongmaitr

2. Gọi tiểu thuyết Minh - Thanh là tiểu thuyết chương hồi vì loại tiểu thuyết này được chia thành nhiều hồi, như *Tam quốc diễn nghĩa* có 120 hồi, *Thủy hử truyện* 120 hồi, *Tây du kí* 100 hồi, v.v... Mỗi hồi có một hoặc vài sự việc. Những sự việc xảy ra theo trình tự thời gian, việc trước nói trước, việc sau nói sau. Cuối mỗi hồi thường có câu *Hạ hồi phân giải* (muốn biết sự việc như thế nào xem hồi sau sẽ rõ), kết thúc vào những lúc mâu thuẫn phát triển đến cao trào. Trong loại tiểu thuyết này, tính cách nhân vật được hình thành từ hành động của chính nhân vật, tác giả ít xen vào những đoạn giới thiệu, ít chú trọng miêu tả tâm lí. Nhân vật hoạt động trong một địa bàn rộng lớn, trong sự xung đột sâu sắc giữa các thế lực đối lập. Trong cách mô tả, tác giả thường sử dụng những đặc điểm của truyện kể. Mở đầu là kể khái quát từ những chuyện của thời xa xôi rồi mới đi vào triều đại liên quan đến cốt truyện. Dẫn truyện bằng mấy câu thơ, kết thúc bằng một vài bài vịnh. Đó là những đặc điểm nổi bật của loại tiểu thuyết chương hồi này.

Tiểu thuyết đời Minh vốn bắt nguồn từ những truyện kể dân gian, được các nhà văn đời sau sưu tầm chỉnh lí, nên dấu ấn truyện kể còn khá đậm.

Tiểu thuyết đời Thanh là một bước phát triển mới, phần lớn là sáng tác của cá nhân nhà văn. Họ xây dựng cốt truyện và hình tượng nhân vật bằng hư cấu. Tình tiết và cốt truyện của những bộ tiểu thuyết này lấy từ những sinh hoạt bình thường trong cuộc sống hiện thực. Chính vì lẽ đó mà cách miêu tả không công thức và ước lệ như trước, tâm trạng, tính cách nhân vật cũng phức tạp hơn nhiều.

II – "TAM QUỐC DIỄN NGHĨA"[1] CỦA LA QUÁN TRUNG

1. *Tam quốc diễn nghĩa* gọi tắt là *Tam quốc* ra đời vào khoảng giữa thế kỉ XIV. Đây là bộ tiểu thuyết chương hồi dài do La Quán Trung căn cứ vào tài liệu lịch sử và truyền thuyết dân gian mà viết ra.

La Quán Trung (1330 - 1400) tên là Bản, tự Quán Trung. Có sách nói, ông có liên lạc với cuộc khởi nghĩa của Trương Sĩ Thành cuối đời Nguyên. Ngoài *Tam quốc diễn nghĩa*, La Quán Trung còn viết một số bộ sử diễn nghĩa nhưng hầu hết bị thất truyền.

2. Trong *Tam quốc diễn nghĩa*, La Quán Trung miêu tả cuộc đấu tranh phức tạp giữa các tập đoàn quân sự khác nhau trong nội bộ giai cấp thống trị phong kiến thời Tam quốc, nhằm vạch trần bản chất tàn bạo, giả dối của giai cấp thống trị, phản ánh cuộc sống loạn li, bi thảm của nhân dân, và thể hiện ước mơ của họ về việc xuất hiện những ông vua hiền, tướng giỏi.

Trước hết bằng những hình tượng sinh động, La Quán Trung phác họa bộ mặt phá hoại ghê gớm của các tập đoàn quân phiệt. Cuộc đại hỗn loạn do tập đoàn Đổng Trác gây ra khiến hai kinh đô Trường An, Lạc Dương trước kia phồn thịnh biết bao nay thành nơi vắng vẻ, tiêu điều, trong thành không có dấu chân người. Ở Lạc Dương "nhân dân chỉ còn lại trăm nóc nhà, không có gì ăn, phải ra ngoài thành bóc vỏ cây, đào rễ cỏ..." (Hồi mười bốn). Giữa mùa xuân khi dân Dương Thành đang tụ tập tế lễ, "... Trác ra lệnh cho quân lính vây chặt lại, chém giết sạch, cướp đàn bà của cải chất lên đầy xe, treo hơn

một nghìn cái đầu ở dưới xe rồi trở về thành, phao tin là giết được giặc..." (Hồi sáu). Tác giả đã ngậm ngùi "nhìn thấy kinh thành bị tàn phá, dù là người sắt không có nước mắt cũng phải xót xa !".

Trong thời đại hỗn loạn đó, nguyện vọng duy nhất của nhân dân là có những con người biết thi hành đường lối tiến bộ, đem lại hòa bình, thịnh vượng cho đất nước. Đó cũng là lí do để giải thích tại sao trong *Tam quốc diễn nghĩa* xuất hiện hàng loạt những văn quan võ tướng của giai cấp thống trị phong kiến nhưng lại mang đầy đủ những phẩm chất tốt đẹp của nhân dân như Lưu Bị, Quan Công, Trương Phi, Triệu Tử Long, Gia Cát Lượng, Hoàng Trung, v.v...

Tam quốc diễn nghĩa còn là kho tàng kinh nghiệm phong phú về chiến lược chiến thuật, là cuốn binh thư có giá trị của lịch sử chiến tranh trong xã hội phong kiến. Kinh nghiệm kết hợp đấu tranh chính trị, đấu tranh vũ trang, đấu sức, đấu trí cũng được chứng minh đầy đủ trong tác phẩm.

Tam quốc diễn nghĩa còn đề cao nghĩa thủy chung sống chết có nhau của ba anh em Lưu, Quan, Trương. Quan hệ của Lưu, Quan, Trương là quan hệ vua tôi, nhưng tình nghĩa của họ lại là tình nghĩa anh em. Trước sau họ vẫn giữ trọn tình nghĩa thủy chung này. Quan Công là nhân vật tiêu biểu cho cái nghĩa đó. Ngày nay, một số hành động và phẩm chất của các nhân vật tích cực trong *Tam quốc diễn nghĩa* vẫn khiến chúng ta cảm phục.

Tam quốc diễn nghĩa được nhiều người ưa chuộng, một phần là do nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, một phần là do tính cách nhân vật được khắc họa đậm nét. Từ mỗi trang sách, Tào Tháo, Khổng Minh, Lưu Bị... hiện lên sống động trước mắt ta. Người Việt Nam rất thích *Tam quốc*. Những câu tục ngữ, thành ngữ của ta nhiều khi lấy nhân vật, điển tích trong *Tam quốc* là một trong những bằng chứng nói lên sự hâm mộ đối với tác phẩm bất hủ này.

3. Tóm tắt tác phẩm

Chuyện phân tranh của ba tập đoàn Ngụy, Thục, Ngô bắt đầu từ năm 220 khi Tào Phi phế bỏ Hán Hiến Đế, lập nhà Ngụy, cho đến năm 280, Tư Mã Viêm diệt Ngô xây dựng nhà Tấn, nhưng *Tam quốc*

thuongmaitr

diễn nghĩa thì bắt đầu từ chuyện khởi nghĩa của nhóm "Khăn vàng" năm 184 và kết thúc khi cha con họ Tư Mã thống nhất Trung Quốc vào năm 280.

Vào thời Hán Hoàn Đế, Hán Linh Đế, nền chính trị nhà Hán thối nát cực độ. Nhà vua tin dùng lũ hoạn quan, ngoại thích (họ ngoại nhà vua). Bọn này lập phe đảng, vơ vét tài sản của dân. Chính sự trong triều đổ nát, bọn quan liêu địa chủ thừa cơ chiếm đoạt đất đai, tổ chức thành những tập đoàn quân phiệt vũ trang, ra sức chém giết đốt phá. Nạn hạn hán mất mùa liên tiếp xảy ra. Lòng người xáo động, các cuộc khởi nghĩa nông dân nổi lên. Cuộc khởi nghĩa "Khăn vàng" do ba anh em họ Trương lãnh đạo thu hút mấy mươi vạn quân tham gia.

Với danh nghĩa bảo vệ nhà vua, các tập đoàn quân phiệt ra sức đàn áp và dập tắt nghĩa quân "Khăn vàng".

Sau khi nghĩa quân bị tiêu diệt, các tập đoàn quân phiệt quay ra chém giết lẫn nhau, mỗi kẻ chiếm cứ một phương. Trước hết là đội quân hỗn hợp của tập đoàn Đổng Trác. Tập đoàn này tác oai tác quái trong triều, ra sức giết hại dân lành. Để dẹp loạn Đổng Trác, 17 đạo quân địa phương đứng đầu là Viên Thiệu tiến vào Lạc Dương. Trong khi đánh dẹp Đổng Trác, các tập đoàn quân phiệt không ngừng tăng cường thế lực, mạnh nhất có Viên Thiệu, Viên Thuật, Tào Tháo... Trong khoảng mười năm trời, Tào Tháo tập trung lực lượng tiêu diệt anh em họ Viên, thống nhất phương Bắc, chấm dứt thế lực của bọn quan liêu địa chủ. Nhưng Tào Tháo sau đó lại ức hiếp vua, thao túng quyền bính trong triều, khiến một số quan lại bất bình trong đó có Lưu Bị. Lưu Bị cùng Quan Công, Trương Phi bỏ Lạc Dương về Tiểu Bái gây dựng lực lượng chờ thời cơ. Cục diện phân tranh giữa ba tập đoàn Lưu Bị, Tào Tháo, Tôn Quyền hình thành. Sau khi đại bại ở Xích Bích, lực lượng của Tào Tháo yếu đi, trong khi đó quân của Lưu Bị và quân của Tôn Quyền lại càng mạnh hơn do hai bên liên kết với nhau để đánh Tào. Tào Tháo mấy lần cất quân đi đánh Tôn Quyền, nhưng không thắng, lại đem quân đánh Lưu Bị, cũng không có kết quả, giữa chừng thì ốm chết. Tào Phi, con thứ của Tào Tháo phế bỏ nhà Hán lập nhà Ngụy. Quyền bính rơi dần vào tay Tư Mã Ý. Lưu Bị lên ngôi hoàng đế lập nhà Thục Hán, nhờ có các tướng

tuongxua.vn

giỏi như Quan Công, Trương Phi, Mã Siêu, Triệu Tử Long và các mưu sĩ có tài như Khổng Minh, Bàng Thống giúp sức nên lực lượng ngày càng mạnh. Sau khi Quan Công bị Tôn Quyền đánh bại, Lưu Bị cử đại quân đánh Ngô, nhưng bị đại bại tại Hào Đình, 40 doanh trại bị thiêu ra tro. Lưu Bị ốm chết, Lưu Thiện nối ngôi. Thừa tướng Gia Cát Lượng khôi phục chính sách "liên Ngô kháng Tào chủ trương Bắc phạt"(2). Tất cả những cố gắng đều không thay đổi được tình thế, Gia Cát Lượng bỏ mình tại Ngũ Nguyên Trượng sau một trận ốm. Năm 263, Lưu Thiện đầu hàng, nhà Thục bị diệt. Hai năm sau Tư Mã Sư (con Tư Mã Ý) phế bỏ nhà Ngụy lập nhà Tấn. Năm 280, hai mươi vạn quân của Tư Mã Viêm (cháu gọi Tư Mã Sư bằng bác) tiến vào Kiến Nghiệp, vua Tôn Hạo tự trói mình ra hàng. Nhà Tấn đã chấm dứt thế chân vạc và thống nhất Trung Quốc.

Đoạn giảng văn dưới đây là trích ở hồi 28 : *"Chém Sái Dương anh em hòa giải. Hồi Cổ Thành tôi chúa đoàn viên"*.

Chú thích

(1) *Tam quốc diễn nghĩa : tam quốc* là ba nước : Ngụy, Thục, Ngô ; *diễn nghĩa* là dựa theo lịch sử hoặc truyền thuyết mà diễn rộng ra rồi viết thành chương hồi, thành tiểu thuyết. (2) Trong *Tam quốc diễn nghĩa*, Gia Cát Lượng gọi là "Đông hòa Tôn Quyền, bắc cự Tào Tháo".

thuongmaitr

GIẢNG VĂN

HỒI TRỐNG CỔ THÀNH(*)

(Trích *Tam quốc diễn nghĩa*)

... Châu Thương theo Quan Công sang Nhữ Nam(1). Đi được vài ngày, trông xa xa trên đỉnh núi, có một tòa thành. Quan Công hỏi thổ dân là thành nào ? Thổ dân(2) nói :

– Đây gọi là Cổ Thành. Mấy tháng trước có một tướng tên gọi Trương Phi, dẫn vài mươi quân kị đến, đuổi quan huyện đi, chiếm lấy thành trì, mộ quân tậu ngựa, chứa cỏ tích lương(3), nay có đến năm ba nghìn quân mã. Chung quanh đây không ai dám chống lại.

Quan Công nghe nói, mừng rỡ vô cùng :

– Em ta từ khi ở Từ Châu thất tán[4], lâu nay vẫn không biết ở đâu, ai ngờ lại hóa ra ở đây!

Liền sai Tôn Càn vào thành báo tin, bảo Trương Phi ra đón hai chị[5].

Trương Phi từ khi trốn vào núi Mang Đãng, ở hơn một tháng. Một bữa ra ngoài nghe ngóng tin tức Huyền Đức, chợt đi qua Cổ Thành vào huyện vay lương thực. Quan huyện không cho vay. Phi nổi giận đuổi ngay quan huyện đi, cướp lấy ấn thụ[6], chiếm lấy thành trì, tạm lấy chốn nương thân.

Hôm ấy Tôn Càn theo lệnh Quan Công, vào thành ra mắt Trương Phi, thi lễ xong, nói chuyện Huyền Đức đã bỏ Viên Thiệu sang Nhữ Nam, Vân Trường thì ở Hứa Đô vừa đưa hai phu nhân đến đây. Rồi mời Trương Phi ra đón.

Phi nghe xong chẳng nói năng gì, lập tức mặc áo giáp vác mâu lên ngựa, dẫn một nghìn quân, đi tắt ra cửa bắc. Tôn Càn thấy lạ nhưng không dám hỏi, cũng phải theo ra thành.

uongxua.vn

Quan Công thấy Trương Phi ra, mừng rỡ vô cùng, giao long đao cho Châu Thương cầm, tế ngựa lại đón. Trương Phi mắt tròn xoe râu vểnh ngược, hò hét như sấm, múa xà mâu[7] chạy lại đâm Quan Công.

Quan Công giật mình, vội tránh mũi mâu hỏi :

– Hiền đệ cớ sao như thế, há quên nghĩa vườn đào ru ?[8]

Trương Phi hầm hầm quát :

– Mày đã bội nghĩa[9] còn mặt nào đến gặp tao nữa ?

Quan Công nói :

– Ta làm sao mà bội nghĩa ?

Trương Phi nói :

– Mày bỏ anh, hàng Tào Tháo được phong hầu phong tước[10], nay lại đến đây đánh lừa tao ! Phen này tao quyết liều sống chết với mày[11].

Quan Công nói :

– Chuyện này em không biết, ta cũng khó nói. May có hai chị ở đây, em đến mà hỏi.

Hai phu nhân nghe thấy thế, vội vàng vén màn xe, gọi :

– Chú Ba[12] sao lại thế ?

Phi nói :

– Xin hai chị hãy thong thả, để tôi giết thằng phụ nghĩa này đã, rồi sẽ mời hai chị vào thành.

Cam phu nhân nói :

– Khoan đã chú Ba, khoan đã ! Chớ hấp tấp mà làm càn bây giờ. Chú Hai không biết tin tức mọi người ở đâu, nên phải tạm nương mình bên Tào. Nay đã biết anh nhà ở Nhữ Nam, không ngại hiểm trở, đưa chị em ta đến đây. Chú không được nghĩ lầm như thế.

Mi phu nhân cũng nói :

– Chú Hai trước ở Hứa Đô, thực là bất đắc dĩ.

thuongmaitr

Phi nói :

– Hai chị bị nó lừa dối đấy. Trung thần thà chịu chết không chịu nhục. Có lẽ đâu đại trượng phu[13] lại thờ hai chủ !

Quan Công nói :

– Hiền đệ đừng nói vậy, oan uổng anh quá !

Tôn Càn nói :

– Vân Trường đến đây là cốt để tìm tướng quân.

Trương Phi mắng:

– Mày cũng nói láo, nó đâu có bụng tốt, nó lại đây là để bắt ta đó.

Quan Công nói :

– Nếu ta đến bắt em, tất phải đem theo quân mã chứ !

Trương Phi trỏ tay đàng xa nói :

– Không phải quân mã là gì kia ?

Trương Phi trên cầu Trường Bản (tranh khắc gỗ)

uongxua.vn

Quan Công ngoảnh đầu lại, quả nhiên thấy bụi bay mù mịt, một toán quân mã kéo đến, cờ hiệu phấp phới chính là cờ Tào. Trương Phi nổi giận nói :

– Bây giờ còn chối nữa không ?

Rồi múa bát xà mâu hăm hở trở lại đâm Quan Công. Quan Công vừa đỡ vừa can :

– Hiền đệ hãy khoan, xem ta chém tên tướng ấy, để tỏ lòng thực của ta.

Trương Phi nói :

– Nếu quả mày có lòng thực, ta đánh ba hồi trống mày phải chém được tên tướng ấy.

Quan Công nhận lời. Một lát quân Tào kéo đến. Sái Dương[14] đi đầu, vác đao tế ngựa chạy lại, quát to:

– Mày giết cháu tao là Tần Kì, lại trốn đến đây, tao phụng mệnh thừa tướng[15] đến bắt mày.

Quan Công chẳng nói một lời, múa long đao xô lại. Trương Phi thẳng cánh đánh trống, chưa dứt một hồi, đầu Sái Dương đã lăn dưới đất.

Quân Tào chạy tan tác. Quan Công bắt một tên lính cầm cờ hiệu hỏi chuyện đầu đuôi. Tên lính thưa :

– Sái Dương nghe tin tướng quân giết mất cháu ngoại là Tần Kì, nổi giận đùng đùng muốn sang Hà Bắc đánh nhau với tướng quân. Thừa tướng không cho đi, nên sai Sái Dương sang Nhữ Nam đánh Lưu Tích[16], không ngờ đi đến đây lại gặp tướng quân.

Quan Công sai tên lính đến kể chuyện cho Trương Phi nghe. Phi hỏi kĩ việc ở Hứa Đô, tên lính kể hết nông nỗi từ đầu đến cuối, bấy giờ Trương Phi mới tin anh là thực. Giữa lúc ấy, có quân đến báo :

– Ngoài cửa nam có vài mươi quân kị mã đi lại rất khẩn cấp không biết là những người nào ?

Phi lấy làm hồ nghi, chạy ra cửa nam xem, quả thấy một toán mươi quân kị mã đeo cung nhẹ, cài tên ngắn chạy lại. Thấy Phi, chúng vội vàng xuống ngựa. Phi nhìn ra thì là Mi Chúc và Mi Phương[17].

Trương Phi xuống ngựa chào hỏi, Chúc nói:

– Từ khi ở Từ Châu thất tán, hai anh em tôi trốn chạy về làng ở, sai người đi dò thăm tin tức, biết Quan Vân Trường đã hàng Tào Tháo, chúa công[18] thì ở Hà Bắc, lại nghe nói Giản Ung cũng sang Hà Bắc. Nhưng lại không biết tướng quân ở đây. Bữa nọ, gặp một bọn khách đi đường, nói chuyện có một tướng họ Trương, hình dáng như thế, chiếm cứ Cổ Thành. Anh em tôi đoán tất là tướng quân, nên lại đây tìm hỏi. Thực là may quá.

Phi nói :

– Vân Trường cùng Tôn Càn vừa đưa hai chị đến đây. Anh ta bây giờ ở đâu ta cũng biết cả rồi.

Hai anh em họ mừng rỡ vô cùng, cùng đến chào Quan Công, vừa bái kiến hai phu nhân.

Phi mời hai chị vào thành.

Vào đến nhà, hai bà mới kể lại những việc Quan Công đã trải qua. Trương Phi nghe hết chuyện, rỏ nước mắt khóc, thụp xuống lạy Vân Trường...

PHAN KẾ BÍNH dịch

(*Tam quốc diễn nghĩa*, NXB Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, Hà Nội, 1988)

Chú thích

(*) Tên đoạn trích do người biên soạn đặt. (1) Những sự kiện chính của phần trước đoạn trích là : Lưu Bị cùng 6 người : Đổng Thừa, Vương Tử Phục ... bàn mưu kế chống lại Tào Tháo, bị bại lộ, Tào Tháo giết bọn Đổng Thừa rồi dẫn 20 vạn quân đánh Lưu Bị. Ba anh em Lưu, Quan, Trương thua trận mỗi người chạy một ngả. Lưu Bị chạy sang Nhữ Nam ở nhờ Viên Thiệu, Quan Công ở Thổ Sơn, Trương Phi ở Cổ Thành. Cả ba đang ngóng tin nhau. Quan Công theo lời Trương Liêu về ở với Tào Tháo, nhưng ra điều kiện hễ biết được Lưu Bị ở đâu là sẽ về với Lưu Bị. Tào Tháo chấp thuận và đối xử với Quan Công rất hậu. Khi được tin Lưu Bị đang ở bên Viên Thiệu, Quan Công gói ấn tín, vàng ngọc trả Tào Tháo. Trên đường về Nhữ Nam, Quan Công gặp Trương Phi tại Cổ Thành. (2) *Thổ dân :* dân ở địa phương. (3) *Chứa cỏ tích lương :* để dành cỏ cho ngựa ăn, dồn chứa lương thực cho quân đội. (4) *Thất tán :* tan tác, thất lạc đi nhiều nơi. (5) *Hai chị :* Cam phu nhân và Mi phu nhân, vợ Lưu Bị. (6) *Ấn thụ :* con dấu của vua, quan. (7) *Xà mâu :* một loại vũ khí dài, nhọn, uốn khúc như hình con rắn. (8) Trước khi gây dựng cơ nghiệp, Lưu Bị, Quan Công, Trương Phi làm lễ tế trời đất ở vườn đào. Họ thề rằng : "... Dẫu rằng khác họ, song đã kết thành anh em, thì phải cùng lòng hợp sức, cứu khốn phò nguy, trên báo đền nợ nước, dưới yên lòng dân...". Việc làm này của ba anh em Lưu, Quan, Trương gọi là "Kết nghĩa vườn đào". (9) Ý nói Quan Công phản lại lời thề xưa ở vườn đào. (10) *Hầu :* là một tước phong ngày xưa sau tước công. (11) Trương Phi cho rằng Quan Công về với Tào Tháo là phản bội nhà Hán, phản bội lời thề kết nghĩa vườn đào thuở xưa. (12) Tại vườn đào, ba người thề xong bèn tôn Lưu Bị làm anh cả, Quan Công thứ hai, Trương Phi thứ ba. (13) *Đại trượng phu :* người đàn ông có chí khí hơn người. (14) *Sái Dương :* tướng của Tào Tháo. (15) *Thừa tướng :* chức quan đầu triều, chỉ Tào Tháo. (16) *Lưu Tích :* bộ hạ của nghĩa quân "Khăn vàng". (17) *Mi Phương, Mi Chúc :* người của Lưu Bị, anh em của Mi phu nhân. (18) *Chúa công :* tức Lưu Bị.

truongxua.vn

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Tiểu thuyết chương hồi Trung Quốc ra đời vào thời nào? Tại sao gọi là tiểu thuyết chương hồi ? Tiểu thuyết chương hồi có những đặc điểm gì ?

2. Vì lẽ gì Trương Phi phẫn nộ đòi giết Quan Công ? Giải thích tại sao mâu thuẫn thứ nhất giữa Quan Công và Trương Phi chưa giải quyết, tác giả lại bồi thêm mâu thuẫn thứ hai giữa Quan Công và Sái Dương ? Cách xây dựng mâu thuẫn như thế có ý nghĩa gì ?

3. Phân tích tính cách của Trương Phi được bộc lộ trong đoạn văn. Nhà văn miêu tả tính cách Trương Phi như thế có hợp lí không ?

4. Kết cấu của đoạn văn giống kết cấu một vở kịch có xung đột, cao trào, giải quyết xung đột. Xung đột ở đây thể hiện ở chỗ nào ? Tác giả giải quyết xung đột như thế nào ?

ĐỌC THÊM

thuongmaitr

TỊCH PHƯƠNG BÌNH

(Trích *Liêu trai chí dị*[1])

BỒ TÙNG LINH

Bồ Tùng Linh (1640 – 1716) tên chữ là Lưu Tiên, hiệu là Liễu Tuyền, người tỉnh Sơn Đông.

*Bồ Tùng Linh ngay từ hồi còn trẻ đã nhiệt tình say sưa với việc thi cử, nhưng mãi đến năm bảy mươi mốt tuổi mới đỗ Tuế cống sinh (Tú tài). Chưa kịp thi thố tài năng thì bốn năm sau Bồ Tùng Linh qua đời, để lại một tác phẩm thuộc loại hàng đầu của văn học cổ Trung Quốc : **Liêu trai chí dị.***

***Liêu trai chí dị** có 431 truyện do Bồ Tùng Linh sưu tầm trong dân gian hoặc rút từ những truyện ma quái ra đời trước đó, rồi gia công sáng tạo thêm.*

***Liêu trai chí dị** tuy kể những chuyện ma quái, thần tiên nhưng là một tác phẩm có giá trị hiện thực sâu sắc. Trong nhiều truyện, tác giả khéo léo*

đả kích giai cấp thống trị từ vua đến quan, bọn cường hào ác bá, bọn nho sĩ dốt nát, đồng thời tác phẩm cũng nói lên khát vọng con người được tự do yêu đương, được sống hạnh phúc.

Tịch Phương Bình là một truyện ngắn trong ***Liêu trai chí dị****. Trong truyện, bộ máy cai trị nơi âm ti địa ngục cũng là hình bóng cơ cấu chính quyền trong hiện thực cuộc sống. Thành hoàng, viên quan đầu quận, Diêm Vương, kể cả lũ quỷ sứ đầu trâu mặt ngựa cấu kết với nhau hành hạ những người vô tội. Ở đây bạo lực thay cho công lí, đồng tiền thay cho chính nghĩa, đúng như Nhị Lang nói : "Mùi tiền tanh còn sai khiến được quỷ, sức bạc mạnh thông suốt thẳng đến thần". Tịch Phương Bình bất chấp mọi hình phạt, gạt sang một bên mọi lời lừa phỉnh, chàng xuống tận âm ti, lên thẳng thiên đình chỉ cốt cứu cha khỏi những oan ức. Tịch nói: "Oan này chưa trả, chết cũng không thôi". Hành động hiên ngang bất khuất trước thế lực tàn bạo đó của Tịch Phương Bình tượng trưng cho ý chí đấu tranh của nhân dân chống lại cường quyền và áp bức bất công trong xã hội.*

*

* *

truongxua.vn

Tịch Phương Bình, người Đông An[2], cha tên là Liêm, thẳng tính nhưng nóng vụng ; nhân cùng một người nhà giàu họ Dương trong làng có chuyện hiềm khích. Họ Dương chết trước, mấy năm sau Liêm mắc bệnh nguy kịch, bảo mọi người rằng :

– Lão Dương nay đang lo lót ở dưới âm ti, sai người bắt tôi.

Được một chốc, mình mẩy tấy đỏ lên, kêu gào mấy tiếng rồi chết.

Tịch buồn thảm, không ăn, nói :

– Cha tôi thực thà, chất phác, nay bị loài quỷ dữ lăng nhục, tôi phải đánh đường xuống đất[3] thân oan cho cha mới được.

Từ bấy giờ không nói năng gì nữa, lúc thì ngồi, lúc lại đứng, tình trạng giống hệt như người ngây, thì ra hồn đã lìa khỏi xác.

Thoạt đầu, Tịch cảm thấy mình ra khỏi cửa, không biết đi đâu. Nhìn trên đường thấy có người đi, bèn hỏi thăm đâu là thành quách của ấp. Một lát, vào đến thành, thì cha mình đã bị giam vào ngục. Đi đến cửa ngục, xa xa trông thấy cha đang nằm dưới thềm, có vẻ khổ sở lắm. Ngước lên nhìn thấy con, nước mắt bỗng trào ra, liền gọi :

– Bọn lại ngục đứa nào cũng nhận hối lộ và được rỉ tai trước cả, nên ngày đêm đánh đập tra khảo, đùi vế dập nát đến tệ hại.

Tịch nổi nóng, lớn tiếng mắng quân canh ngục :

– Nếu như cha ta có tội, thì đã có phép vua, đồ quỷ chết rấp chúng bay, há lại có thể hoành hành như thế được sao ?

Mắng rồi bèn trở ra, kiếm giấy bút làm đơn. Vừa gặp phiên hầu buổi sớm của Thành hoàng[4]. Chàng đệ đơn lên kêu oan. Họ Dương sợ, đút lót từ trong đến ngoài rồi mới ra công đường đối chất. Thành hoàng lấy cớ lời tố cáo của Tịch không có bằng cứ, chẳng coi ra gì cả. Tịch uất ức mà không còn chỗ nào để giãi bày, bèn cứ mò mẫm mà đi, chừng hơn trăm dặm thì đến quận, đem tình trạng quan lại, chức dịch tư túi, trình lên viên quan đầu quận. Việc trì hoãn đến nửa tháng mới được đem ra xử. Quan quận cho Tịch một trận đòn, rồi phê vào đơn, trả về cho Thành hoàng xét lại án.

Tịch trở về ấp cũ, chịu đủ mọi thứ gông cùm, đau đớn oan ức không biết trút đi đâu cho hả. Thành hoàng sợ chàng lại kiện nữa, bèn sai nha dịch áp giải về nhà. Nha dịch đưa về đến cổng mới bỏ đi. Tịch không chịu vào, lại trốn xuống cõi âm, đến tận phủ Diêm Vương, tố cáo tội tham tàn của quận và ấp. Diêm Vương lập tức cho bắt cả hai đến đối chất. Hai viên quan mật sai người tâm phúc đến thương thuyết với Tịch, hứa biếu Tịch ngàn vàng. Tịch không nghe. Mấy hôm sau, chủ nhà trọ nói với Tịch rằng :

– Anh giữ ý khăng khăng quá, quan phủ đã cầu hòa mà cứ cố chấp không nghe. Nay nghe đâu người nào cũng đều có thư riêng dâng lên Diêm Vương, sợ hỏng việc mất.

Tịch cho là lời đồn vu vơ ngoài đường, cũng chưa tin lắm. Chốc lát có người mặc áo đen[5] gọi vào hầu.

Lên giữa công đường, trông thấy Diêm Vương mặt có sắc giận không cho nói năng gì, truyền đánh ngay hai mươi roi. Tịch xẵng giọng hỏi :

– Kẻ tiểu nhân này có tội gì ?

Diêm Vương tảng lờ như không nghe. Tịch chịu đòn, kêu to lên :

– Phải đòn là đáng lắm ! Ai bảo mi[6] không có tiền !

Diêm Vương càng giận, truyền đặt lên giường lửa. Hai tên quỷ liền tóm hai chân Tịch. Trông sang thềm phía đông thấy có chiếc giường sắt, lửa đốt ở phía trước, cả mặt giường đều đỏ rực. Bọn quỷ cởi áo Tịch ra, bắt chàng

đặt lên giường đưa tay lăn qua lăn lại. Đau buốt, xương thịt cháy đen, khổ không chết đi được. Ước chừng hơn một giờ quỷ bảo :

– Đủ rồi !

Bèn đỡ chàng dậy, bắt xuống giường mặc áo, may còn tập tễnh mà đi được. Lại dẫn đến trước công đường. Diêm Vương hỏi :

– Còn dám kiện nữa không ?

Tịch đáp :

– Oan to chưa giải, tấc lòng này vẫn không nguội lạnh ! Nếu nói rằng không kiện nữa thì chính là lừa dối đại vương thôi. Nhất định còn kiện nữa !

– Lấy lời lẽ gì mà kiện ?

Tịch đáp :

– Những cái thân tôi đang phải chịu đây, đều là lời lẽ cả đấy.

Diêm Vương lại nổi giận, hạ lệnh dùng cưa, xẻ thân thể chàng. Hai tên quỷ liền kéo đi, nhìn thấy một cây gỗ dựng đứng cao hơn tám chín thước, lại có hai tấm ván đặt ngửa ở phía dưới ; từ trên xuống dưới máu còn đọng bê bết. Đang sắp chịu trói, bỗng trên công đường có tiếng gọi to :

– Họ Tịch kia !

Hai tên quỷ lại điệu chàng về ngay chỗ cũ. Diêm Vương lại hỏi :

– Còn dám kiện nữa không ?

Đáp rằng :

– Nhất định kiện nữa !

Diêm Vương truyền lệnh bắt ra cưa mau. Đến dưới cây gỗ, bọn quỷ bèn dùng hai mảnh ván kẹp Tịch vào giữa, rồi trói vào thân cây. Lưỡi cưa vừa hạ xuống, đã cảm thấy đỉnh đầu tách dần ra, đau không sao chịu nổi, nhưng cũng cố chịu đau không kêu. Nghe bọn quỷ nói với nhau :

– Gan thay anh chàng này !

Lưỡi cưa đưa xoèn xoẹt, xuống dần đến dưới ngực. Lại nghe một tên quỷ nói :

– Người này chí hiếu, không có tội gì, hãy cho chệch lưỡi cưa đi một tí, đừng để hại đến quả tim của hắn.

Liền cảm thấy lưỡi cưa cong chênh chếch mà ấn xuống, càng đau đớn khổ sở gấp bội. Chỉ giây lát, nửa thân đã tách rời. Vừa cởi ván ra, hai mảnh thân đều đổ ụp. Quỷ lên công đường lớn tiếng trình báo. Trên công đường truyền gọi, bảo khớp thân thể lại, rồi lên bái kiến. Hai tên quỷ tức thì đưa tay đẩy, khiến cho hai mảnh thân hợp ngay lại, rồi kéo dậy bảo đi. Tịch cảm thấy ở chỗ đường cưa đã dính liền đau nhức nhối chừng như lại muốn xẻ ra, đi nửa bước lại ngã dúi. Một tên quỷ rút ngay dải thắt lưng bằng dây tơ của mình ra, trao cho chàng, nói :

– Tặng cái này, để đền đáp lòng hiếu của ngươi.

Chàng nhận lấy đeo vào thì thân thể đột nhiên khỏe khoắn trở lại không còn nhức nhối khổ sở chút nào. Bèn lên công đường sụp lạy. Diêm Vương lại vẫn hỏi như trước. Tịch sợ lại phải tái diễn những cực hình tàn ác, bèn đáp rằng không kiện nữa. Diêm Vương lập tức ra lệnh đưa chàng trở về dương gian. Sai nha đưa ra khỏi cửa Bắc chỉ về đường về cho chàng rồi quay đi. Tịch nghĩ các công sở dưới cõi âm lại còn mờ ám hơn ở trên trần thế, nhưng không còn đường nào để kêu thấu đến tai Thượng Đế thì biết làm gì được ! Thế gian vẫn truyền rằng có thần Nhị Lang[7] ở Quán Khẩu là thân thuộc về bên ngoại của Thượng Đế. Vị thần này công minh chính trực, đến đấy kêu, tất có linh ứng khác thường. Lại mừng thầm hai tên sai nha đã đi rồi, bèn quay sang hướng nam. Giữa lúc đang rong ruổi, bỗng có hai người đuổi theo nói :

– Đại vương ngờ ngươi không chịu về, nay quả thế thực.

Rồi tóm lấy chàng, đưa trở lại yết kiến Diêm Vương. Bụng nghĩ chắc Diêm Vương sẽ càng bực bội hơn, tai vạ lại càng thảm khốc, ấy thế mà Diêm Vương không hề có sắc giận, chỉ bảo Tịch rằng :

– Lòng hiếu của ngươi thực chí thành. Những nỗi oan của cha ngươi, ta đã rửa sạch rồi. Nay đã được đầu thai vào nhà giàu sang, chẳng cần ngươi phải kêu nài làm gì nữa. Nay đưa ngươi về, cho ngươi một sản nghiệp đáng giá nghìn vàng, lại ban cho tuổi thọ, thì đã mãn nguyện hay chưa ?

Bèn ghi vào sổ, đóng ấn lớn vào, sai lính đưa cho nhìn tận mắt. Tịch tạ ơn lui xuống. Quỷ đưa chàng trở ra. Ra đến đường đuổi và mắng rằng :

– Thằng giặc gian hoạt này, luôn luôn tráo trở, khiến cho người ta phải chạy ngược chạy xuôi muốn chết ! Nếu còn tái phạm thì phải bắt mà bỏ vào cối xay lớn, nghiền cho nát nhừ ra.

thuongmaitr

Tịch trừng mắt quát :

– Đồ ma quỷ làm gì thế ? Tính ta chịu được dao cưa, nhưng không chịu được roi vọt đâu. Xin hãy trở lại yết kiến đại vương, nếu vương cho ta tự về lấy, thì cũng chẳng việc gì phải vất vả các anh đưa tiễn.

Nói rồi liền chạy trở lại. Hai tên quỷ sợ, dùng lời ôn tồn khuyên dỗ chàng về. Tịch cố đi thật chậm rãi, đi được vài bước lại nghỉ ở bên đường. Quỷ nuốt giận không dám nói gì nữa. Chừng nửa ngày, đến một thôn kia, có ngôi nhà cánh cửa nửa mở nửa khép, quỷ kéo chàng cùng ngồi xuống. Tịch nhân tiện ngồi tựa trên bậc cửa. Hai tên quỷ thừa lúc chàng không để phòng, đẩy luôn chàng vào bên trong cửa. Chàng thất đảm, kịp định thần nhìn lại, thì thân mình đã hóa thành đứa trẻ sơ sinh. Phẫn uất, chỉ kêu khóc, không bú, ba ngày sau chết.

Vong hồn phiêu diêu đây đó mà vẫn không quên Quán Khẩu. Bôn tẩu chừng vài chục dặm, bỗng thấy một cỗ xe cẩm lọng lông chim đi tới, cờ quạt, kiếm kích đứng chắn ngang đường. Đang vượt đường để tránh, chẳng may chạm vào nghi trượng, chàng bị mấy người cưỡi ngựa đi trước bắt được, trói lại, giải đến trước xe. Ngẩng lên thấy ở trong xe có một người trai trẻ, tướng mạo khôi ngô, kì vĩ, hỏi Tịch là người nào ? Giữa lúc lòng đầy oan ức mà chưa có chỗ để tuôn ra, lại nghĩ đây tất là một vị quan lớn, hoặc giả cũng là người có thể ra oai tác phúc được, Tịch bèn kể hết mọi nỗi thống khổ đau đớn của mình. Người trong xe truyền lệnh cởi trói cho chàng, và bảo đi theo sau xe. Lát sau, đến một nơi, có hơn mười viên quan, ra đón ở bên đường. Người ngồi trong xe hỏi han từng người một. Thế rồi, trỏ vào Tịch, bảo một vị quan rằng :

– Đây là người dưới âm, đang muốn đến đây tố tụng. Nên giúp anh ta làm rõ trắng đen ngay.

Tịch hỏi dò những người theo hầu, mới biết người ngồi trong xe là Cửu Vương điện hạ[8], con trai Thượng Đế, còn người mà ông dặn dò chính là Nhị Lang. Tịch nhìn Nhị Lang mình cao râu rậm, không giống như lời thế gian vẫn đồn.

Sau khi Cửu Vương đi khỏi, Tịch theo Nhị Lang đến một tòa dinh thự, thì cha mình và họ Dương, cùng đám nha lại đều đã có mặt. Chỉ thoáng chốc, trong xe tù lại có những tù nhân bước ra, đó là Diêm Vương, viên quan đầu quận và Thành hoàng.

Tất cả đều phải lên công đường đối chất và thẩm vấn. Những lời Tịch khai không có một chỗ nào dối trá. Ba viên quan run lẩy bẩy, trông bộ dạng y như những con chuột bò mọp dưới đất. Nhị Lang cầm bút phê ngay bản án, khoảnh khắc sau truyền đưa phán quyết xuống cho mấy người can án cùng xem. Án rằng :

"Kẻ giữ ngôi báu dưới Diêm La, chức phong đến tước vương, thân chịu ơn Thượng Đế. Tự mình phải giữ lòng cao khiết, để nêu gương dẫn dắt quần thần. Không nên vấy mực đua tham, chuốc lấy tiếng gièm quan nhuốc. Thế mà cũng yên đai, kiếm kích, luống khoe phẩm trật cao sang. Gớm thay loài dê độc lang tham, làm điếm nhục cả nhân thần khí tiết. Đục đánh khăng, dùi liền đánh đục ; vợ con người còn trơ mối xương da, kình vồ cá, tôm bị cá vồ, mạng sâu kiến nhỏ nhoi đáng xót. Vậy nên vốc nước Tây Giang, vì ngươi rửa ruột ; tất phải : đốt giường Đông Bích, mời bác vào vò[9].

Thành hoàng, quận thú, là chức quan phụ mẫu của dân ; giúp Thượng Đế trâu dê chăn dắt. Dẫu phẩm trật đứng vào hàng thấp, mà tận tâm nào sợ gẫy lưng[10]. Hoặc có khi chịu sức ép quan trên ; người vững chí hẳn cũng cần cứng cổ. Thế mà : trên dưới vung tay làm điều làm ó, quên phắt đi dân chúng khốn cùng, lại nữa : dương dương đắc chí giảo hoạt gian manh, nào sá kể mình là quỷ đói. Vì của đút mà bẻ cong pháp luật, thật là quân dạ thú mặt người, cho nên cần phải rút tủy nhổ lông, liệt vào tội chết, kể cũng đáng lột da xé xác, bắt phải đầu thai.

Bọn sai nha : Đã phiên chế vào nha môn ma quỷ ; còn làm sao giữ được tính người ; nơi cửa công lẽ ra nên tu tỉnh hành vi, ngõ hầu còn có dịp hoàn sinh, chốn bể khổ cớ sao dám khuấy cho nổi sóng gây thêm một trời oan nghiệt ? Tung hoành như cường khấu, mặt chó gầy tháng sáu sinh sương[11] phá phách lại kêu làng, cậy oai hổ chặn đường chín ngả[12]. Chốn u minh mặc sức ra uy, ai cũng biết cai tù thần thế ; giúp hôn quan làm điều bạo ngược, người đều kinh đồ tể to quyền. Thật đáng đem ra trước pháp trường, chân tay chặt hết, lại phải ném vào nước sôi trong vạc, rút hết gân xương.

Dương Mỗ kia : Giàu có mà bất nhân, ranh ma thêm điều trá đem vàng chóe che trùm địa phủ, khiến cõi âm tăm tối mịt mù, điện Diêm La khuất lấp mây mù ; để hơi đồng xông thấu trời cao, làm trong thành chết uổng bao người, không được chứng đôi vầng nhật nguyệt. Mùi tiền tanh còn khiến sai được quỷ, sức bạc mạnh thông suốt thẳng đến thần. Cần tịch thu gia sản họ Dương ; để đền đáp hiếu tình chàng Tịch".

Lập tức áp giải phạm nhân ra núi Đông Nhạc thi hành bản án. Lại nói với Tịch Liêm :

– Nghĩ đến lòng hiếu thảo của con ngươi, và tính ngươi cũng hiền lành, vậy cho tăng tuổi thọ thêm ba kỉ nữa[13].

Nhân sai hai người đưa họ về làng. Tịch bèn sao chép lại bản án, trên đường đi hai cha con cùng xem. Về tới nhà Tịch tỉnh lại trước, bảo người nhà mở áo quan để nhìn cha thì xác còn cứng đờ, lạnh như băng. Đợi suốt một ngày, mới nóng dần lên rồi sau sống lại. Kịp đến khi tìm tờ sao bản án thì không thấy đâu nữa.

Từ đấy, nhà ngày càng thịnh ; trong khoảng ba năm ruộng tốt đầy đồng. Mà con cháu họ Dương thì trở nên nghèo hèn ; lầu gác, ruộng nương, hết thảy đều về tay họ Tịch. Trong làng cũng có người mua những ruộng ấy, đêm nằm mộng thấy thần nhân đến mắng :

– Đấy là sản vật của nhà họ Tịch, ngươi làm sao có được ?

Trước còn chưa tin lắm, đến khi trồng trọt, thì suốt năm không thu hoạch được lấy một đấu thóc ; vì thế lại phải bán về cho Tịch.

Cha Tịch sống đến hơn chín mươi tuổi mới mất.

tuongxua.vn

NGUYỄN HUỆ CHI dịch

(*Liêu trai chí dị*, NXB Văn học, Hà Nội, 1989)

Chú thích

(1) *Liêu trai chí dị : chí dị :* ghi chép những chuyện quái dị ; *Liêu trai :* hiện có nhiều cách giải thích khác nhau. Có người cho Liêu trai là tên một phòng đọc sách của Bồ Tùng Linh ; có người cho đó là một biệt danh của tác giả... (2) *Đông An :* tên một châu xưa, nay thuộc tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc. (3) Ý nói xuống âm phủ. (4) *Thành hoàng :* viên quan ở âm phủ coi một ấp. (5) *Người mặc áo đen :* là lính hầu ở các nha môn ngày trước. (6) *Mỗ :* Tịch Phương Bình tự nói về mình. (7) *Nhị Lang :* tức Dương Tiễn, cháu ngoại của Ngọc Hoàng Thượng Đế. (8) *Cửu vương điện hạ :* tiếng xưng hô của hoàng tử hoặc vua chư hầu. (9) Ý của câu này nói người giữ cán cân pháp luật mà bất minh thì phải xử theo pháp luật. Theo *Tự trị thông giám :* Chu Hưng là quan hữu thừa đời Đường cùng Lai Tuấn Thần, đều là những cai ngục tàn ác. Có lần Chu Hưng phạm tội, Võ Tắc Thiên sai Tuấn Thần thẩm vấn. Tuấn Thần đến hỏi Chu Hưng : Nếu thẩm vấn tội nhân mà chúng không chịu khai thì nên dùng cách gì ? Hưng bảo : Lấy một chiếc vò lớn nung đỏ lên rồi bỏ phạm nhân vào

đấy thì chúng phải khai ngay. Tuấn Thần làm như lời Hưng nói, xong bảo Hưng rằng : Trong cung có cáo giác anh phạm tội, vậy xin mời anh vào vò cho. Hưng sợ hãi, đành cúi đầu chịu tội... (10) Ý này lấy từ điển tích Đào Tiềm đời Tấn không vì mấy đấu gạo mà chịu gãy lưng. Ở đây, ý nói cúc cung tận tụy vì công việc. (11) *Mặt chó gầy tháng sáu sinh sương :* ý muốn hình dung khuôn mặt bọn nha lại nham hiểm, sắc trắng nhợt. Ngoài ra còn có ý : chính bọn quan lại đó bẻ cong pháp luật, muốn làm gì thì làm, nên dân chúng phải chịu nhiều oan khúc ; xuất xứ từ điển tích : Trâu Diễn thời Chiến Quốc trung thành với Yến Huệ Vương, khi bị Yến hạ ngục, Diễn ngửa mặt lên trời mà khóc. Trời cảm động nên mặc dầu đang giữa mùa hạ mà sương vẫn rơi xuống. (12) Tức con đường lớn, phần lớn là đường ở kinh đô... (13) Một kỉ là mười hai năm.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

Tịch Phương Bình là người của trần gian nhưng chàng phải đương đầu với Thành hoàng, Diêm Vương, quỷ sứ ở âm ti địa ngục. "Oán có đầu nợ có chủ", Tịch Phương Bình vượt mọi khó khăn đến một thế giới xa lạ để tìm cho được kẻ thù.

*Hầu hết những truyện ngắn trong **Liêu trai chí dị** đều mô tả những cuộc đấu trí và đấu sức như vậy. Những nhân vật trong truyện, dù là quỷ, hồ li, cáo thì chúng vẫn đấu tranh đến cùng để bảo vệ lẽ phải.*

Bồ Tùng Linh đứng về phía những người bị áp bức, thông cảm sâu sắc những cảnh ngộ đau khổ của người dân lương thiện bị chà đạp, Tịch Phương Bình là hiện thân của tác giả với khát vọng trả thù mãnh liệt. Nếu trong hiện thực trần gian không có những người bị lăng nhục, giày xéo thì tác giả khó có khả năng hư cấu những tình tiết như vậy.

*Truyện ngắn **Tịch Phương Bình** kể chuyện có thứ lớp, có bắt đầu, có kết thúc. Trong truyện tình tiết phát triển cả bề rộng lẫn bề sâu, mỗi lúc một éo le, phức tạp. **Tịch Phương Bình** giúp ta hiểu được tư tưởng tiến bộ, sức tưởng tượng phong phú và khả năng viết truyện ngắn của Bồ Tùng Linh khi ông miêu tả những con người và sự việc trong thế giới thiên đình, địa ngục.*

LÍ LUẬN VĂN HỌC

VĂN HỌC LÀ GÌ ?

I – VĂN HỌC LÀ MỘT MÔN NGHỆ THUẬT

1. Văn học nhận thức, phản ánh đời sống con người

Văn học là một môn nghệ thuật tồn tại bên cạnh nhiều môn nghệ thuật khác, như âm nhạc, hội họa, điêu khắc, điện ảnh, v.v... Mục đích quan trọng bậc nhất của văn học nghệ thuật là *phản ánh, nhận thức, khám phá hiện thực đời sống con người theo quy luật của cái đẹp, nhằm thỏa mãn cho con người những tình cảm thẩm mĩ vô cùng phong phú, đa dạng.* Bởi vậy, nhà văn nào cũng hướng toàn bộ sự chú ý của mình vào việc tìm hiểu, miêu tả con người. Tên tuổi các nhà văn thường gắn liền với những nhân vật xuất sắc do họ sáng tạo ra. Tên tuổi của Nguyễn Du gắn liền với Thúy Kiều và Từ Hải. Nhắc tới Ngô Tất Tố, ta không quên được chị Dậu và Nghị Quế. Nói tới Nam Cao, ta nghĩ đến Chí Phèo và lão Hạc, đến Điền và Thứ ...

Văn học có thể miêu tả chim muông cầm thú, hoa lá cỏ cây, sông nước mây trời. Văn học cũng có thể miêu tả những đồ vật do bàn tay con người làm ra như nhà cửa, đường sá, cầu cống. Nhưng tất cả các đối tượng ấy đều được miêu tả trong mối liên hệ với con người. Cho nên, dù tác phẩm văn học không trực tiếp miêu tả con người thì con người vẫn nằm ở vị trí trung tâm trong bức tranh đời sống của văn học.

Đọc tiểu thuyết hay truyện ngắn ta thường gặp những đoạn tả cảnh thiên nhiên. Có những áng văn thơ chỉ viết về phong cảnh. Trong những tác phẩm như thế, hình ảnh con người không xuất hiện trực tiếp. Nhưng ở đấy, đằng sau bức tranh thiên nhiên, ta vẫn nhận ra *cái nhìn* và *ánh mắt, tư tưởng* và *tình cảm* hay *một quan niệm nhân sinh* nào đó của con người. Triết lí "an bần lạc đạo", "lánh đục về trong"

uongxua.vn

là nội dung chính của bài *Côn Sơn ca* của Nguyễn Trãi. Vẻ đẹp của tùng, trúc, cúc, mai trong thơ cổ phương Đông là hiện thân cho vẻ đẹp thanh cao của người quân tử. Bước vào văn học, thiên nhiên như hóa thành con người. Cho nên, cỏ cây trong thơ Nguyễn Trãi nhiều khi cũng rất đa tình (*Cây chuối*). Trăng trong thơ Hồ Xuân Hương biết hẹn hò, chờ đợi *(Hỏi trăng)* và đá trong thơ bà cũng biết yêu nhau *(Đá ông chồng, bà chồng)*.

Nhân vật trong *Dế Mèn phiêu lưu kí* của Tô Hoài hay trong nhiều truyện ngụ ngôn cũng không phải con người. Nhưng không ai ngây thơ nghĩ rằng, các tác phẩm nói trên chỉ kể về loài vật. Câu chuyện về thế giới loài vật trong các tác phẩm ấy chính là những câu chuyện về con người. Văn học nhiều khi thể hiện *các phẩm chất tính cách, năng lực* và *sức mạnh* của con người qua thế giới đồ vật. Ngôi nhà "dài như một tiếng chiêng ngân" với những nồi đồng, chóe đồng được nhắc tới trong sử thi Tây Nguyên là biểu tượng cho sự hùng mạnh và giàu có của con người. Roi sắt, ngựa sắt của Thánh Gióng, cây cung bằng vàng của Thạch Sanh nói lên sức mạnh và năng lực của các nhân vật ấy. Trong *Tắt đèn*, Ngô Tất Tố đã miêu tả lối kiến trúc và bài trí nhà cửa phản mĩ thuật của Nghị Quế để châm biếm bản chất trọc phú của tên địa chủ.

Tóm lại, con người bao giờ cũng là đối tượng nhận thức trung tâm của văn học. Nhiều bộ môn khoa học tự nhiên và khoa học xã hội như sinh vật học, nhân chủng học, tâm lí học, đạo đức học ... cũng nghiên cứu con người. Tuy nhiên mỗi bộ môn khoa học chỉ nghiên cứu con người ở một phương diện nào đó. Sinh vật học nghiên cứu cơ thể con người như một hệ thống các chức năng đảm bảo cho sự sống. Tâm lí học khám phá các hoạt động tâm lí. Chính trị học theo dõi hoạt động chính trị của các giai cấp, tầng lớp trong xã hội. Đạo đức học lại quan tâm đến những chuẩn mực đạo đức, những nguyên tắc xử thế của con người. Văn học không nhận thức đời sống của con người theo kiểu phân môn, biệt loại như thế. *Văn học nhận thức con người một cách tổng hợp, toàn vẹn trong mọi quan hệ đời sống đa dạng, phức tạp và tập trung khám phá chiều sâu không cùng, còn đầy bí ẩn của tâm hồn con người.*

thuongmaitr

2. Nhận thức và phản ánh đời sống trong văn học không tách rời với việc thể hiện tư tưởng và tình cảm, ước mơ và khát vọng của nhà văn đối với con người và cuộc sống

Văn học không phản ánh đời sống một cách bàng quan, lãnh đạm. Những gì đã bước vào văn học đều phải trải qua biết bao dằn vặt, trăn trở, đau đớn, hi vọng, biết bao tình cảm mãnh liệt của nghệ sĩ, được nghệ sĩ đánh giá theo một lí tưởng, một quan niệm, một niềm tin nhất định của mình. Đây là một trong những điểm khác nhau cơ bản giữa nghệ thuật và khoa học. Nhà khoa học không thể thổ lộ niềm vui hay nỗi buồn trong công trình của mình. Nội dung của các định lí, quy luật khoa học bao giờ cũng chỉ là những chân lí khách quan của đời sống, không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của người nghiên cứu. Ngược lại, trong tác phẩm văn học, đằng sau bức tranh hiện thực đời sống được miêu tả, tái hiện, bao giờ cũng chứa đựng cái *khát vọng thiết tha muốn thể hiện một tư tưởng, một quan niệm riêng* của người sáng tác về chân lí đời sống, về cái thiện, cái ác, cái đẹp, cái xấu trong các quan hệ giữa người và người hay giữa người với tự nhiên. Không phải ngẫu nhiên mà trong truyện cổ tích và truyện cười dân gian, bọn người giàu có và quyền thế được miêu tả như những kẻ độc ác, tham lam, ngu ngốc ; còn quần chúng nhân dân lại được miêu tả như những nhân vật đẹp người, tốt nết và tuy không được học hành, không có chữ nghĩa, họ vẫn tỏ ra thông thái một cách độc đáo theo kiểu riêng của mình. Đó chính là quan niệm, cách nhìn của nhân dân lao động đối với con người và cuộc đời trong xã hội có áp bức, bóc lột. Gắn liền với khát vọng nói trên là một *cảm hứng mãnh liệt của nhà văn* muốn khẳng định điều này, phủ định điều kia, muốn nhìn thấy lẽ phải của cuộc sống được thực hiện. Tất cả những điều ấy khiến cho tác phẩm văn học bao giờ cũng có một *khuynh hướng tư tưởng*.

3. Văn học nhận thức đời sống và thể hiện tư tưởng, tình cảm bằng hình tượng nghệ thuật

Đối tượng và nội dung của văn học nghệ thuật đòi hỏi người sáng tác phải nhận thức và thể hiện theo cách riêng. Các bộ môn khoa học

nghiên cứu hiện thực và thể hiện những tư tưởng khoa học bằng công thức, định lí và những khái niệm trừu tượng. Nhà văn lại xây dựng *hình tượng* để khái quát hiện thực, cắt nghĩa đời sống, thể hiện tư tưởng và tình cảm của mình. Dù có tư tưởng đúng đắn, tình cảm mãnh liệt và trong sáng, nhưng nếu không đủ tài năng để xây dựng được những hình tượng nghệ thuật sinh động về cuộc sống con người thì nhà văn vẫn không tạo ra được tác phẩm văn học. Cho nên, *hình tượng là cách tư duy, là hình thức mang tính nội dung của văn học nghệ thuật.*

Tất cả các đối tượng của đời sống được tái hiện một cách sáng tạo trong tác phẩm văn học đều là hình tượng. Đó có thể là một đồ vật, một phong cảnh thiên nhiên, một cảnh sinh hoạt, một cảnh lao động sản xuất hoặc chiến đấu. Trong câu ca dao : "Cày đồng đang buổi ban trưa – Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày", hình tượng là cảnh lao động nông nghiệp vất vả, nặng nhọc. Còn trong câu thơ của Nguyễn Du : "Long lanh đáy nước in trời – Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng", hình tượng là một phong cảnh thiên nhiên. Hình tượng quan trọng nhất trong tác phẩm văn học là hình tượng con người, tức là hình tượng nhân vật. Đó là hình tượng của những nhân vật có tên như Tấm, Thạch Sanh (truyện cổ tích), Thúy Kiều, Từ Hải (*Truyện Kiều* của Nguyễn Du), chị Dậu (*Tắt đèn* của Ngô Tất Tố), anh Pha (*Bước đường cùng* của Nguyễn Công Hoan) v.v... , hay những nhân vật không tên như "thằng bán tơ" nào đó trong *Truyện Kiều.* Trong truyện cổ tích, đồng thoại, thần thoại ..., hình tượng nhân vật còn bao gồm cả thần linh, ma quỷ và những con vật mang tâm tính người. Ngoài ra còn có thể có hình tượng một tập thể người, một cộng đồng người, như hình tượng nhân dân, hình tượng Tổ quốc, v.v...

Đặc điểm cơ bản của hình tượng là tái hiện cuộc sống qua các chi tiết nghệ thuật, bao gồm chi tiết nghề nghiệp, chi tiết tiểu sử, chi tiết ngoại hình hay nội tâm nhân vật, chi tiết môi trường, ngoại cảnh, nội thất, chi tiết sự kiện, xung đột... Nói tới *chi tiết* là nói tới những bộ phận, những mẩu nhỏ của cuộc đời, những bộ phận tinh vi của sự sống. Thông qua việc tổ chức các chi tiết nghệ thuật một cách đặc biệt, nhà văn tái hiện cuộc sống, làm cho con người và cảnh vật trong

văn học trở nên có màu sắc, hình khối, âm thanh, hương vị, biết cựa quậy, vận động y như thật. Cho nên, đến với văn học, ta như được sống lại, được chứng kiến cuộc sống trong tác phẩm và hình tượng của tác phẩm để lại cho ta những ấn tượng khó phai mờ về tính cách, số phận của một con người, về những hiện tượng, sự việc, hành vi hay lời nói khiến ta phải suy nghĩ, xúc động, hoặc vui, hoặc buồn, hoặc xót thương căm giận, hoặc khao khát ước mơ ... Chẳng hạn gấp trang cuối cùng của tiểu thuyết *Tắt đèn*, ta thấy hiện ra trước mắt cảnh làng Đông Xá đầy náo động và căng thẳng trong những ngày sưu thuế : cổng làng bị đóng, việc đồng áng đình đốn, bọn hào lí thúc thuế bằng trống, mõ, gậy gộc, cùm kẹp, người nông dân như cá trên ao cạn, chạy ngược chạy xuôi cầm cố đồ đạc, anh Dậu bị đánh, bị trói giữa lúc ốm đau, chị Dậu phải bán con, bán chó ... Ta ghi nhớ Chí Phèo vì cái mặt hắn "không còn phải là mặt người", cái mặt "vàng vàng mà lại muốn sạm màu gio, nó vằn dọc, vằn ngang, không thứ tự, biết bao nhiêu là sẹo", vì cái thói quen "bao giờ cũng thế, cứ rượu xong là hắn chửi", vì cách uống rượu của hắn, vì những cuộc rạch mặt ăn vạ, vì "mối tình" của hắn với thị Nở, vì nỗi buồn khi tỉnh rượu khiến hắn phải "ôm mặt khóc rưng rức" và cuộc trả thù đẫm máu. Các nhân vật trong *Tắt đèn* và *Chí Phèo* mỗi người một số phận, một chân dung, một tính cách, không ai giống ai. Có được như thế là vì các nhân vật này được tái hiện bằng muôn vàn chi tiết của đời sống hết sức cụ thể và sinh động

Tái hiện nghệ thuật không phải là sao chép nô lệ những hiện tượng có thật, cũng không phải là liệt kê các chi tiết, sự việc của đời sống để minh họa cho một ý nghĩ trừu tượng nào đó. Hình tượng là kết tinh của những *ấn tượng sâu sắc* về cuộc đời, từng làm nhà văn day dứt, trăn trở và thôi thúc họ phải nói to lên để chia sẻ với người khác. Những ấn tượng ấy xuất hiện được là nhờ trí tưởng tượng của nghệ sĩ. Bằng trí tưởng tượng và tài năng của mình, nhà văn nhào nặn lại các ấn tượng ấy, truyền cho chúng linh hồn và sức sống để chúng trở thành một hình tượng sinh động.

Nhưng sẽ sai lầm nếu nghĩ rằng hình tượng trong văn học được tạo nên chỉ bằng ấn tượng, bằng chi tiết nghe hay nhìn thấy được. Đây là bức chân dung Từ Hải trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du :

uongxua.vn

Râu hùm, hàm én, mày ngài,
Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao.
Đường đường một đấng anh hào,
Côn quyền hơn sức, lược thao gồm tài.
Đội trời đạp đất ở đời,
Họ Từ, tên Hải vốn người Việt Đông.
Giang hồ quen thú vẫy vùng,
Gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo.

Và đây là bức chân dung quan phủ trong *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố : "Cái râu mới lạ làm sao ? Nó đen như vệt hắc ín và cong như cái lưỡi liềm, nó nhọn như cái mũi dùi nung và bầu như đầu dao trổ. Nó khum khum quắp lấy hai mép, giống như hai cánh dơi. Nó vắt vểu vểnh ra hai mang tai, gần như hai cái sừng củ ấu. Nó châu đầu dưới sống mũi như sắp chui vào cái mũi dọc dừa. Nó lại giúp cái mồm lèm bèm thêm dữ dội. Nếu không biết tri phủ xuất thân từ chức thông phán, người ta sẽ tưởng ngài được làm quan chỉ nhờ bộ râu. Và nếu không rõ là ông quan, người ta có thể lầm ngài với ông cai xe hay cai thầu khoán".

thuongmaitr

Rõ ràng trong hình tượng, nhà văn không chỉ thuật lại, kể lại, tả lại sự việc và con người với những chi tiết gây ấn tượng cảm tính có thể nhìn thấy, nghe được, mà còn *cảm nhận, thâm nhập, suy đoán, bình luận, phê phán, khẳng định*. Những điều ấy làm thành tính *khái quát độc đáo* của văn học, hé mở cánh cửa cho ta đi vào bản chất của con người và cuộc đời được phản ánh trong tác phẩm. Một mặt, hình tượng là những hiện tượng, những cảnh đời, những con người cụ thể được tái hiện một cách sinh động trong tác phẩm. Mặt khác, hình tượng lại chứa đựng trong bản thân những nét *bản chất nhất, quan trọng nhất của cuộc sống và con người*. Số phận, tính cách của chị Dậu không giống với số phận, tính cách của anh Pha, Chí Phèo. Nhưng cả Chí Phèo, anh Pha và chị Dậu đều là những con người có các đặc điểm tiêu biểu cho số phận và tính cách của hàng triệu, hàng triệu quần chúng nông dân bị áp bức, bóc lột dưới chế độ thực dân, phong kiến. Một mặt, hình tượng là hình ảnh của bản thân đời sống ; mặt

khác, trong hình tượng lại có cả tư tưởng và tình cảm, ước mơ và khát vọng của nghệ sĩ. Vì những lẽ đó, sự khái quát hiện thực của văn học mang thuộc tính đặc biệt, chỉ trong nghệ thuật mới có : *việc nhận thức bản chất và ý nghĩa của cuộc sống được kết hợp với quan điểm, lí tưởng, khát vọng, tình cảm của tác giả và được thể hiện qua cảnh vật, đường nét, màu sắc, nét mặt, cử chỉ, ngôn ngữ mà ta có thể cảm nhận một cách trực tiếp*. Cho nên, cuộc sống và con người được miêu tả trong văn học vừa giống như cái đã có, hiện có, lại vừa là cái có thể có và cần phải có. Văn học chẳng những giúp ta nhận ra cái thiện và cái ác, cái đúng và cái sai ở đời, mà còn khơi dậy ở ta những tình cảm thẩm mĩ phong phú, đa dạng. Đến với văn học, ta vừa có thể khám phá thế giới quanh ta, vừa có thể tự soi ngắm, tự tìm hiểu về bản thân mình.

Tóm lại : *Hình tượng là những bức vẽ về cuộc đời và con người cụ thể được nhà văn sáng tạo qua liên tưởng, tưởng tượng để thể hiện tư tưởng, tình cảm và khái quát hiện thực*. Khi hình tượng khái quát được những nét cơ bản nhất, quan trọng nhất của đời sống, thể hiện được những tư tưởng sâu sắc, lí tưởng cao cả, tình cảm mãnh liệt của nghệ sĩ ; và những nét bản chất ấy, những tư tưởng sâu sắc, tình cảm mãnh liệt ấy lại được thể hiện nổi bật qua sự miêu tả sinh động, hấp dẫn những số phận éo le, những cảnh ngộ riêng biệt, những hành vi độc đáo, những nét cá tính không lặp lại thì đó là *hình tượng điển hình*. Với ý nghĩa ấy, hình tượng, đặc biệt là hình tượng điển hình, chính là *một thế giới hiện thực mới được nhà văn sáng tạo ra*. Nó hiển hiện cụ thể, sinh động như có thực, nhưng không phải bản thân cuộc đời thực. Và chính vì thế mà nó có thể tỏa chiếu ra một ánh sáng riêng mãnh liệt. Đó là ánh sáng của vương quốc tự do, nơi con người vừa có thể thỏa mãn, vừa được vỗ về, đền bù những tình cảm thẩm mĩ khó tìm thấy ngoài cuộc đời thực. Dưới ánh sáng ấy, không một sự bạo tàn, tham lam, quỷ quyệt, ti tiện, nhỏ nhen nào có thể ẩn náu. Với ánh sáng của nó, mọi sự oan khuất nhất định sẽ được giải bày, những tấm gương hi sinh anh dũng, những tấm lòng nhân hậu cao cả vốn đã đẹp lại càng đẹp hơn, chẳng những không gì che lấp được, mà còn trở thành mẫu mực muôn đời.

II – VĂN HỌC LÀ NGHỆ THUẬT NGÔN TỪ

1. Ngôn từ là chất liệu xây dựng hình tượng của văn học

Tất cả các môn nghệ thuật đều nhận thức, phản ánh cuộc sống của con người và biểu đạt nội dung của nó bằng hình tượng. Nhưng hình tượng văn học không giống với hình tượng âm nhạc, hội họa hay điêu khắc ... Có sự khác nhau ấy là do *mỗi môn nghệ thuật sử dụng một chất liệu riêng để xây dựng hình tượng*. Chất liệu của âm nhạc là âm thanh, giai điệu ; của hội họa là đường nét, màu sắc ; của điêu khắc, kiến trúc là mảng khối. *Văn học lấy ngôn từ làm chất liệu xây dựng hình tượng*. Cho nên người ta gọi văn học là nghệ thuật ngôn từ, bao gồm văn học dân gian được sáng tác và lưu truyền bằng miệng từ đời này sang đời khác và văn học viết được sáng tác, lưu giữ dưới hình thức văn bản viết.

Không phải mọi tác phẩm bằng ngôn từ đều là văn học. Thư từ, hóa đơn, sách giáo khoa, công trình khoa học, một bài nói chuyện, tuy cũng diễn đạt bằng lời văn nhưng đều không phải là văn học. Chỉ tác phẩm nào dùng lời văn với mọi phương tiện biểu hiện của lời nói như nghĩa, vần, nhịp, ngữ điệu, các biện pháp tu từ... để tạo ra những hình tượng nghệ thuật mới gọi là *văn học* theo đúng ý nghĩa hiện đại của từ ấy. Điều đó có nghĩa, cùng khai thác chất liệu ở ngôn từ toàn dân, nhưng ngôn từ văn học không giống với ngôn từ hành chính, ngôn từ khoa học, càng không phải là lời nói tự nhiên trong giao tiếp hằng ngày. Vậy ngôn từ văn học có những đặc điểm gì ? Lấy ngôn từ làm chất liệu xây dựng hình tượng, văn học có ưu thế như thế nào ?

thuongmaitr

2. Những đặc điểm của ngôn từ văn học

a) *Văn học nhận thức đời sống, biểu đạt nội dung bằng hình tượng*, nên *tính hình tượng là đặc điểm quan trọng nhất của ngôn từ văn học*. Hình tượng là hiện thực đời sống được miêu tả, tái hiện trong tác phẩm. Cho nên, *tính hình tượng của ngôn từ văn học là khả năng của nó trong việc tái hiện đời sống, làm cho đời sống con người hiện lên y như thật*. Khả năng ấy được thể hiện ở rất nhiều mặt của ngôn từ. Nó thường được thể hiện ở các loại từ "hình tượng", như từ tượng

thanh, tượng hình, từ miêu tả cảm giác, trạng thái, chẳng hạn *vi vu, xào xạc, phất phơ, lưa thưa, khúc khuỷu, lởm chởm, chênh vênh, ngơ ngác*... Nó còn được thể hiện ở những phương thức chuyển nghĩa của từ như ví von, ẩn dụ, nhân hóa theo kiểu *"Tình anh như nước dâng cao – Tình em như dải lụa đào tẩm hương"* (ca dao), *"Tiếng ca vắt vẻo lưng chừng núi – Hổn hển như lời của nước mây"* (Hàn Mặc Tử), *"Chỉ có thuyền mới biết – Biển mênh mông dường nào – Chỉ có biển mới hiểu – Thuyền đi đâu về đâu"* (Xuân Quỳnh). Không phải cứ miêu tả được đường nét, màu sắc, hình khối, sử dụng thật nhiều ẩn dụ, hoán dụ là lời văn có thể tạo ra được hình tượng nghệ thuật. Trong tác phẩm truyện, nhất là trong tác phẩm kịch, lời văn rất ít sử dụng các từ tượng thanh, tượng hình hoặc các phương thức chuyển nghĩa, nhưng vẫn giàu tính hình tượng. Cho nên, tính hình tượng của ngôn từ văn học chủ yếu thể hiện ở *cách tái hiện đời sống* của lời văn nghệ thuật. Khác với các môn nghệ thuật như hội họa, điêu khắc, văn học miêu tả động tác và sự vận động của sự vật ở những khoảnh khắc cụ thể để vừa khám phá bản chất của sự vật, vừa bắt sự vật hiện lên một cách sống động. Bởi thế, *ngôn từ có tính hình tượng là ngôn từ tái hiện được trạng thái, truyền đạt được động tác hoặc sự vận động của con người, cảnh vật và toàn bộ thế giới mà tác phẩm nói tới*. Đó không phải là động tác bề ngoài hoặc đường nét, hình dáng có thể nhìn thấy bằng mắt thường, mà là sự vận động nội tại bộc lộ linh hồn, thần thái của một sự sống đang run rẩy, phập phồng, biến hóa. Nam Cao mở đầu truyện ngắn *Chí Phèo* như thế này : "Hắn vừa đi vừa chửi. Bao giờ cũng thế, cứ rượu xong là hắn chửi. Bắt đầu hắn chửi trời. Có hề gì ? Trời có của riêng nhà nào ? Rồi hắn chửi đời. Thế cũng chẳng sao : đời là tất cả, nhưng chẳng là ai. Tức mình, hắn chửi ngay tất cả làng Vũ Đại. Nhưng cả làng Vũ Đại ai cũng nhủ : "Chắc nó trừ mình ra !". Không ai lên tiếng cả. Tức thật ! Ờ ! Thế này thì tức thật ! Tức chết đi được mất ! Đã thế, hắn chửi cha đứa nào không chửi nhau với hắn. Nhưng cũng không ai ra điều. Mẹ kiếp ! Thế thì có phí rượu không ? Thế thì có khổ hắn không ? Không biết đứa chết mẹ nào lại đẻ ra thân hắn cho hắn khổ đến nông nỗi này ? A ha ! Phải đấy hắn cứ thế mà chửi, hắn cứ chửi đứa chết mẹ nào đẻ ra thân hắn, đẻ ra cái thằng Chí Phèo...".

uongxua.vn

Đoạn văn không có từ tượng thanh, tượng hình, ẩn dụ, hoán dụ hay lời nói ví von bóng bẩy, vậy mà người đọc vẫn thấy hiện lên trước mắt một thằng say, thằng khùng, một gã mất trí. Phải là một gã mất trí, một thằng say thì Chí Phèo mới chửi bới mơ hồ, vu vơ như thế. Có điều, say là vậy, mà Chí Phèo vẫn biết tức, biết cái thân hắn rất khổ. Hình như không phải vì say mà Chí Phèo chửi, mà là vì muốn chửi, muốn gây sự, nên Chí Phèo mới tìm đến rượu, đến say. Nghĩa là trong tâm hồn Chí Phèo đang âm ỉ một niềm phẫn uất chưa tự ý thức. Hóa ra "vừa đi vừa chửi" không chỉ là động tác của cơ thể, động tác của chân, của miệng, mà là những động tác bộc lộ toàn bộ trạng thái tinh thần của nhân vật.

Trong bài *Thu điếu*, Nguyễn Khuyến tả ao thu "lạnh lẽo", thuyền câu "bé tẻo teo", sóng biếc "hơi gợn tí" và lá vàng "khẽ đưa vèo". Các chữ "khẽ đưa vèo", "gợn tí", "bé tẻo teo", "lạnh lẽo" không chỉ tái hiện động tác của lá, của sóng, trạng thái của thuyền, của ao, mà chủ yếu gợi tả trạng thái và sự vận động của thiên nhiên, đất trời. Các chữ ấy hợp lại với nhau làm nổi bật cái thanh nhẹ, tĩnh vắng như là linh hồn của hình tượng mùa thu trong bài thơ của Nguyễn Khuyến. Một từ dùng đắt, một câu văn hay, một đoạn văn hấp dẫn bao giờ cũng làm sống dậy những trạng thái, những động tác đầy ý nghĩa của sự vật như thế. Chúng khiến ta nhiều khi quên cả câu chữ, để chỉ còn thấy một thế giới hình tượng đang tự bộc lộ, tự nói lên bằng ngôn từ.

Tính hình tượng của ngôn từ văn học còn có cơ sở từ trong nội dung của lời nói nghệ thuật. Trong tác phẩm văn học, chữ nào câu nào cũng đều là câu chữ của một nhà văn, nhà thơ cụ thể. Nhưng nhà văn, nhà thơ viết ra những câu chữ ấy không chỉ là để thổ lộ tâm trạng riêng tư, mà chủ yếu là để thể hiện tư tưởng, tình cảm của một loại người, một tầng lớp hay một giai cấp. Cho nên, lời văn nghệ thuật trong tác phẩm bao giờ cũng là lời nói của một *chủ thể hình tượng thẩm mĩ mang tầm vóc khái quát*. Lời trần thuật trong tác phẩm truyện là lời của người kể chuyện, một hình tượng nhân vật được sáng tạo ra để thuật lại các sự kiện, biến cố, miêu tả đời sống phù hợp với một khuynh hướng tư tưởng, một cách nhìn nhận, đánh giá đối với con người và thế giới. Cũng như thế, lời nói được cất lên

trong các bài thơ trữ tình là lời của các nhân vật trữ tình. Chẳng hạn, lời đối đáp trong bài *Việt Bắc* của Tố Hữu không còn là lời nói riêng tư của tác giả mà đã trở thành lời đối đáp của người kháng chiến và chiến khu cách mạng, của miền xuôi và miền ngược, của quần chúng nhân dân với lãnh tụ, với Đảng.

Sức mạnh của lời nói trong giao tiếp hằng ngày nhiều khi hoàn toàn phụ thuộc vào địa vị thực tế của người phát ngôn, tức là tác giả của lời nói ấy. Cho nên tục ngữ mới có câu "Miệng kẻ sang có gang có thép", hoặc "Vai mang túi bạc kè kè - Nói quấy nói quá người nghe ầm ầm". Trong văn học, địa vị xã hội cao thấp, tình trạng giàu nghèo của nhà văn, nhà thơ không có vai trò gì với sức mạnh của lời nói nghệ thuật. Ở đây, *sức mạnh lời nói nằm ở tầm khái quát của chủ thể hình tượng thẩm mĩ, ở khả năng đại diện cho tư tưởng, tình cảm, lương tâm của thời đại, cho giai cấp, cho thế hệ, cho đất nước non sông*. *Truyện Kiều* của Nguyễn Du có sức sống lâu bền trong tâm hồn dân tộc, sáng tác của Nguyễn Du thuộc về thời đại mới, thuộc về chúng ta hôm nay, vì tiếng thơ của ông chính là "lời non nước" ("Tiếng thơ ai động đất trời - Nghe như non nước vọng lời ngàn thu" - *Kính gửi cụ Nguyễn Du* - Tố Hữu). Những tác phẩm kiệt xuất của nền văn học Việt Nam và văn học nhân loại đều là những lời nói của một người đã hóa thành lời nói của muôn người và nhờ thế mà trường tồn với thời gian.

Tóm lại, việc tái hiện đời sống bằng cách dùng lời văn để truyền đạt sự vận động nội tại của con người, cảnh vật và toàn bộ thế giới được nói tới trong tác phẩm là cội nguồn tạo nên tính hình tượng của ngôn từ văn học. Tính hình tượng còn bắt nguồn từ chỗ, lời văn, lời thơ trong tác phẩm bao giờ cũng là lời của một chủ thể tư tưởng thẩm mĩ có tầm khái quát nhất định. Cho nên, tính hình tượng không phải là thuộc tính hình thức bên ngoài, mà là đặc điểm có cơ sở từ trong nội dung của ngôn từ văn học và nằm sâu trong bản chất hình tượng của sáng tác.

b) *Ngôn từ văn học mang tính tổ chức cao nhằm tạo nên hiệu quả nghệ thuật*

Lời văn, lời thơ của một tác phẩm bao giờ cũng có câu đầu, câu cuối, được tổ chức theo một trình tự lớp lang hết sức chặt chẽ. Một

truongxua.vn

bài thơ có thể được chia thành nhiều khổ, nhiều đoạn. Tác phẩm truyện hoặc tác phẩm kịch lại thường được chia thành các chương, các hồi. Lời văn khoa học, ngôn từ hành chính - công vụ cũng có tính tổ chức cao. Nhưng tính tổ chức của mỗi loại lời văn có một chức năng riêng, nên các loại lời văn khác nhau có cách thức tổ chức hết sức khác nhau. Lời văn khoa học được tổ chức cao là để diễn đạt chặt chẽ, chính xác nội dung, ý nghĩa của từng từ, từng khái niệm trong tư duy lôgic. Tính tổ chức của ngôn từ văn học lại nhằm *mục đích cao nhất là tạo ra hiệu quả nghệ thuật*.

Để đảm bảo tính chính xác của từng từ trong tư duy lôgic, lời văn khoa học được tổ chức theo những luật lệ, quy tắc chung nhất của ngôn từ toàn dân. Nhằm tạo ra hiệu quả nghệ thuật, nhà văn phải tổ chức ngôn từ, biến chất liệu thô mộc là lời nói thường ngày thành lời văn, lời thơ. *Lời văn, lời thơ là ngôn từ nghệ thuật được tổ chức bằng những phương thức, phương tiện đặc biệt nhằm khắc phục kiểu diễn đạt thông thường của lời nói tự nhiên*. Thơ trữ tình là thể loại văn học bộc lộ đầy đủ nhất tính tổ chức của nghệ thuật ngôn từ. Lời thơ cổ điển được tổ chức theo những luật lệ nghiêm ngặt, như luật về số câu trong bài, số tiếng trong câu, luật về nhịp điệu, vần điệu, thanh điệu, về niêm, về đối. Thơ hiện đại phá bỏ những luật lệ ấy để tổ chức lời thơ một cách tự do, phóng túng. Có thể tìm thấy ở đây những kết hợp từ trái với lôgic ngữ nghĩa thông thường (*"Này lắng nghe em khúc nhạc thơm"*, *"Hãy tự buông cho khúc nhạc hường"*, *"Những luồng run rẩy rung rinh lá"* - Xuân Diệu), những kiểu tổ chức thanh điệu đầy màu sắc chủ quan (hai câu thơ 14 tiếng, tiếng nào cũng thanh bằng : *"Sương nương theo trăng ngừng lưng trời – Tương tư nâng lòng lên chơi vơi"* - Xuân Diệu), hoặc những câu thơ với số lượng con chữ dài ngắn rất khác nhau. Dù được tổ chức theo luật lệ định sẵn hay dựa vào cá tính sáng tạo của tác giả thì lời thơ vẫn là lời nói cách điệu, đầy tính ước lệ. Lời văn của tác phẩm truyện và tác phẩm kịch có vẻ như gần gũi với lời ăn tiếng nói hằng ngày. Nhưng nếu để ý sẽ thấy, trong tác phẩm truyện, lời trần thuật thường được tổ chức theo nguyên tắc cá thể hóa và cụ thể hóa có định hướng đối tượng miêu tả. Các nhân vật kịch đối đáp với nhau theo kiểu của kịch. Mỗi cuộc đối thoại của họ thường chỉ xoay quanh một chủ đề và lời thoại lại thường có đầy đủ các thành phần cơ bản của câu, nên

rõ ràng, dễ hiểu. Trong giao tiếp hằng ngày, người ta không đối đáp, trò chuyện như thế. Lời văn trong tác phẩm truyện và tác phẩm kịch vẫn là lời nói được tổ chức theo những nguyên tắc của thế giới nghệ thuật.

Khắc phục tính thô mộc của lời nói tự nhiên trong giao tiếp hằng ngày, *ngôn từ văn học mang đến cho người đọc những khoái cảm thẩm mĩ trước vẻ đẹp của hình thức nghệ thuật*. Đọc tác phẩm văn học, ta khoái cảm thực sự khi bắt gặp một từ dùng đắt, một câu văn hay, một cách diễn đạt mới mẻ, độc đáo. Nhưng hiệu quả nghệ thuật của lời văn mang tính tổ chức cao không chỉ là chuyện hình thức, mà trước hết là vấn đề nội dung. Trong lời văn khoa học, mỗi từ, mỗi câu đều có ý nghĩa tương đối độc lập. Lời văn khoa học được tổ chức cao là để đảm bảo tính chính xác của từng câu, từng từ. Trong lời văn, lời thơ, mỗi từ không còn mang ý nghĩa độc lập như thế. Bởi vì, *ngôn từ văn học được tổ chức một cách đặc biệt là để cho mỗi từ, mỗi câu đều đóng vai trò khêu gợi một cái gì lớn hơn nó, tràn ra ngoài nó, nhằm tạo dựng một ý lớn ngoài lời, hình thành một chỉnh thể hình tượng mới mẻ*. Chẳng hạn, trong chỉnh thể nghệ thuật bài *Thu điếu* của Nguyễn Khuyến, mỗi từ, mỗi câu đều góp phần thể hiện vẻ đẹp thanh nhẹ, tĩnh vắng của cảnh thu ở làng quê Việt Nam. Đằng sau lời thơ, còn thấy hiện lên hình ảnh một ông câu đang thả hồn đắm chìm trong cái tĩnh vắng, thanh nhẹ của cảnh thu kia, nên hình như không mấy bận tâm tới chuyện câu, chuyện cá. Thì ra, với Nguyễn Khuyến, câu cá chính là câu cảnh, câu thanh, câu vắng, câu tĩnh, câu nhàn. Đây là cái ý lớn tràn ra ngoài lời, là chỉnh thể hình tượng trùm lên toàn bộ bài *Thu điếu*.

Vậy là tính tổ chức cao đã biến lời nói thông thường chỉ có ý nghĩa thông báo về cái cụ thể, nhất thời thành lời văn nghệ thuật có khả năng thể hiện cái vô cùng, vô tận của cuộc đời và thế giới tâm hồn đầy bí ẩn của con người một cách hình tượng. Nó gợi dậy ở ta cảm xúc về cái đẹp, làm cho ta cảm nhận đời sống cũng như bản thân lời nói một cách mới mẻ.

c) *Ngôn từ văn học có những chuẩn mực riêng, chịu sự quy định của tính hình tượng và tính tổ chức*

Ngôn từ văn học không chỉ có tính hình tượng và tính tổ chức. Người ta còn nói tới nhiều đặc điểm khác của ngôn từ văn học, như

truongxua.vn

tính hệ thống, tính biểu cảm, tính đa nghĩa, tính cụ thể hóa, cá thể hóa. Đúng là ngôn từ văn học có những đặc điểm, thuộc tính như thế. Nhưng các thuộc tính, đặc điểm ấy không tồn tại độc lập, mà chịu sự chi phối sâu sắc của tính hình tượng và tính tổ chức. Cho nên, ngôn từ văn học có những chuẩn mực riêng. Nói chính xác hơn, *trong tác phẩm văn học, những yêu cầu về chuẩn mực ngôn từ đều có nội dung đặc thù.*

Yêu cầu cơ bản của ngôn từ trong tác phẩm văn học là phải *trong sáng, chính xác.* Ngôn từ khoa học cũng đòi hỏi chính xác và trong sáng. Ngôn từ trong sáng trước hết có nghĩa là phải diễn đạt *phù hợp với chuẩn mực của ngôn từ toàn dân.* Chủ tịch Hồ Chí Minh từng chế giễu một nhà thơ nào đó, khi anh ta viết : "tóc cười, tay hát". Nhưng tính chính xác của ngôn từ văn học chịu sự quy định của tính hình tượng, nên không giống tính chính xác của ngôn từ khoa học. Tính chính xác của ngôn từ văn học đòi hỏi phải *dựng lên đúng cảnh, đúng người, đúng tình, đúng ý, làm cho người đọc chẳng những hiểu được mà còn cảm được, thấy được điều mà nhà văn muốn diễn tả nhiều khi hết sức tinh tế, mong manh.* Nguyễn Du là nghệ sĩ bậc thầy của nghệ thuật ngôn từ bởi Nguyễn Du đã tìm tòi, sử dụng những từ ngữ phù hợp nhất để gợi ra cái thần, cái hồn của cảnh vật và nhân vật trong *Truyện Kiều.* Người ta nói Nguyễn Du đã "giết chết" Mã Giám Sinh, Sở Khanh, Hồ Tôn Hiến bằng các chữ "tót" ("Ghế trên ngồi tót sỗ sàng"), chữ "lẻn" ("Rẽ song đã thấy Sở Khanh lẻn vào"), và chữ "ngây" ("Lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình")vì các chữ ấy đã điểm đúng huyệt, lột tả được bản chất bất lương và độc ác của nhân vật ở những nét thoáng qua, những biểu hiện mà nhân vật dường như chỉ muốn che giấu đi. "Yêu nên tốt, ghét nên xấu", cái lẽ đời phổ biến ấy được diễn tả chính xác qua câu ca dao : "Lỗ mũi mười tám gánh lông - Chồng yêu, chồng bảo tơ hồng giời cho." Như vậy, tính chính xác trong ngôn từ văn học bao hàm cả tính cụ thể hóa, cá thể hóa và không loại trừ việc sử dụng rộng rãi các biện pháp tu từ, kể cả phóng đại, ngoa dụ. Đồng thời, sự chính xác trong văn học còn có nghĩa là một *phát hiện sâu sắc* in đậm dấu ấn cá tính sáng tạo và phong cách nghệ thuật của nhà văn.

Hàm súc, cô đọng cũng là yêu cầu quan trọng của ngôn từ văn học. Yêu cầu này cũng chịu sự quy định của tính hình tượng. Ta đã

biết, hình tượng nghệ thuật là sự thống nhất của nhiều phương diện đa dạng, thậm chí đối lập, trái ngược nhau. Cho nên, hàm súc trong văn học có nghĩa là "lời ít, ý nhiều". Các bài *Đi đường, Không ngủ được* của Chủ tịch Hồ Chí Minh là những bài thơ hàm súc, vì lời thơ vừa có nghĩa gần, nghĩa hẹp, nghĩa đen, vừa có nghĩa xa, nghĩa rộng, nghĩa bóng. Tính hàm súc trong ngôn từ văn học còn có nghĩa là "lời chặt, ý rộng", là "lời đã hết, ý không cùng", để lại nhiều dư vị trong tâm hồn người đọc. Như vậy, ngôn từ văn học muốn hàm súc phải có *nhiều tác dụng đa dạng và giàu sức khơi gợi : gợi cảnh, gợi tình, gợi hình, gợi suy nghĩ*. Chỉ một câu : "Cỏ non xanh tận chân trời – Cành lê trắng điểm một vài bông hoa" mà có cả màu sắc, không gian, cảm giác, cảm xúc. Cũng chỉ một câu lục bát : "Dưới trăng quyên đã gọi hè – Đầu tường lửa lựu lập lòe đâm bông" mà có cả hoa, cả cây, cả sự sống đang phập phồng, vận động, biến hóa và lòng người náo nức. Nhiều đoạn văn, nhiều câu thơ trong thơ văn Việt Nam hiện đại cũng có sức khơi gợi như thế : "Nước Việt Nam từ máu lửa – Rũ bùn đứng dậy sáng lòa" (Nguyễn Đình Thi), "Sông Đuống trôi đi – Một dòng lấp lánh – Nằm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kì" (Hoàng Cầm), "Mong manh áo vải hồn muôn trượng" (Tố Hữu).

3. Tính "phi vật thể" của hình tượng ngôn từ và khả năng diễn tả đặc biệt phong phú của văn học nghệ thuật

Các nghệ thuật như hội họa, điêu khắc, sử dụng các chất liệu màu sắc, đường nét, mảng khối. Những chất liệu ấy có tính vật thể, nghĩa là có khả năng tác động trực tiếp vào các giác quan như những vật thể trông thấy được. Lấy ngôn từ làm chất liệu, văn học chỉ xây dựng được những hình tượng được hình dung một cách gián tiếp nhờ khêu gợi trí tuệ, óc tưởng tượng, khả năng liên tưởng của người đọc. Bằng giác quan bên ngoài, giác quan vật chất, không ai có thể cảm nhận được hình tượng văn học. Điều đó gọi là *tính phi vật thể* của chất liệu ngôn từ và của hình tượng ngôn từ.

Tuy nhiên, chính nhờ sử dụng ngôn từ như một chất liệu có khả năng khêu gợi trí tưởng tượng, óc liên tưởng và đánh thức dậy những kho ấn tượng đủ loại ở người đọc tích lũy được nhờ kinh nghiệm sống và vốn văn hóa, nghệ thuật của họ mà hình tượng văn học có lợi thế hơn nhiều nghệ thuật khác trong việc nhận thức, phản ánh thế giới.

Ngôn từ tự bản thân nó không có màu sắc, hương vị, hình khối gì, vậy mà với chất liệu ấy, văn học có thể huy động được mọi giác quan vào việc quan sát và thể hiện hiện thực. Nó có thể giúp cảm nhận được cả những gì mong manh nhất, mơ hồ nhất, thậm chí vô hình nữa. Nguyễn Du từng giúp ta hình dung được cái bóng chập chờn hư thực của Đạm Tiên ẩn hiện trong giấc mộng của Thúy Kiều : "Sương in mặt, tuyết pha thân – Sen vàng lãng đãng như gần như xa". Còn Xuân Diệu thì diễn tả được một thứ không gian riêng của buồn nhớ bâng khuâng : "Không gian như có dây tơ - Bước đi sẽ đứt, động hờ sẽ tiêu", v.v...

Lấy ngôn từ làm chất liệu, văn học có khả năng *phản ánh quá trình vận động không ngừng của đời sống trong mọi kích thước, chiều hướng của không gian và thời gian.* Nhà văn có thể phản ánh trong tác phẩm một phạm vi hiện thực kéo dài hàng trăm năm. Trong thơ văn, con mắt của tác giả dễ dàng di chuyển từ không gian này tới không gian khác, từ đỉnh núi sang cánh đồng, từ thiên đường xuống trần gian, thậm chí cả tới địa ngục. Đặc điểm này làm cho văn học có thể phản ánh đời sống trên một tầm sâu, rộng mà do không dùng chất liệu ngôn từ, các môn nghệ thuật khác khó bề đạt tới. Lấy ngôn từ làm chất liệu, văn học có khả năng *miêu tả một cách cụ thể, tỉ mỉ cả hoạt động lời nói và hoạt động tư duy* của con người. Con người trong văn học biết đi đứng, hoạt động, nói năng. Qua văn học ta có thể nghe thấy tiếng nói của mọi tầng lớp người ở các thời đại khác nhau. Gắn liền với hoạt động lời nói là hoạt động tư duy. Qua các tác phẩm văn học, ta có thể bắt gặp những con người đang suy tư trước đời sống với những quyết định lớn lao, những toan tính lầm lỡ, những do dự ngập ngừng, những đau đớn hối tiếc, những xung đột âm thầm mà căng thẳng trong bể sâu của đời sống nội tâm ... Có thể nói, nhờ lấy ngôn từ là chất liệu, văn học có khả năng thâm nhập sâu sắc vào mọi lĩnh vực của thế giới hiện thực để trở thành bộ "bách khoa toàn thư" về cuộc sống.

Tóm lại, văn học là một môn nghệ thuật có những đặc điểm riêng biệt. Văn học nhận thức cuộc sống của con người trong mối liên hệ phong phú và đa dạng với thế giới hiện thực. Máu thịt và linh hồn của văn học là ở hình tượng nghệ thuật được xây dựng bằng ngôn từ. Nhờ có những đặc điểm ấy, văn học bao giờ cũng giữ vai trò quan trọng trong đời sống văn hóa của con người.

thuongmaitr

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Tại sao gọi văn học là một môn nghệ thuật ? Văn học nghệ thuật có những đặc điểm gì ?

2. Thế nào là hình tượng nghệ thuật ? (Phân tích một số hình tượng nhân vật ở những tác phẩm văn học đã học để làm sáng tỏ những vấn đề lí luận về hình tượng).

3. Vì sao nói văn học là nghệ thuật ngôn từ ? Ngôn từ văn học có những đặc điểm gì ? Thế nào là tính "phi vật thể" của chất liệu ngôn từ và hình tượng văn học ? Khả năng của nghệ thuật ngôn từ trong việc nhận thức, phản ánh cuộc sống ?

<u>PHỤ LỤC</u>

NHÀ VĂN VÀ QUÁ TRÌNH SÁNG TẠO

tuongxua.vn

I – VAI TRÒ CỦA NHÀ VĂN VỚI ĐỜI SỐNG VĂN HỌC

Mọi hoạt động của văn học, từ hoạt động tiếp nhận, thưởng thức, đến nghiên cứu, phê bình ... chỉ thực sự bắt đầu khi tác phẩm của nhà văn ra đời. Cho nên nhà văn là *người khởi đầu* của nhiều hoạt động văn chương, giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong đời sống văn học.

Vai trò của nhà văn đối với đời sống văn học còn do đặc trưng của quá trình sáng tạo nghệ thuật quy định. Sáng tạo nghệ thuật thuộc lĩnh vực *sản xuất tinh thần*. Đặc điểm cơ bản của hoạt động sản xuất này là *tính cá thể hóa cao độ*. Không thể sáng tạo ra tác phẩm văn học theo kiểu dây chuyền của các quy trình công nghệ. Nếu xem việc sáng tác một tác phẩm văn học cũng giống như việc xây dựng một tòa nhà, thì ở đây, nhà văn phải đồng thời vừa là anh công nhân sản xuất nguyên vật liệu, chế biến gạch ngói, cưa đục kèo cột, vừa là kiến trúc sư thiết kế kiểu mẫu, lại vừa là tổng công trình sư và người thi công. Nói cụ thể hơn, nhà văn phải tự quan sát thế giới hiện thực, phải tự chọn lựa đề tài, phải nghiền ngẫm những vấn đề của đời sống, và đến khi ý đồ sáng tạo đã chín muồi, cảm hứng đã lên men, nhà văn phải tự viết, tự sửa chữa bản thảo. Nhà văn cũng là người duy nhất chịu hoàn toàn trách nhiệm trước công chúng độc giả về tác phẩm của mình. Tóm lại, không ai có thể thay thế được nhà văn trong công việc của họ. Mỗi nhà văn

là một thế giới, nhà văn này không thể thay thế nhà văn kia. Cho nên, mỗi nhà văn, bằng tài năng và cá tính sáng tạo của mình đều có thể *trực tiếp đóng góp cho sự phong phú, đa dạng của một nền văn học.*

Ta gọi tác phẩm văn học là một công trình sáng tạo nghệ thuật bởi lao động của nghệ sĩ đúng là *lao động sáng tạo*. Tác phẩm văn học không thể sản xuất đồng loạt theo những khuôn mẫu có sẵn như sản xuất công nghiệp. Nghệ thuật luôn luôn đòi hỏi nhà văn phải sáng tạo ra những tác phẩm mới mẻ cả về nội dung lẫn hình thức. Trong truyện ngắn *Đời thừa* Nam Cao viết : "Văn chương không cần đến những người thợ khéo tay, làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những cái gì chưa có". Chính vì thế, sự xuất hiện của những nghệ sĩ lớn bao giờ cũng *góp phần thúc đẩy sự phát triển của văn học*, thậm chí có thể đưa nền văn học của một dân tộc rẽ sang một bước ngoặt mới. Nguyễn Trãi, Nguyễn Du là những nhà văn như vậy.

II – NHÀ VĂN PHẢI CÓ NĂNG KHIẾU, CÓ VỐN VĂN HÓA RỘNG RÃI VÀ CÓ TƯ TƯỞNG NGHỆ THUẬT ĐỘC ĐÁO

thuongmaitr

Sáng tạo nghệ thuật đòi hỏi nhà văn phải có *năng khiếu*. Nhà khoa học muốn sáng tạo cũng phải có năng khiếu. Nhưng năng khiếu của nhà văn có những phẩm chất không giống với năng khiếu của nhà khoa học. Nhà khoa học phải có khả năng tư duy bằng những khái niệm trừu tượng, bằng lập luận, phán đoán, suy lí lôgic. Nhà văn phải có tài *tư duy bằng hình tượng*. Nghĩa là nhà văn phải có khả năng suy ngẫm về các vấn đề của hiện thực thông qua một thế giới hình tượng gồm những cảnh vật và những nhân vật cụ thể, sống động, tồn tại trong những mối quan hệ xã hội phong phú và đa dạng.

Tư duy hình tượng đòi hỏi nhà văn phải có *tình cảm mãnh liệt*. Nhà văn phải sống hết mình với cuộc đời, biết xúc động và nhạy cảm trước mọi niềm vui và nỗi đau của con người, đồng thời phải biết làm cho những tình cảm ấy lây lan sang người đọc bằng phương tiện nghệ thuật.

Cái thiện và cái ác, cái đẹp và cái xấu trong hiện thực đời sống thường có nhiều hình thức biểu hiện hết sức phức tạp, không phải bao giờ cũng tự bộc lộ rõ ràng. Trong đời sống thực tại, cái ác, cái xấu nhiều khi lại khoác bộ mặt thánh thiện, nhân từ. Ngược lại cái thiện, cái đẹp nhiều khi lại giấu mình, ẩn kín đằng sau những hình thức thô vụng. Cho nên nhà văn phải có *con mắt tinh đời để cảm nhận trực tiếp* và chính xác cái thần, cái hồn của đối tượng và hiện tượng. Nhiều khi những ấn tượng trực tiếp, tức thời, mang

tính chất cảm tính đã giúp nghệ sĩ sáng tạo ra những hình tượng đẹp đẽ kì lạ, vượt ra ngoài khuôn khổ của mọi lí lẽ và không thể chứng minh.

Đối tượng của văn học là những con người và những hiện tượng sống động. Con người đã chế tạo ra không biết bao nhiêu dụng cụ tinh vi để nhận thức thế giới hiện thực. Nhưng lại không có máy móc nào có thể đo được mức độ tình yêu, chiều sâu của lòng căm thù, nỗi đau của người nô lệ hay niềm vui của người được giải phóng. Cho nên, muốn khám phá được chiều sâu tâm hồn và những sắc thái tinh tế trong đời sống nội tâm của con người, nhà văn phải *có trí tưởng tượng phong phú để "nhập thân", "hóa thân"* vào người khác cùng toàn bộ thế giới đối tượng của mình. M. Gorki có lần nói rằng : "Nhà sinh vật học khi nghiên cứu con cừu không nhất thiết phải tưởng tượng mình là con cừu, nhưng nhà văn miêu tả người keo kiệt thì không thể không tưởng tượng mình là gã keo kiệt, khi miêu tả kẻ tham lam không thể không tưởng tượng mình là người tham lam". Trong một lá thư gửi cho Gorki, Lênin cũng nói : nhà văn "nếu không tưởng tượng mình là thằng ngốc thì không thể tả thằng ngốc được".

Văn học lấy ngôn từ làm chất liệu xây dựng hình tượng. Cho nên nhà văn *phải biết sử dụng thuần thục* cái chất liệu ấy. Mỗi nhà văn lớn là một nghệ sĩ bậc thầy trong việc sử dụng ngôn từ.

Bên cạnh năng khiếu, nhà văn phải là người *từng trải, lịch lãm, có vốn văn hóa rộng rãi*. Nhà văn có thể tích lũy vốn liếng văn hóa qua sách vở, qua học tập kinh nghiệm của những người đi trước, qua thực tế sáng tác của bản thân, và đặc biệt, qua thực tiễn đời sống.

Nhưng năng khiếu và vốn liếng văn hóa mới chỉ là cơ sở ban đầu giúp nhà văn có thể hành nghề. Muốn sáng tạo, nghĩa là muốn mang đến cho văn chương một tiếng nói mới mẻ, nhà văn phải có *tư tưởng, có quan điểm nghệ thuật sâu sắc, có cá tính* và cách nhìn độc đáo trước những vấn đề của đời sống. Không có tư tưởng và cách nhìn đời, nhìn người độc đáo, tác phẩm của nhà văn sẽ nhạt nhẽo, hình tượng xây dựng nên sẽ thiếu sức sống, không gây được ấn tượng gì rõ nét đối với người đọc.

III – QUÁ TRÌNH SÁNG TẠO

Thông thường muốn sáng tác, nhà văn phải có *cảm hứng*. Cảm hứng là trạng thái hết sức căng thẳng và say mê buộc nghệ sĩ phải cầm bút. Cảm hứng được thể hiện rõ nhất khi nhà văn bắt đầu viết, nhưng cũng có thể được nuôi dưỡng trọn vẹn trong toàn bộ quá trình nhà văn sáng tác một tác phẩm.

Có nhiều bài thơ được sáng tác theo kiểu *ứng tác*. Nghĩa là khi đã có cảm hứng, nhà thơ có thể hoàn thành tác phẩm một cách tức thời, trong

chốc lát đọc ra được hoặc viết liền được một mạch, không cần phải suy nghĩ, dàn dựng gì cả. Nhiều bài thơ cảm hứng trữ tình rất hay của Hồ Chí Minh được sáng tác như vậy.

Nhưng thực tế sáng tác của nhiều nhà văn cho thấy, mỗi tác phẩm ra đời là kết quả của cả một quá trình thai nghén lâu dài. Giai đoạn đầu tiên của quá trình thai nghén ấy là *hình thành ý đồ sáng tạo* cho tác phẩm. Chẳng hạn, năm 1936, Nguyễn Công Hoan viết truyện ngắn *Đào kép mới* để "đả" cho bọn vua quan của cái triều đình Bảo Đại "một trùy". Nhưng theo lời ông kể, ý đồ của thiên truyện đã được hình thành từ năm 1932. Để viết một cuốn tiểu thuyết có quy mô lớn, sau khi ý đồ sáng tác đã hình thành, nhà văn phải *tiến hành nghiên cứu và thu thập thêm tài liệu*. Chẳng hạn, để viết *Chiến tranh và hòa bình*, L. Tônxtôi đã phải đi thăm cánh đồng Bôrôđinô, gặp gỡ nhiều chiến sĩ trong cuộc Chiến tranh Vệ quốc năm 1812. Ông còn vào Viện lưu trữ đọc nhiều văn kiện gốc, đối chiếu nhiều tư liệu cùng ghi một sự kiện lịch sử.

Giai đoạn tiếp theo rất quan trọng của quá trình sáng tác là *thiết kế sơ đồ* của tác phẩm. Đó là bản phác thảo trước khi viết của nhà văn. Về tác phẩm *Thằng ngốc*, Đôxtôiepxki kể : "Tính trung bình tôi đã nghĩ đến sáu sơ đồ (không ít hơn) hằng ngày. Đầu tôi quay cuồng như chiếc cối xay. Làm thế nào mà tôi không hóa điên, tôi cũng không hiểu nữa". Về cuốn *Chiến tranh và hòa bình*, L. Tônxtôi nói : "Phải suy đi, tính lại tất cả những gì có thể xảy ra với tất cả các nhân vật tương lai trong tác phẩm sắp viết (...) phải suy nghĩ hàng triệu cách phối hợp có thể có được, để rồi trong số đó chỉ chọn lấy một phần triệu mà thôi". Dĩ nhiên, cũng có những trường hợp nhà văn không cần thiết kế tỉ mỉ gì cả. Đó là trường hợp Nguyễn Công Hoan viết *Bước đường cùng*. Còn Tố Hữu thì khẳng định : "Tôi làm thơ không có dàn bài. Tôi không biết trước được bài thơ đến khi nào thì hết, không biết bao giờ nó dừng lại".

Thiết kế xong, nguyên vật liệu đã sẵn, nhà văn bước sang giai đoạn thi công, tức giai đoạn *viết*. Một số nhà văn có thể viết rất nhanh, dường như không khó khăn gì mấy. Nhưng nhìn chung, đây là giai đoạn người sáng tác phải vật lộn với từng chữ, từng cách diễn đạt. M. Gorki cho rằng khó hơn cả là lúc bắt đầu, là câu đầu tiên, bởi vì nó có tác dụng quyết định giọng điệu cơ bản cho toàn tác phẩm. Theo Nguyên Hồng kể lại thì Nguyễn Huy Tưởng thuộc loại nhà văn viết rất khó khăn, có những ngày ông chỉ nhích được mấy dòng bản thảo, nhưng cuối cùng lại dập xóa hết.

Viết xong, dĩ nhiên nhà văn phải *sửa chữa*. Đây là khâu cuối cùng của quá trình sáng tác. Đôxtôiepxki nói : "Tài nghệ vĩ đại nhất của nhà văn là ở chỗ biết xóa bỏ". Nhiều nhà văn sửa chữa bản thảo đến hàng chục lần, thời gian sửa chữa có khi kéo dài hàng năm.

Thực ra, quá trình sáng tác một tác phẩm văn học không thể phân chia một cách rạch ròi, dứt khoát thành các bước, các giai đoạn khác nhau. Bởi giai đoạn sau không đơn giản chỉ là sự tiếp tục công việc của giai đoạn trước, mà ngay ở đây, nhà văn vẫn phải chỉnh lí, sửa đổi, thậm chí phải làm lại tất cả những gì đã làm. Mỗi nhà văn lại có cách sáng tạo riêng, không ai giống ai. Nhưng cách viết của các nhà văn dù có khác nhau thế nào đi chăng nữa thì *sáng tạo nghệ thuật vẫn là một quá trình lao động hết sức công phu, đầy khó khăn và phức tạp, đòi hỏi nghệ sĩ phải có tài năng và tâm huyết, có bản lĩnh nghề nghiệp và tinh thần trách nhiệm cao trước cuộc đời.*

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Vai trò của nhà văn đối với đời sống văn học ? Dẫn chứng ?

2. Nhà văn phải có những phẩm chất riêng biệt gì ?

3. Anh (chị) có suy nghĩ gì về công việc sáng tạo của nhà văn ?

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP CUỐI NĂM

tuongxua.vn

I – VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

Trong năm học lớp 10 vừa qua, chúng ta đã học 5 bài của phần Văn học nước ngoài :

– Sử thi *Ôđixê* của Hômerơ (Hi Lạp cổ đại)

– Sử thi *Ramayana* của Vanmiki (Ấn Độ cổ đại)

– Thơ Đường (Trung Quốc, 618 - 907) với Lí Bạch, Đỗ Phủ, Thôi Hiệu, Bạch Cư Dị

– Tiểu thuyết *Tam quốc diễn nghĩa* (Trung Quốc, của La Quán Trung, 1330 -1400)

– Kịch Sếcxpia (nước Anh thời Phục hưng) qua 2 vở bi kịch *Rômêô và Giuliet, Hamlet*.

Ôn tập là dịp để củng cố những kiến thức đã học, mặt khác còn là dịp để tổng kết quá trình một năm học văn học nước ngoài. Việc tổng kết sẽ giúp chúng ta nâng cao nhận thức, nâng cao trình độ hiểu biết của mình. Ví như sau khi ôn tập từng bài, nếu nhìn lại tất cả 5 bài đã học, chúng ta sẽ bước đầu hiểu được tiến trình phát triển của

văn học thế giới từ thời Cổ đại đến thời Phục hưng. Chúng ta sẽ đối chiếu sử thi của Hômerơ với sử thi của Vanmiki và rút ra được đặc điểm của thể loại văn học này, những nét tương đồng và dị biệt của chúng. Trên cơ sở đó, khi liên hệ đối chiếu với sử thi của văn học Việt Nam (*Đam San, Xống chụ xon xao*...) học sinh sẽ có thể rút ra đặc điểm của sử thi Việt Nam, v.v...

Thơ Đường đối với thơ ca Việt Nam có ảnh hưởng thật sâu rộng và lâu bền. *Tam quốc diễn nghĩa* cũng vậy. Song, như thực tế văn học Việt Nam đã chứng tỏ, ông cha ta tiếp thu tinh hoa văn học nước ngoài là để xây dựng nền văn học Việt Nam ngày càng mang đậm bản sắc dân tộc, làm giàu thêm văn học dân tộc.

Kịch Sêcxpia là đỉnh cao được thế giới thừa nhận, học tập. Tuy nhiên, đó là sản phẩm của nước Anh thời Phục hưng, một thời đã qua không bao giờ trở lại.

Các anh (chị) cố gắng nghiền ngẫm, trả lời những câu hỏi dưới đây để việc ôn tập vừa đạt được mục đích củng cố kiến thức, vừa phát huy được năng lực tư duy phân tích tổng hợp.

1. Sử thi Hômerơ phản ánh thời kì nào của lịch sử Hi Lạp ? Đặc điểm của thời kì lịch sử đó ?

2. Nghệ thuật sử thi *Ôđixê* có gì đặc biệt ? (Cấu trúc truyện, nghệ thuật kể và tả, nghệ thuật khắc họa tính cách nhân vật trung tâm trong đoạn trích giảng *Uylixơ trở về*)

3. Sử thi *Ramayana* cho ta biết những gì về con người và xã hội Ấn Độ cổ đại ?

4. Thử đối chiếu sử thi *Ramayana* với sử thi *Ôđixê* để thấy những điểm tương đồng và dị biệt.

5. Nguyên nhân sự phát triển của thơ Đường ?

6. Anh (chị) hiểu các thể thơ : Đường luật, cổ phong, từ như thế nào ?

7. Thử vận dụng kiến thức đã học để phân tích nghệ thuật thơ Đường của Lí Bạch hay Đỗ Phủ trong sách giáo khoa.

8. Hãy học thuộc một vài bài thơ Đường ở phần *Giảng văn* hoặc *Đọc thêm*.

thuongmaitr

9. *Tam quốc diễn nghĩa* vì sao được gọi là tiểu thuyết ? Đặc điểm nghệ thuật của tiểu thuyết *Tam quốc diễn nghĩa* ?

10. Hãy tóm tắt *Tam quốc diễn nghĩa* và nêu bật các giá trị tư tưởng, nghệ thuật của tác phẩm này.

11. Thời đại Phục hưng được đánh giá là "bước ngoặt tiến bộ vĩ đại nhất từ trước cho đến lúc bấy giờ loài người chưa từng thấy" (Ăngghen - Lời nói đầu cuốn *Biện chứng của tự nhiên*). Vì sao ?

12. Chủ nghĩa nhân văn được Sêcxpia thể hiện trong *Rômêô và Giuliet*, trong *Hamlet* như thế nào ?

13. Ngoài Sêcxpia, anh (chị) còn được biết những nhà văn tiêu biểu nào của Ý, Pháp, Tây Ban Nha thời Phục hưng ?

II – LÍ LUẬN VĂN HỌC

Toàn bộ chương trình lí luận văn học ở THPT xoay quanh một trọng tâm : lí thuyết về tác phẩm văn học.

Để chuẩn bị đi vào trọng tâm nói trên, ở lớp 10, học sinh cần sơ bộ nắm được khái niệm văn học, nghĩa là phải hiểu được "Văn học là gì ?".

tuongxua.vn

Ngoài ra phải hiểu được vai trò quan trọng và phẩm chất của nhà văn trong quá trình sáng tạo văn học.

Ôn lại những điều đã học, chúng ta cần trả lời mấy câu hỏi sau đây :

1. Đặc trưng nội dung của văn học ? Phân tích một tác phẩm đã học ở lớp 10 để minh họa.

2. Đặc trưng của phương thức thể hiện nội dung của văn học. Minh họa bằng một tác phẩm đã học ở lớp 10.

3. Thế nào là tính "phi vật thể" của ngôn từ ? Sử dụng chất liệu ngôn từ văn học có khả năng to lớn như thế nào trong việc miêu tả thế giới khách quan và đời sống nội tâm của con người. Phân tích một đoạn văn hay một đoạn thơ nào đó ở lớp 10 để minh họa.

4. Nhà văn chân chính phải có những phẩm chất riêng biệt gì ? Những phẩm chất ấy có ý nghĩa quan trọng như thế nào đối với việc tạo nên giá trị của tác phẩm văn học ?

MỤC LỤC

Trang

Mở đầu 3

VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

Bài 1. SỬ THI "ÔĐIXÊ" NGUYỄN HOÀNG TUYÊN *biên soạn*

- *Tác giả và tác phẩm* 5
  - I - Vài nét về văn học Hi Lạp cổ đại 5
  - II - Sử thi và Hômerơ 6
  - III - Tác phẩm "Ôđixê" 8
- *Giảng văn :* UYLIXƠ TRỞ VỀ (Trích *Ôđixê*) 12
- *Đọc thêm :* UYLIXƠ VÀ CALIPXÔ (Trích *Ôđixê*) 17

Bài 2. SỬ THI "RAMAYANA" LƯU ĐỨC TRUNG *biên soạn*

- *Tác giả và tác phẩm* 21
  - I - Vài nét về sử thi Ấn Độ 21
  - II - Tác phẩm "Ramayana" 22
- *Giảng văn :* RAMA BUỘC TỘI (Trích *Ramayana*) 25
- *Đọc thêm :* HỒ PAMPA (Trích *Ramayana*) 30

Bài 3. THƠ ĐƯỜNG NGUYỄN KHẮC PHI *biên soạn*

- I - Nguyên nhân phát triển 34
- II - Một số đặc điểm về hình thức nghệ thuật 36
- III - Thơ Đường với văn học Việt Nam 38

LÍ BẠCH

- *Tác giả và tác phẩm* 39
- *Giảng văn :* HOÀNG HẠC LÂU TỐNG MẠNH HẠO NHIÊN CHI QUẢNG LĂNG 40
- *Đọc thêm :* TẢO PHÁT BẠCH ĐẾ THÀNH 42

ĐỖ PHỦ

- *Tác giả và tác phẩm* 44
- *Giảng văn :* THU HỨNG 45
- *Đọc thêm :* ĐĂNG CAO 48

thuongmaitr

THÔI HIỆU
- *Tác giả và tác phẩm* 50
- *Giảng văn* : HOÀNG HẠC LÂU 50

BẠCH CƯ DỊ
- *Tác giả và tác phẩm* 53
- *Giảng văn* : TÌ BÀ HÀNH 54

Bài 4. SÊCXPIA — LƯƠNG DUY TRUNG *biên soạn*
- *Tác giả và tác phẩm* 59
  - I - Thời đại Phục hưng 59
  - II - Sêcxpia và bi kịch *"Rômêô và Giuliet"* 61
- *Giảng văn* : THỀ HẸN (Trích *Rômêô và Giuliet*) 63
- *Giảng văn* : SỐNG, HAY KHÔNG SỐNG - ĐÓ LÀ VẤN ĐỀ (Trích *Hamlet*) 71
- *Đọc thêm* : SỰ LỰA CHỌN CỦA BAXANIÔ (Trích *Người lái buôn thành Vơnidơ*) 83

Bài 5. TAM QUỐC DIỄN NGHĨA — TRẦN XUÂN ĐỀ *biên soạn*
- *Tác giả và tác phẩm* 87
  - I - Sơ lược về tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc 87
  - II - *Tam quốc diễn nghĩa* của La Quán Trung 89
- *Giảng văn* : HỒI TRỐNG CỔ THÀNH (Trích *Tam quốc diễn nghĩa*) 92
- *Đọc thêm* : TỊCH PHƯƠNG BÌNH 98 (Trích *Liêu trai chí dị* của Bồ Tùng Linh)

LÍ LUẬN VĂN HỌC

VĂN HỌC LÀ GÌ ? — LA KHẮC HÒA *biên soạn*
- I - Văn học là một môn nghệ thuật 107
- II - Văn học là nghệ thuật ngôn từ 114

Phụ lục : NHÀ VĂN VÀ QUÁ TRÌNH SÁNG TẠO
- I - Vai trò của nhà văn với đời sống văn học 123
- II - Nhà văn phải có năng khiếu, có vốn văn hóa rộng rãi và có tư tưởng nghệ thuật độc đáo 124
- III - Quá trình sáng tạo 125

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP CUỐI NĂM 127

ruongxua.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI
Tổng biên tập VŨ DƯƠNG THỤY

Biên tập lần đầu :

NGUYỄN MINH TÂM
PHẠM VĂN TRỌNG

Biên tập tái bản :

NGUYỄN MINH TÂM

Biên tập kĩ – mĩ thuật :

NGUYỄN BÍCH LA

Trình bày bìa :

TRẦN TIỂU LÂM

Sửa bản in :

PHAN TỰ TRANG

Chế bản :

PHÒNG CHẾ BẢN (NXB GIÁO DỤC)

thuongmaitr

uongxua.vn

45 NĂM 1957-2002
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 10

1.	Văn học 10, tập 1	*Tái bản*
2.	Văn học 10, tập 2	*Tái bản*
3.	Làm văn 10	*Tái bản*
4.	Dàn bài Tập làm văn 10	*Tái bản*
5.	Tiếng Việt 10	*Tái bản*
6.	Bài tập Tiếng Việt 10	*Tái bản*
7.	Đại số 10	*Tái bản*
8.	Bài tập Đại số 10	*Tái bản*
9.	Hình học 10	*Tái bản*
10.	Bài tập Hình học 10	*Tái bản*
11.	Lịch sử 10	*Tái bản*
12.	Địa lí 10	*Tái bản*
13.	Tài liệu Giáo dục công dân 10	*Tái bản*
14.	Sinh học 10	*Tái bản*
15.	Vật lí 10	*Tái bản*
16.	Hóa học 10	*Tái bản*
17.	Kĩ thuật 10 (VKT - GCVL)	*Tái bản*
18.	Kĩ thuật 10 (LN - NCNN)	*Tái bản*
19.	English 10	*Tái bản*
20.	Tiếng Anh 10 (Hệ 3 năm)	*Tái bản*
21.	Tiếng Pháp 10 (Hệ 3 năm)	*Tái bản*
22.	Tiếng Pháp 10 (Hệ 7 năm)	*Tái bản*
23.	Tiếng Nga 10 (Hệ 3 năm)	*Tái bản*
24.	Bài tập Vật lí 10	*Tái bản*
25.	Bài tập Hoá học 10	*Tái bản*
26.	Bài tập kĩ thuật 10 (VKT-GCVL)	*Tái bản*
27.	Bài tập thực hành Kĩ thuật 10 (LN-NCNN)	*Tái bản*

thuongmaitruongxua.vn

VĂN HỌC 10 - Tập hai

Mã số : 3H002T2

In 170.000 bản (ST) khổ 14,3 x 20,3 cm. Tại Xí nghiệp In Hải Phòng. Số in : 1386. Số XB : 1302/313-01.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 1 năm 2002

8 934980 102992

Giá : 3.200đ